



Annie Besant

MINH TRIẾT CỔ TRUYỀN

(THE ANCIENT WISDOM)

Quyển 1

Tô Hiệp và nhóm dịch thuật Krotona

2010

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....i

LỜI MỞ ĐẦU.....1

DẪN KHỞI.....3

NGUYÊN LÝ DUY NHẤT, CĂN BẢN CỦA TẤT CẢ CÁC
TÔN GIÁO

CHƯƠNG I.....	35
CÕI TRẦN (The Physical Plane)	
CHƯƠNG II.....	49
CÕI TRUNG GIỚI (The Astral Plane)	
CHƯƠNG III.....	67
CẢM DỤC GIỚI (Kamaloka)	
CHƯƠNG IV.....	83
CÕI THƯỢNG GIỚI, hay CÕI TRÍ (The Mental Plane)	
CHƯƠNG V.....	105
CÕI TRỜI CHÂN PHÚC (Devachan)	

LỜI MỞ ĐẦU

Quyển sách này với mục đích cống hiến đến toàn thể độc giả một tóm lược đơn giản, rõ ràng về những giáo huấn Thần Triết. Đồng thời đối với sinh viên huyền môn, nó là nền tảng thích hợp cho những kiến thức sâu xa hơn. Mong sao quyển sách này có thể hữu dụng, như là lời giới thiệu những công trình thâm sâu hơn của bà H. P. Blavatsky, và là nền tảng thích hợp cho sự nghiên cứu của sinh viên.

Những người có nghiên cứu chút ít về Minh Triết Cổ Truyền, đều nhận thấy rằng trí tuệ của họ được soi sáng, bình an, vui tươi và vững mạnh, nhờ những bài học đem đến cho đời sống của họ.

Mong sao có được một số người nghiên ngẫm và nhận được chân giá trị của những giáo lý trong quyển sách này. Đây là lời cầu nguyện, xin gởi khắp thế gian.

Tháng Tám, 1897.

Annie Besant

DẪN KHỞI

NGUYÊN LÝ DUY NHẤT, CĂN BẢN CỦA TẤT CẢ CÁC TÔN GIÁO

Muốn cho hành động được chân chánh ta cần phải có tư tưởng chân chánh, muốn cuộc sống được chân chánh ta cần phải có sự hiểu biết chân chánh, và Minh Triết Thiên Liêm. Theo danh từ Bắc Phạn cổ truyền, Minh Triết Thiên Liêm được gọi là Brahma Vidya, theo tiếng Hy Lạp hiện nay là Theosophia. **Minh Triết Thiên Liêm hay Thông Thiên Học xuất hiện trên thế gian như là một triết thuyết thỏa đáng, bao gồm tất cả những nền luân lý và tôn giáo.** Có người sùng tín đã cho rằng các thánh kinh Thiên Chúa Giáo bao hàm những chỗ cạn mà một đứa trẻ có thể đi băng qua, và những chỗ sâu mà một người lớn phải bơi qua. Một phát biểu tương tự như thế có thể dành cho Thông Thiên Học, vì một số giáo lý của nó đơn giản và thực tế đến nỗi bất cứ một người trung bình nào cũng có thể hiểu và thực hành được; còn một số giáo lý khác rất cao siêu và thâm thúy đến nỗi những người thông minh nhất cũng phải căng thẳng và nỗ lực hết sức mới thấu nhập được.

Trong quyển sách này, Thông Thiên Học cố gắng trình bày các nguyên lý và chân lý tổng quát một cách đơn giản, rõ ràng và mạch lạc về vũ trụ. Tác phẩm này cũng trình bày những chi tiết cần thiết về sự liên quan giữa các nguyên lý và chân lý này. Một quyển sách giáo khoa sơ cấp, không thể trình bày hết những kiến thức như tác phẩm cao thâm, nhưng nó phải đem lại cho học giả những ý tưởng cơ bản rõ ràng. Thật ra, còn nhiều điều cần bổ túc khi học giả nghiên cứu thêm trong tương lai. Học giả có thể khảo cứu thêm chi tiết về những điều mà quyển sách chỉ trình bày một cách khái lược.

Qua sự khảo sát về những tôn giáo lớn trên thế giới, người ta đều công nhận rằng có nhiều điểm tương đồng giữa các tôn giáo, về phương diện đạo đức và triết học. Tuy sự kiện này được mọi người công nhận, nhưng việc giải thích nó lại là một vấn đề còn đang được tranh luận. Một số người cho rằng các tôn giáo đã phát triển trên sự ngu dốt của con người và do trí tưởng tượng, chúng được trau chuốt dần dần từ các dạng thô sơ của thuyết duy linh và bái vật giáo. Người ta cho rằng có sự giống nhau giữa các tôn giáo là do con người quan sát một cách bất toàn các hiện tượng phổ quát trong thiên nhiên, và giải thích chúng theo óc tưởng tượng. Sự kính ngưỡng mặt trời và các vì tinh tú được học phái này đưa ra để biện minh cho lập luận của họ, còn việc sùng bái ngẫu tượng dương vật được học phái khác dùng để giải thích cho lập trường của họ. Sự sợ hãi, lòng ham muốn, sự vô minh và sự hoang mang khiến cho người dã man nhân cách hóa các năng lực thiên nhiên. Các giáo sĩ đã lợi dụng sự sợ hãi, niềm hy vọng, những điều hoang tưởng mù mờ và những nan đề không thể giải thích được của họ. Chuyện thần thoại trở thành thánh kinh, biểu tượng trở thành sự kiện, và vì căn bản của chúng vốn phổ quát, nên những tin tưởng chung trong dân gian không tránh được có sự giống nhau. Các vị bác học về “thần học đối chiếu” nói như thế, và người bình thường đành im lặng, nhưng trong thâm tâm, những lý luận đó cũng không thuyết phục được họ. Họ không thể chối bỏ sự giống nhau, nhưng họ cảm thấy lờ mờ rằng, mọi hy vọng thân thương nhất và mọi điều tưởng tượng cao quý nhất, chẳng lẽ chỉ là những điều suy tư ngu dốt. Không lẽ các vị đại lãnh tụ của nhân loại, các vị thánh tử đạo và các bậc anh hùng đã sống, làm việc, đau khổ và chết trong sự lầm lạc, chỉ vì sự nhân cách hóa những dữ kiện thiên văn học, và những điều khiếm nhã được che đậy của người kém văn minh hay sao?

Lời giải thích thứ nhì về sự tương đồng giữa các tôn giáo trên thế giới khẳng định rằng có một giáo lý nguyên thủy được gìn giữ bởi những bậc Đại Đạo Sư tinh

thần. Các Ngài vốn là kết quả của các chu kỳ tiến hóa đã qua, các Ngài đóng vai trò giáo huấn và dẫn dắt nhân loại còn ấu trĩ trên địa cầu, và lần lượt ban cho các giống dân của những quốc gia khác nhau, những chân lý cơ bản về tôn giáo bằng hình thức thích hợp nhất với các đặc tính riêng biệt của từng giống dân. Theo quan điểm này, những Vị sáng lập ra các tôn giáo lớn đều là thành viên của một Nhóm Huynh Đệ duy nhất; sứ mệnh của các Ngài được sự trợ giúp của nhiều thành viên cấp dưới, gồm các vị đã được điểm đạo và đủ mọi cấp độ tử đã phát triển về tâm linh, về tri thức triết học, cũng như trình độ minh triết, và đã được thanh lọc về mặt luân lý đạo đức. Các Ngài hướng dẫn các quốc gia non trẻ trong việc chọn lựa chính thể, ban hành luật lệ, cai quản dân chúng trên cương vị những quốc vương, giáo huấn nhân loại trên cương vị những triết gia, dìu dắt quần chúng trên cương vị những giáo sĩ. Mọi quốc gia thời xưa đều hoài niệm những vị thần nhân cao cả, và anh hùng; các Ngài còn lưu lại di tích trong văn chương, kiến trúc và việc lập pháp.

Trên phương diện truyền thống phổ quát, thật khó mà chối bỏ được sự hiện diện của các nhân vật như thế. Tuy một phần lớn đã bị hủy hoại, song vẫn còn những kinh sách và di tích thời tiền sử mà không ai bác bỏ được. Các thánh kinh Đông Phương là bằng chứng hùng hồn nhất cho thấy sự cao cả của các Ngài. Những giai đoạn về sau và trong thời hiện đại, chỉ một số ít người có thể tiếp cận được mức độ tâm linh cao cả trong tư tưởng tôn giáo, trong triết lý siêu việt, và trong sự tinh khiết về mặt luân lý đạo đức của các Ngài. Khi ta thấy những kinh sách này chứa đựng các giáo lý về Thượng Đế, về con người và vũ trụ, tất cả đều đồng nhất trên phương diện bản chất, mặc dù biểu lộ ra bằng nhiều hình thức khác nhau, thì không có gì phi lý khi ta quy chúng về một hệ thống giáo lý nguyên thủy trung tâm. Ta gọi hệ thống đó là Minh Triết Thiêng Liêng, danh từ Hy Lạp là Theosophy.

Trên cương vị là nguồn cội và nền tảng của tất cả tôn giáo, nó không thể đối nghịch với bất cứ tôn giáo nào, mà nó là sự thanh lọc của các tôn giáo. Minh Triết Thiêng Liêng nói lên ý nghĩa thực sự giá trị tiềm ẩn bên trong nhiều sự việc, mà người thường cho là vô lý, vì vô minh và mê tín dị đoan. Nó nhận ra và biện giải minh triết ẩn tàng trong mỗi tôn giáo. Khi trở thành người Thông Thiên Học, chúng ta vẫn giữ tín ngưỡng riêng, như một tín đồ Thiên Chúa Giáo, Phật Giáo, Ấn Độ Giáo. Chỉ có điều là chúng ta trực nhận sâu sắc hơn về đức tin của chính mình, nắm vững hơn về các chân lý tâm linh, cũng như hiểu biết sâu xa hơn về các giáo lý linh thiêng của nó. **Thông Thiên Học thời xưa đã khai sinh ra các tôn giáo, Thông Thiên Học thời**

nay biện minh và bảo vệ các tôn giáo. Thông Thiên Học là tảng đá mà mọi tôn giáo đều được đẽ gọt ra từ đó, là đáy của một cái hồ mà mọi tôn giáo đều được đào bới lên. Đối với những sự chỉ trích, nó biện minh cho những ao ước và xúc cảm sâu kín nhất trong tâm hồn nhân loại; nó kiểm chứng những niềm hy vọng của con người, và cho chúng ta niềm tin cao quý về Thượng Đế.

Những phát biểu này ngày càng hiển nhiên và đúng đắn khi ta nghiên cứu nhiều loại thánh kinh trên thế giới. Chỉ cần tuyển chọn một số ít tài liệu sẵn có cũng đủ xác nhận sự kiện này, từ đó hướng dẫn học giả tìm tòi thêm những bằng chứng khác. Những chân lý tâm linh chính yếu của tôn giáo có thể được tóm lược như sau:

I. Có một Bản Thể chân thật vĩnh cửu, vô giới hạn, không thể nhận biết được.

II. Từ đó Thượng Đế được biểu lộ, triển khai từ nhất nguyên sang nhị nguyên, rồi tam nguyên.

III. Từ tam nguyên biểu lộ thành nhiều Đấng Thông Tuệ tâm linh, hướng dẫn trật tự vũ trụ.

IV. Con người là một phản ảnh của Thượng Đế, do đó cơ bản là một tam nguyên. Chân ngã nội giới của con người vốn vĩnh cửu và đồng nhất thể với Đại Ngã của vũ trụ.

V. Con người tiến hóa bằng cách luân hồi, do sự thu hút của dục vọng, và sẽ được giải thoát nhờ vào minh triết và sự hy sinh. Về mặt hiện thực, con người sẽ trở nên thiêng liêng, vì tiềm năng của con người là thiêng liêng.

Theo sự khảo cứu về nền văn minh xưa đã bị hóa thạch, Trung Quốc là nơi cư ngụ của người Turan, phân chủng thứ 4 của giống dân chánh thứ 4, giống dân này cư trú nơi lục địa đã bị mất tích (Châu Atlantis), hậu duệ của giống dân này rải rác trên khắp thế giới. Người Mông Cổ, phân chủng cuối cùng của giống dân chánh thứ 4, về sau củng cố dân số của mình; vì thế chúng ta thấy ở Trung Quốc có các truyền thống từ thời xa xưa, trước khi giống dân thứ 5 (giống dân Aryan) định cư ở Ấn Độ. Trong Thanh Tịnh Cổ Kinh (Classic of Purity), trích đoạn của một thánh kinh cổ tuyệt vời, cho thấy tinh thần ung dung và bình an, vốn là đặc trưng cho “giáo lý nguyên sơ”. Trong phần giới thiệu cho bản dịch của mình^[1], ông Legge nói rằng quyển kinh

này được cho là của Ko yuan (hoặc Hsuan), một đạo gia đời Wu (222-227 sau công nguyên), tác giả đã trở thành huyền thoại, người đời cho rằng ông đã đạt được trạng thái bất tử và được gọi là đấng bất tử. Ông thường làm những phép lạ, có một lối sống không tiết độ, và có cung cách kỳ dị. Một lần kia, có chiếc tàu bị đắm, ông ngoi lên từ dưới nước mà quần áo vẫn khô ráo, và thong thả bước đi trên mặt nước. Cuối cùng ông bay lên trời giữa thanh thiên bạch nhật. Những câu chuyện này chắc hẳn sẽ bị người đời sau cho là chuyện tưởng tượng.

Những câu chuyện như thế được lặp đi lặp lại khi nói về các vị đã điếm đạo đủ các đẳng cấp khác nhau, và tất nhiên không phải là chuyện tưởng tượng, nhưng nơi đây chúng ta chỉ chú trọng đến lời giảng giải của chính Ko yuan trong tác phẩm này.

Tôi đã tụng kinh này 10.000 lần trước khi tôi đạt được chân đạo. Những giáo lý này được các Đấng Thánh Linh trên trời thực hành mà chưa truyền đạt cho các học giả nơi hạ giới. Tôi học được kinh này từ Ngài Đông Hoa Đế Quân (Divine Ruler of the Eastern Hwa). Khởi thủy do Tây Vương Thánh Mẫu (Royal-mother of the West) truyền lại cho Kim Môn Thánh Vương (Divine Ruler of the Golden Gate), rồi Kim Môn Thánh Vương truyền lại cho Ngài.

Kim Môn Thánh Vương là tước vị của bậc đã được điếm đạo, trị vì đế quốc Toltec ở châu Atlantis; tước vị này gọi ý rằng Thanh Tịnh Cổ Kinh được mang từ châu Atlantis đến Trung Quốc khi người Turan ly khai với người Toltec. Ý tưởng này được nhấn mạnh thêm qua nội dung của bài khảo luận ngắn bàn về Đạo (Tao), có nghĩa là “Con Đường”; đó là tên chỉ cho Thực Tại Duy Nhất trong tôn giáo cổ truyền của người Turan và Mông Cổ. Bài khảo luận viết rằng:

“Đại Đạo (Great Tao) không có hình tướng, nhưng Nó tạo ra và nuôi dưỡng trời đất. Đại Đạo không có tham dục, nhưng Nó tạo nên sự tuần hoàn của mặt trời và mặt trăng. Đại Đạo không có tên gọi, nhưng nhờ ảnh hưởng của nó mà vạn vật tăng trưởng và được duy trì.” (i, 1).

Đây là sự biểu lộ của Thượng Đế nhất nguyên, và tiếp theo là nhị nguyên:

“Như thế thì Đạo lại biểu hiện thành 2 dạng, thanh và trược, và có 2 trạng thái động và tịnh. Trời thanh, Đất trược, Trời động, Đất tịnh. Dương thanh, âm

trước; dương động, âm tĩnh. Bản chất trong sạch giáng xuống, sự trọng trước tuôn ra ngoài, cứ như thế vạn vật được tạo ra” (i, 2).

Sự lý thú đặc biệt của đoạn văn này là nó ám chỉ những khía cạnh tác động và tiếp nhận của thiên nhiên, sự phân biệt giữa tinh thần (đấng sinh thành) và vật chất (đấng bảo dưỡng), ý niệm này rất quen thuộc trong các tác phẩm sau này.

Trong Đạo Đức Kinh, giáo lý về đấng không biểu lộ và đấng biểu lộ được trình bày rõ rệt:

“Đạo mà ta có thể bước đi trên đó không phải Đạo bền vững và bất biến. Danh mà ta có thể đặt cho nó một cái tên không phải là Danh bền vững và bất biến. Khi không tên, nó là Đấng sinh hóa ra trời đất; khi có tên, nó là Mẹ của vạn vật... Ẩn dưới hai khía cạnh này thì nó thực sự là như nhau, nhưng khi biểu lộ nó nhận được những tên gọi khác nhau. Chúng ta gọi chung là Huyền Nhiệm” (i, 1, 2, 4).

Một trong các thánh danh mà những học giả Kabbalah nhắc đến là “Điều Huyền Nhiệm Ẩn khuất”:

“Như thế, có một điều gì không thể miêu tả được, nhưng hoàn chỉnh, hiện tồn trước khi khai thiên lập địa. Nó rất yên lặng, không hình thể, hiện tồn một mình, bất di bất dịch, hiện hữu khắp nơi và không bao giờ mất. Nó có thể được xem là Mẫu Nghi của vạn vật. Nó không có tên, nhưng tôi miễn cưỡng gọi nó là Đạo (Tao) hay Đại (Great). Nó lưu chuyển không ngừng, khi qua đi, nó trở nên xa xôi, khi ở nơi xa xôi, nó trở lại” (xxv, 1-3).

Thật lý thú khi chúng ta thấy ở đây ý tưởng ra đi và trở lại của Sự Sống Duy Nhất, mà chúng ta rất quen thuộc trong những kinh sách Ấn Độ. Dường như câu thơ sau đây cũng rất quen thuộc:

“Vạn vật dưới bầu trời phát sinh từ Nó với tư cách là sự hiện tồn (và có tên); từ sự hiện tồn đó phát sinh ra điều không hiện tồn (và không có tên)” (XL, 2).

Đó là cách mà một vũ trụ có thể trở thành, Đấng không biểu lộ sinh ra Đấng Duy Nhất, là cội nguồn của nhị nguyên và tam nguyên:

“Đạo sinh Nhất, Nhất sinh Nhị, Nhị sinh Tam, Tam sinh ra vạn vật. Vạn vật đi lại phía sau cái Bóng Tối (từ đó chúng phát sinh) và tiến tới ôm trọn Sự Sáng (trong đó chúng đã xuất lộ), trong khi chúng được điều hòa bởi “Thần Khí Hư Không” (Breath of Vacancy) (xlii,1).

“Thần Khí Không Gian” (Breath of Space) có thể là một từ dịch thuật thích hợp hơn, vì tất cả đều được tạo ra từ Nó, và Nó tồn tại trong tất cả:

“Đại Đạo thấm nhuần vạn vật, nó có thể ở bên trái và bên phải. Nó phủ lên vạn vật một tấm áo choàng, và không tỏ vẻ là chúa tể của chúng; Nó hiện diện nơi các sự vật nhỏ nhất, cũng như lớn nhất. Vạn vật đều trở về nguồn cội của mình rồi tan biến, và không ý thức rằng chính Đại Đạo chủ trì mọi việc” (xxxiv, 1, 2).

Trang Tử (thế kỷ thứ 4 trước công nguyên), khi trình bày về các giáo lý cổ truyền, có đề cập đến các Đấng Thông Tuệ tâm linh xuất phát từ Đạo:

“Nó có nguồn gốc và nền tảng hiện tồn nơi chính Nó. Từ xa xưa, trước khi khai thiên lập địa, Nó đã tồn tại an toàn. Từ Nó phát sinh ra sự hiện tồn huyền nhiệm của linh hồn, và sự hiện tồn huyền nhiệm của Thượng Đế” (quyển vi, phần i, tiết vi, 7).

Tiếp theo đó là một số hồng danh của các Đấng Thông Tuệ, sự kiện này rất phổ cập và đóng vai trò quan trọng trong nền tôn giáo Trung Quốc, thiết tưởng chúng ta cũng không cần đưa ra thêm các trích dẫn khác.

Theo ông Legge, Đạo giáo cho rằng con người là một tam nguyên, có tinh thần, tâm trí và xác thân. Sự phân chia này được thấy rõ trong “Thanh Tĩnh Cổ Kinh”, dạy rằng con người phải từ bỏ dục vọng để đạt tới mức hợp nhất với Đấng Duy Nhất. Tinh thần con người thích sự thanh tịnh, nhưng cái trí làm cho nó bị khuấy động. Tâm trí con người thích sự tĩnh lặng, nhưng các ham muốn của họ lôi kéo nó đi. Nếu con người luôn luôn có thể xua đuổi hết các ham muốn của mình, thì tâm trí của họ sẽ trở nên tĩnh lặng. Con người hãy làm cho tâm trí trở nên trong sáng, và tinh thần trở nên thanh tịnh. Sở dĩ con người không thể đạt được điều này, vì tâm trí chưa được tẩy sạch, và dục vọng chưa được xua đuổi hết. Nếu người ta có thể xua đuổi hết các ham muốn, khi ấy họ nhìn vào tâm trí của chính họ, nó không còn là của họ nữa, khi họ nhìn ra cơ thể của họ, nó cũng không còn là của họ nữa, và khi họ nhìn ra xa, nhắm vào các sự vật bên ngoài, thì họ chẳng còn bị vướng mắc nữa” (i, 3, 4).

Sau khi trình bày các giai đoạn rút về “tình trạng tĩnh lặng hoàn toàn,” quyển sách tiếp theo:

“Trong tình trạng yên nghỉ không tùy thuộc vào nơi chốn, làm thế nào dục vọng có thể nảy sinh ra được? Và khi không còn sự ham muốn nào nảy sinh nữa thì có sự tĩnh lặng và yên nghỉ chân thực. Sự tĩnh lặng chân thực đó trở thành đặc tính thường hằng, và đáp ứng với các sự việc bên ngoài (mà không sai lầm); thật vậy, đặc tính chân thực và thường hằng đó chính là bản chất tự nhiên. Trong sự đáp ứng tĩnh lặng thường hằng như thế sẽ có sự thanh tịnh và yên nghỉ thường hằng. Người nào có được sự thanh tịnh tuyệt đối này sẽ dần dần nhập vào (nguồn cảm hứng của) Chân Đạo” (i, 5).

Từ ngữ « nguồn cảm hứng » được dùng tạm, không diễn đạt rõ ràng ý nghĩa, vì sự nhập vào Đạo vốn phù hợp với toàn thể ý tưởng này, cũng như với các thánh kinh khác.

Đạo giáo cũng chú trọng tới việc diệt dục; một nhà bình luận về Thanh Tịnh Cổ Kinh nhận xét rằng, việc hiểu Đạo tùy thuộc vào sự thanh tịnh tuyệt đối, và việc đạt được sự thanh tịnh tuyệt đối này hoàn toàn tùy thuộc vào vấn đề diệt dục, đó là bài học thực tế cấp bách của bộ khảo luận này.

Đạo Đức Kinh nói:

“Chúng ta phải luôn luôn vô dục,

Nếu muốn tìm sự bí nhiệm thâm sâu của nó;

Nhưng nếu dục vọng vẫn còn hiện diện bên trong,

Chúng ta chỉ thấy được phần bên ngoài của nó” (i, 3).

Sự luân hồi dường như không được dạy rõ rệt như người ta mong đợi. Mặc dù có những đoạn văn ám chỉ ý tưởng chính về sự luân hồi, và thực thể được coi như sinh ra trong loài thú, cũng như trong loài người. Trang Tử kể một câu chuyện kỳ dị nhưng minh triết, về một người sắp chết, có một người bạn nói với người ấy:

“Đấng Tạo Hóa quả thật là vĩ đại! Ngài sẽ làm cho bạn trở thành gì? Ngài sẽ đưa bạn đến đâu? Liệu Ngài sẽ biến bạn thành gan con chuột hay tay chân con côn trùng?” Szelai trả lời: “Bậc cha mẹ bảo đưa con đi bất cứ nơi đâu, đông, tây, nam, bắc, nó phải tuân lệnh. Thế mà đây là thợ đúc vĩ đại, đúc kim loại của ông ta. Nếu kim loại nhảy dựng lên (trong cái bình) và nói rằng: “Tôi phải được làm thành (một cây gươm giống như) Moyshe,” thì người thợ đúc vĩ đại ắt hẳn coi nó là quái gở. Như vậy, nếu một hình thể đang được tạo ra trong cái khuôn tử cung, nói rằng: “Tôi phải trở thành con người, tôi phải trở thành con người,” thì Đấng Tạo Hóa ắt hẳn coi nó là quái gở. Khi ta hiểu rằng trời và đất là một lò luyện kim vĩ đại, và Đấng Tạo Hóa là một thợ đúc vĩ đại, thì đi tới đâu cũng tốt cho chúng ta. Sinh ra từ một giấc ngủ yên lặng, chúng ta chết để thức dậy bình an” (quyển vi, phần i, tiết vi).

Xét đến giống dân thứ năm, Aryan, chúng ta cũng thấy giáo lý ấy được thể hiện trong tôn giáo lớn nhất và xưa nhất của người Aryan – Bà La Môn Giáo. Trong kinh “Chhandogyanishad” có nói sự hiện tồn vĩnh cửu là “Độc nhất vô nhị” và trong đó có viết rằng: “Cái Đó” muốn Tôi sinh sôi nảy nở vì ích lợi của vũ trụ” (vi, ii, 1, 3).

Thượng Đế Tối Cao, Brahman, có 3 Ngôi (Bản Thể, Tâm Thức, Toàn Phúc), và:

“Từ điều này phát sinh ra sự sống, tâm trí và tất cả giác quan, dĩ thái, gió, lửa, nước, đất, để nâng đỡ vạn vật” (Mundakopanishad, ii, 3).

Ngoài các thánh kinh Ấn Độ, chúng ta không thể tìm thấy sự mô tả nào vĩ đại hơn về Thượng Đế, và chúng đang trở nên quen thuộc đến nỗi chỉ cần những đoạn trích dẫn ngắn gọn như sau cũng đủ:

“Biểu hiện gần gũi, chuyển động nơi bí mật, chỗ trú vĩ đại; mọi vật chuyển động, hít thở và nhắm mắt, yên nghỉ nơi đây. Hãy biết Cái Đó phải được tôn thờ, hiện tồn và không hiện tồn, cái tốt nhất, vượt ngoài tâm trí thức của mọi sinh vật. Sáng chói, tinh vi hơn những thứ tinh vi; các thế giới và cư dân của chúng được gắn vào trong đó. Cái Đó là Brahman bất diệt; Cái Đó cũng là sự sống, tiếng nói và tâm trí . . . Brahman vô nhiễm và bất khả phân ly, ở trong lớp vỏ hoàng kim cao quý nhất, không tù vết; Cái Đó là Ánh Sáng thuần khiết của các ánh sáng, mà chỉ những vị đã đạt được chân ngã mới biết . . . Brahman bất tử ở phía trước, phía sau, bên phải và bên trái, ở bên dưới, bên trên, và đang thấm nhuần vào tất cả, Brahman này quả thật là tất cả; là điều hoàn hảo nhất” (Mundakopanishad, II, ii, 1, 2, 9, 11).

“Brahman, Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại, vượt ngoài vòng vũ trụ, ẩn tàng nơi mọi thực thể tùy theo các cơ thể của chúng. Hơi thở duy nhất của trọn cả vũ trụ, Đấng Chúa Tể mà người ta biết rằng Ngài là bất tử. Tôi biết Đấng Chân Linh phi thường đó, như mặt trời sáng chói vượt ra ngoài bóng tối . . . Tôi biết Ngài là Đấng Bất Diệt, Đấng Thái Cổ, Linh Hồn của vạn vật, có bản chất hiện diện ở khắp nơi, Đấng mà các học giả Bà La Môn gọi là bất sinh, là vĩnh cửu” (Shvetashvataropnishad, (iii, 7, 8, 21).

“Khi không có bóng tối, không có ngày, cũng không có đêm, không có hiện hữu, cũng không có phi hiện hữu, chỉ có một mình Shiva. Cái Đó là Đấng Bất Diệt, được Savitri tôn thờ, Minh Triết Cổ Truyền phát sinh từ đó. Người ta không thể biết được Ngài ở trên, ở dưới hoặc ở giữa. Cũng không có sự tương tự nào đối với Đấng mà hồng danh của Ngài là sự vinh quang vô hạn. Không thể nhò vào thị giác để thấy hình tướng của Ngài, và chiêm ngưỡng Ngài, mà chỉ có thể biết Ngài bằng tâm và trí; Ngài vốn ngự nơi tâm, trở nên bất tử” (như trên, iv, 18-20).

Con người, trên phương diện Chân Ngã nội tại, đồng nhất với Chân Ngã của vũ trụ (Tôi là Cái Đó), ý niệm này hoàn toàn thấm nhuần mọi tư tưởng Ấn Độ đến nỗi người ta thường gọi con người là “đô thị thiêng liêng của Brahman” (devine town of Brahman),^[2] “đô thị chín cổng” (town of nine gates),^[3] Thượng Đế ngự nơi khoảng trống trong tim con người.

“Xét về một phương diện nào đó, Bản Thể vốn không thể chứng minh được, nó bất diệt, vô nhiễm, cao siêu hơn thanh khí, bất sinh, đó là Linh Hồn vĩ đại vĩnh cửu. . . Đại Hồn bất sinh này đồng một thể với “linh hồn” thông tuệ ngự trong mọi sinh vật; cũng là “thanh khí trong tâm”.^[4] Cái Đó ngự yên nơi con người, là Đấng chế ngự vạn vật, Đấng cai trị vạn vật, Đấng Chúa Tể trị vì muôn loài. Các việc thiện không làm nó tăng lên, các việc ác không làm nó giảm đi. Là Đấng bảo tồn muôn loài, nhiếp cầu thông thương, Đấng hộ trì và giữ gìn cho các thế giới này không bị sụp đổ tan tành” (Brihadaranyakopnishad, IV, iv, 20, 22, bản dịch của tiến sĩ E. Roer).

Khi Thượng Đế khai triển vũ trụ thì tính cách tam phân xuất hiện rất rõ ràng với Shiva, Vishnu, và Brahma, hoặc trên cương vị Vishnu ngủ dưới nước, từ Ngài hoa sen được mọc ra và chứa đựng Brahma. Con người cũng tam phân, trong kinh “Mandukyopnishad” có mô tả chân ngã bị hạn chế bởi thể xác, thể thanh nhẹ và thể trí, để rồi vượt lên trên tất cả và nhập vào Đấng Duy Nhất “Bất Nhi”. Từ Tam Vị Nhất

Thế phát sinh ra nhiều Vị Thần Linh, liên quan đến sự cai quản vũ trụ, trong kinh “Brihadaranyakopanishad” có nói về chư Vị Thần Linh như sau:

“Hãy sùng bái Ngài, ngày qua ngày, năm qua năm, hoàn tất theo Ngài, ánh sáng của các ánh sáng, trên cương vị là sự sống bất tử” (IV, iv, 16).

Chúng ta đều biết Bà La Môn Giáo có giảng dạy về sự luân hồi, toàn bộ triết lý sống của nó xoay quanh việc linh hồn hành hương qua nhiều kiếp sinh tử; và quyển sách nào của Bà La Môn cũng cho chân lý này là điều tất nhiên. Do dục vọng, con người bị ràng buộc vào vòng luân hồi vô thường; nhờ vào sự hiểu biết, lòng sùng tín và sự diệt dục, con người tự giải thoát. Khi linh hồn biết Thượng Đế thì nó được giải thoát. Khi trí năng được thanh lọc bằng sự hiểu biết, sẽ nhận ra Ngài. Sự hiểu biết kết hợp với lòng sùng tín tìm thấy chỗ ngự của Brahman.^[5] Người nào biết được Brahman, sẽ trở thành Brahman. Khi dục vọng không còn nữa thì người còn trong vòng sinh tử trở thành người bất tử và đạt được Brahman.^[6]

Phật Giáo bắc tông hoàn toàn đồng nhất với các tín ngưỡng xưa hơn, nhưng Phật Giáo nam tông dường như đã bỏ sót ý niệm về Tam Vị Nhất Thể phát sinh từ Bản Thể Duy Nhất. Sự biểu lộ tam nguyên của đức Thượng Đế là: Thượng Đế Ngôi 1, A Di Đà (Amitabha), Vô Lượng Quang; Thượng Đế Ngôi 2, Quán Thế Âm (Avalokiteshvara), hay Padmapani (Chenresi); Thượng Đế Ngôi 3, Đại Thế Chí (Manjusri), đại diện cho minh triết sáng tạo, tương ứng với Brahma.^[7] Phật Giáo Trung Hoa không chứa đựng ý niệm về một bản thể nguyên sơ, ngoài đức Thượng Đế, nhưng Phật Giáo Nepal nêu ra định đề về sự tồn tại của Adi Buddha từ đó phát sinh Amitabha (A Di Đà Phật). Eitel nói rằng Padmapani là đại diện cho lòng từ bi hộ trì của Thượng Đế và tương ứng phần nào với Shiva, như là một phương diện trong Tam vị Phật, gọi xuống các kiếp lâm phạm; đúng hơn là Ngài tiêu biểu cho ý niệm về Vishnu, và có sự liên kết với Vishnu qua việc Ngài cầm hoa sen (lửa và nước, hay tinh thần và vật chất như là các nguyên tố sơ cấp cấu tạo vũ trụ). Ngoài trừ việc lưu ý đến con đường giải thoát, cũng nên nhấn mạnh rằng, luân hồi và nghiệp quả là giáo lý cơ bản của Phật Giáo. Vì đức Phật lấy xác phàm là người Ấn Độ giảng đạo cho những người Ấn Độ, cho nên các giáo lý Bà La Môn thường được Ngài coi là đương nhiên khi Ngài dạy đạo. Ngài thanh lọc hóa và cải cách tôn giáo chớ không phá hủy, Ngài đã phá những điều mà người ta thêm thắt vào do vô minh, chớ không đã phá những chân lý cơ bản thuộc về Minh Triết Cổ Truyền:

“Những người sống theo đường hướng kỷ luật đã được giảng dạy, sẽ đạt tới bờ bên kia của đại dương sinh tử, vốn thật khó vượt qua” (Udanavarga, xxix, 37).

Dục vọng ràng buộc con người, phải được dẹp bỏ:

“Đấng Thánh Linh nói: Người nào bị trói buộc bởi dục vọng, thật khó thoát khỏi chúng. Người kiên cường không màng đến thú vui dục vọng, vứt bỏ chúng, thì sẽ gần kề con đường (tới niết bàn)... Những người có kinh nghiệm thấy rằng, các dục vọng vốn vô thường, không trường cửu; vậy các bạn hãy tự giải thoát mình khỏi điều không thể trường tồn, và đừng ở nơi chốn tạm trú của sự chết” (như trên, ii, 6, 8).

“Người đã tiêu diệt những ham muốn chiếm hữu vật chất, lánh xa tội lỗi, từ bỏ những ràng buộc của thị giác, người đã cắt đứt tận gốc rễ dục vọng, Tôi tuyên bố, đó là một người Bà La Môn” (như trên, xxxiii, 68).

Người Bà La Môn là người “mang xác thân vật chất này lần cuối cùng”^[8] và được định nghĩa là:

“Người biết được nơi ở của những kiếp trước, nhận thức được thiên đàng và địa ngục, đấng Muni, người đã tìm ra con đường chấm dứt sinh tử luân hồi” (như trên, xxxiii, 55).

Trong các thánh kinh Do Thái Giáo công truyền, ý niệm về Tam Vị Nhất Thể không được nói đến rõ rệt, tuy nhị nguyên tính được diễn tả rất rõ, và Đấng Thiêng Liêng mà người ta nói tới rõ ràng là chỉ Thượng Đế, chớ không phải là Đấng Duy Nhất, không biểu lộ:

“Ta là Đấng Chúa Tể, ngoài Ta ra không còn điều gì khác. Ta làm ra ánh sáng và tạo ra bóng tối, Ta làm ra bình an và tạo ra điều ác, Ta là Đấng Chúa Tể thực hiện tất cả những điều này” (Isa., xlvii, 7).

Tuy nhiên, Philo diễn tả giáo lý về Thượng Đế rất rõ ràng trong Phúc Âm thứ tư, như sau:

“Khởi thủy là Ngôi Lời (the Word), Thượng Đế (Logos), Ngôi Lời cùng với Thượng Đế, và Ngôi Lời chính là Thượng Đế... Vạn vật đều được Ngài tạo ra, và nếu không có Ngài thì không có bất cứ điều gì được tạo ra” (Thánh John i, 1, 3).

Trong kinh Kabbalah, giáo lý về nhất nguyên, tam nguyên, thất nguyên, kể đến thiên hình vạn trạng, được dạy rõ ràng:

“Đấng Thái Cổ trong các vị Thái Cổ, Đấng Không Tên trong các vị Không Tên, có một hình tượng, nhưng cũng không có bất cứ hình tượng nào. Nó có một hình tượng xuyên qua đó vũ trụ được duy trì. Nó cũng không có bất kỳ hình tượng nào, vì người ta không thể hiểu được nó. Trước tiên nó khoác lấy hình tượng [Kether, Vương Miện, Thượng Đế Ngôi 1] và phát ra 9 ánh sáng chói lọi [Minh Triết và Diệu Âm cùng với Kether tạo thành tam nguyên, kể đó là 7 Sephiroth thấp hơn]... Nó là Đấng Thái Cổ trong các Vị Thái Cổ, Đấng Huyền Nhiệm trong các Vị Huyền Nhiệm, Đấng Không Tên trong các Vị Không Tên. Nó có một hình tượng và xuất hiện xuyên qua hình tượng này đến với chúng ta, như là con người xưa hơn tất cả, như là Đấng Thái Cổ trong các Vị Thái Cổ, và là Đấng Không Tên đầu tiên trong các Vị Không Tên. Nó được biết dưới dạng mà Nó biểu hiện ra, nhưng Nó vẫn còn là Đấng Không Tên” (Qabbalah của Issac Myer’s trích từ Zohar, trang 274, 275).

Myer nêu rõ rằng “hình tượng” không phải là Đấng Thái Cổ trong tất cả những Vị Thái Cổ, Ngài chính là Ain Soph.

Lại nữa:

“Ba ánh sáng nơi Đấng Thánh Linh Thượng Đẳng kết hợp làm Một; chúng là căn bản của Torah, và điều này mở cửa cho tất cả... Hãy đến đây xem, bí nhiệm của lời nói! Những ánh sáng này gồm có 3 bậc, mỗi bậc đều tự thân tồn tại, thế nhưng tất cả đều là Một và được kết nút thành Một, chúng cũng không tách rời khỏi nhau... Ba bắt nguồn từ Một, Một tồn tại nơi Ba, đó là lực giữa Hai, Hai nuôi dưỡng Một, Một nuôi dưỡng nhiều mặt, như thế Tất Cả là Một” (như trên, 373, 375, 376).

Không cần phải nói rằng người Do Thái tin theo giáo lý đa thần – “Hỡi Đấng Chúa Tể, trong số các vị thần linh, ai giống như Ngài?”^[9] – và nhiều vị giáo phẩm phụ thuộc các “Con Thượng Đế”, “Thiên thần của Chúa”, “Mười đoàn Thiên thần”.

Kinh Zohar dạy về sự khởi đầu vũ trụ:

“Trước bất cứ sự tồn tại nào, ý chí của Đức Vua khởi đầu hiện hữu. Nó phác họa và chạm khắc các hình tượng của vạn vật, từ tình trạng ẩn khuất, hiện ra trong ánh sáng tối cao và chói lòa của Tứ Linh Diệu” (Quabbalah, của Myer, trang 194, 195).

Không điều gì có thể tồn tại, nếu không có Thượng Đế nội tại trong đó; linh hồn hiện diện trong ý niệm thiêng liêng trước khi xuống thế qua những kiếp luân hồi; nếu linh hồn vẫn duy trì sự tinh khiết hoàn toàn trong khi gặp thử thách, nó sẽ thoát khỏi sự tái sinh, nhưng điều này dường như chỉ là một lý thuyết:

“Mọi linh hồn đều phải chịu sự luân hồi, nhưng con người không biết phương cách của Đấng Thánh Linh; thật tội nghiệp! Họ không biết cách thức nào và vào lúc nào họ bị phán xét, họ cũng không biết điều gì trước khi họ đến với thế giới này và khi họ rời bỏ nó” (như trên, trang 198).

Những dấu vết của niềm tin này hiện diện trong thánh kinh công truyền của cả Do Thái Giáo lẫn Thiên Chúa Giáo, cũng như nơi niềm tin Elija sẽ trở lại, và Ngài đã trở lại nơi Thánh John Baptist.

Thoáng nhìn sang Ai Cập, chúng ta thấy từ thời tối cổ đã nổi tiếng với hình ảnh Tam Vị Nhất Thể: Ra, Osiris-Isis như là Thượng Đế nhị nguyên Ngôi 2, và Horus. Chúng ta thường nghe nhắc đến bản thánh ca vĩ đại, tán tụng Amun-Ra:

“Chư Thần Linh cúi đầu trước Đấng Quân Vương bằng cách ca ngợi các linh hồn của Đấng tạo ra chúng... và nói với Ngài: Nguyện cầu bình an cho mọi thực thể xuất phát từ vị Cha vô thức của các vị Cha hữu thức của chư Thần Linh... Ngài là Đấng tạo ra muôn loài, chúng con tôn sùng các linh hồn xuất phát từ Ngài. Ngài sinh ra chúng con, hồi Ngài, Đấng Không Tên, chúng con chào mừng Ngài bằng cách tôn thờ mỗi Linh Hồn Thần Linh vốn từ Ngài giáng xuống và sống với chúng con” (trích dẫn trong “Giáo Lý Bí Truyền” iii, 485, Ấn bản 1893; V, 463, Ấn bản Adyar).

Các vị “Cha hữu thức của chư Vị Thần Linh” là chư Thượng Đế, vị « Cha vô thức » là Bản Thể Duy Nhất, vô thức không phải kém hơn, mà là vô cùng, vượt hơn cái gọi là tâm thức, cái có giới hạn.

Trong những trích đoạn của “Tứ Thư”, chúng ta có thể nghiên cứu các quan niệm về việc linh hồn người luân hồi, về cuộc hành hương của nó và sau cùng hợp

nhất với Thượng Đế. Bản văn viết trên giấy ép từ cây chi thảo “Chiến Thắng Trong Hòa Bình” do Ani sao chép. Trong ấy có nhiều chỗ nhấn mạnh nhắc đợc giả nhớ đến các thánh kinh thuộc những tín ngưỡng khác; cuộc du hành của ông qua bên kia thế giới, và mong mỏi nhập trở lại vào xác mình (hình thể mà ông khoác lấy khi luân hồi ở Ai cập), cũng như sự kiện ông đồng nhất hóa với Thượng Đế:

“Osiris Ani nói: Ta là Đấng cao cả, con của Đấng cao cả; Ta là lửa, con của lửa... Ta đã gắn xương mình lại với nhau, Ta đã làm cho bản thân trọn vẹn và có âm thanh; Ta đã trẻ lại; Ta là Osiris, Đấng Chúa Tể của sự Vĩnh cửu” (xliii, 1, 4).

Trong phần kiểm lại của Pierret về “Tử Thư”, chúng ta thấy đoạn văn nổi bật sau đây:

“Ta là thực thể mang nhiều danh xưng huyền nhiệm, vốn tự chuẩn bị nơi cư trú cho hàng triệu năm (trang 22). Tâm mà Ta có đợc là do mẹ Ta ban cho, Ta cần thiết cho việc Ta tồn tại trên trần thế... Tâm mà Ta có đợc là do mẹ Ta ban cho, Ta cần có tâm để chuyển hóa” (trang 113, 1/4).

Trong Hỏa Thần Giáo, chúng ta nhận thấy có quan niệm về Bản Thể Duy Nhất, đợc hình dung là không gian vô biên, từ đó phát sinh ra Thượng Đế, Đấng Tạo Hóa Auharmazd:

“Toàn tri và thiện đức tối thượng, huy hoàng không gì có thể so sánh, vùng ánh sáng là nơi chốn của Auharmazd” (Bundahis, Các Thánh Thư Đông Phương, v, 3, 4 ; v, 2).

Trong nghi thức thờ phụng chính của tín đồ Hỏa Thần Giáo, trước tiên là sự tôn vinh Ngài :

“Tôi thông báo và tôi (sẽ) hoàn thành việc thờ phụng của tôi đối với Ahura Mazda, Đấng Tạo Hóa, Đấng chói sáng và vinh diệu, Đấng vĩ đại và tốt nhất, Đấng đẹp đẽ nhất (?) (theo quan niệm của chúng ta), Đấng vững chắc và minh triết nhất, và là một trong tất cả mọi Đấng có cơ thể hoàn hảo nhất. Ngài đạt tới cứu cánh của mình một cách hiệu quả nhất, do Ngài có một mô thức đúng đắn. Ngài là Đấng chinh đốn lại tâm trí chúng ta, ban phát ân huệ và hạnh phúc khắp nơi. Đấng tạo ra và uốn nắn

chúng ta, nuôi dưỡng và bảo vệ chúng ta, Ngài là Chân Linh hào phóng nhất.” (Các Thánh Thư Đông Phương, xxxi, trang 195, 196).

Người tôn sùng bày tỏ lòng kính ngưỡng các Ameshaspends và chư Thần Linh khác, nhưng Đấng Tối Cao biểu lộ ở đây không được trình bày như 3 ngôi. Trong tín ngưỡng công truyền của người Do Thái cũng không trình bày chân lý cơ bản này. Mặc dù chân lý cơ bản này không tồn tại trong tín ngưỡng dân gian, nhưng cũng may, chúng ta có thể truy ra từ giáo lý nguyên sơ. Trong “Khảo luận về tín đồ Hỏa Thần Giáo”, (trong bộ sưu tập Đông phương của Trubner quyển 5, do tiến sĩ West dịch), tiến sĩ Haug nêu rõ rằng Ahuramazda – Auharmazd hoặc Hormazd – là Đấng Tối Cao, và từ Ngài tất cả được sinh ra.

“Hai nguyên nhân ban sơ; mặc dù khác nhau nhưng hợp nhất và tạo ra thế giới vật chất cũng như thế giới tinh thần” (trang 303).

Những điều này được gọi là song sinh và hiện diện ở bất cứ nơi đâu, trong Ahuramazda cũng như trong con người. Nguyên nhân này tạo ra thực tại, nguyên nhân kia tạo ra phi thực tại, và trong Hỏa Thần Giáo sau này, chúng trở thành các chân linh đối nghịch, thiện và ác. Trong các giáo lý sơ khai, chúng hiển nhiên hợp thành Thượng Đế Ngôi 2, lưỡng tính là điểm đặc trưng của Ngài.

“Tốt” và “xấu” chỉ là ánh sáng và bóng tối, tinh thần và vật chất, các cặp song đôi cơ bản của vũ trụ, cái Hai bắt nguồn từ cái “Một”.

Khi phê bình ý niệm sau này, tiến sĩ Haug nói:

“Đó là ý niệm của Hỏa Thần Giáo nguyên thủy về 2 chân linh sáng tạo, chỉ là 2 thành phần của Bản Thể Thiêng Liêng. Nhưng theo dòng thời gian, giáo lý của Đấng giáo chủ vĩ đại bị thay đổi và suy đồi, do hậu quả của những sự hiểu lầm và giải thích sai lạc. Spentomainyush (“Chân linh thiện”) được xem là một danh xưng của chính Ahuramazda; và dĩ nhiên Angromainyush (“Chân linh ác”), tách rời khỏi Ahuramazda, và được coi là một đối thủ thường xuyên của Ahuramazda; thế là nảy sinh ra nhị nguyên tính “Thượng Đế và Ma Quỷ” (trang 205).

Quan điểm của tiến sĩ Haug dường như được hậu thuẫn bởi Gatha Ahunavaiti cùng với các Gathas khác, các « Thượng Đấng Thiên Xứ » ban cho Zoroaster (tức Zarathustra):

“Thoạt đầu có một cặp sinh đôi, 2 chân linh, mỗi chân linh có một hoạt động đặc thù; như là điều tốt đẹp và điều xấu xa.... Và 2 chân linh này hợp nhất lại tạo thành cái đầu tiên (những vật chất), cái này là thực tại, cái kia là phi thực tại.... Và để trợ giúp cho cuộc đời này (để tăng cường nó), Armaiti giáng lâm mang đến sự thịnh vượng, điều tốt lành và tâm trí chân chính, Bà là Đấng vĩnh cửu, tạo ra thế giới vật chất.... Mọi sự vật toàn hảo được thu thập lại nơi tốt đẹp của tâm trí tốt lành, Đấng minh triết và Đấng công chính, được biết đến như là những thực thể hoàn hảo nhất.” (Yas., xxx, 3, 4, 7, 10; bản dịch của tiến sĩ Haug, trang 149-151).

Đoạn văn trên diễn tả 3 vị Thượng Đế, Ahuramazda, Thượng Đế Ngôi 1, Sự Sống tối cao; ở trong và từ nơi Ngài phát sinh ra “cặp sinh đôi”, Thượng Đế Ngôi 2; kế đến là Armaiti, Tâm Trí, Đấng sáng tạo vũ trụ, Thượng Đế Ngôi 3.^[10] Sau này Mithra xuất hiện, và trong tín ngưỡng công truyền, đã mất đi một phần chân lý sơ khai. Người ta nói về Ngài như sau:

“Đấng mà Ahura Mazda đã lập nên để duy trì và giám sát mọi vận hành của thế giới, Ngài chẳng bao giờ ngủ, tỉnh táo canh gác sự sáng tạo của Mazda” (Mihir Yast, xxvii, 103; các Thánh Thư Đông Phương, xviii).

“Ngài là một Thần Linh phụ thuộc, là ánh sáng của thiên đàng, cũng như Varuna là chính thiên đàng, một trong các Đấng Thông Tuệ trị vì cao cả. Đấng cao nhất trong số các Đấng Thông Tuệ trị vì này, trong đó có sáu Ameshaspends, cầm đầu là tư tưởng tốt lành của Ahuramazda, Vohuman - Ngài chịu trách nhiệm về toàn thể sự sáng tạo vật chất.” (Thánh Thư Đông Phương, v, trang 10, chú thích).

Những tác phẩm này – cho đến nay đã được dịch – dường như không dạy về luân hồi, và niềm tin này cũng không thịnh hành trong những tín đồ Hỏa Thần Giáo hiện đại. Nhưng chúng ta thấy ý tưởng về tinh thần nơi con người như là một tia lửa, nó sẽ trở thành một ngọn lửa và được tái kết hợp với Lửa Tối Cao, và điều này có ngụ ý sự phát triển do đó cần có sự tái sinh. Chúng ta sẽ không bao giờ hiểu được Hỏa Thần Giáo, nếu chưa phục hồi được “các sấm giảng Chaldea” cùng với các tác phẩm liên hệ, vì trong đó có nguồn gốc chân thực của nó.

Khi du hành về hướng tây đến Hy Lạp, chúng ta gặp hệ thống Orpheus. Hệ thống này được nghiên cứu kỹ lưỡng và được diễn tả trong tác phẩm Orpheus của ông G. R. S. Mead. Bóng Tối không tên ba cấp bậc không thể diễn tả (Ineffable Thrice-unknown Darkness) chính là hồng danh của Bản Thể Duy Nhất.

“Theo thần học Orpheus, vạn vật bắt nguồn từ một nguyên lý bao la. Theo quan niệm thiên cận của con người, nó có một cái tên, mặc dù nguyên lý này hoàn toàn không thể diễn tả. Và trong ngôn ngữ tôn kính của người Ai Cập, đó là một Bóng Tối không tên ba cấp bậc, khi con người chiêm ngưỡng được nó, mọi sự hiểu biết khác đều trở nên không còn giá nữa.” (Thomas Taylor, trích dẫn trong Orpheus, trang 93).

Từ đó phát sinh ra “Tam nguyên ban sơ”, điều thiện đại đồng, linh hồn vũ trụ, tâm trí vũ trụ, chính là Tam Vị Nhất Thể Thượng Đế. Ông Mead viết về điều này như sau:

“Tam nguyên đầu tiên, mà nó có thể biểu lộ ra đối với trí năng, chẳng qua chỉ là một phản ảnh, hoặc thay thế cho Đấng không thể biểu lộ được, và các bản chất của nó là (a) điều thiện, có tính cách cốt yếu siêu việt (b) linh hồn (linh hồn thế giới), là một bản chất tự vận chuyển (c) trí năng (tức tâm trí), là một bản chất không thể phân chia và bất di bất dịch” (như trên, trang 94).

Sau đó, một loạt các tam nguyên hăng giáng hạ, cho thấy những đặc tính của cái đầu tiên dần dần giảm đi sự huy hoàng, đến lúc xuống tới con người.

“Tiềm lực trong con người gồm tổng số của bản chất vũ trụ... Loài người và chư thần linh là một” (Pindar, đệ tử của phái Pythagoras, trích dẫn bởi Clemens, Strom., v, trang 709)... Như thế con người được gọi là tiểu thiên địa hay tiểu vũ trụ, để phân biệt với đại thiên địa hay đại vũ trụ” (như trên, trang 271).

Con người có Nous (hay tâm trí thực sự), Logos hay phần thuần lý, Alogos hay phần không thuần lý, cả Logos lẫn Alogos đều lại được tạo lập dưới dạng tam nguyên và đến phiên phân chia kỹ lưỡng hơn thành thất nguyên. Con người cũng được xem như có 3 thể: thể xác, những thể tinh vi và thể quang huy, hay augoeides, đó là:

“Thể nguyên nhân” hay lớp áo mang nghiệp quả của linh hồn, trong đó có tích lũy vận mệnh, hoặc đúng hơn là chứa đựng mọi hạt giống nhân quả quá khứ. Đôi khi

nó được gọi là “hồn dây”, cái “thể” trải từ kiếp này sang kiếp khác” (như trên, trang 284).

Đối với vấn đề luân hồi: “Cùng với mọi người có sự hiểu biết những điều bí nhiệm ở khắp nơi, tín đồ Orpheus cũng tin tưởng vào sự luân hồi” (như trên, trang 292).

Ông Mead đưa ra rất nhiều chứng cứ cho thấy rằng Plato, Empedocles, Pythagoras và những triết gia khác đã dạy về sự luân hồi. Con người chỉ có thể thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi nhờ vào đức hạnh.

Những ghi chú trong tuyển tập các tác phẩm của Plotinus, Taylor có trích dẫn Damascius luận giải các giáo lý của Plato bàn về Đấng Duy Nhất, vượt quá Đấng Duy Nhất, Bản Thể không biểu hiện:

“Thật vậy, có lẽ Plato dẫn dắt chúng ta, xuyên qua Đấng Duy Nhất như là một trung gian, tới điều không thể diễn tả được, vượt quá Đấng Duy Nhất, là đề tài bàn luận hiện nay. Lý luận của ông là loại bỏ bớt Đấng Duy Nhất, cùng cách thức như khi dẫn dắt tới Đấng Duy Nhất, ông đã loại bỏ những sự vật khác. Chính là bên ngoài của Đấng Duy Nhất được tôn vinh, trong sự im lặng hoàn hảo nhất. ...Đấng Duy Nhất phải hiện tồn đơn độc chính mình, không điều gì khác, nhưng Đấng Không Tên vượt quá Đấng Duy Nhất thì hoàn toàn không thể tả được. Đây là điều mà chúng ta thừa nhận rằng không phải mình biết, cũng không phải mình không biết, mà chính nó tuyệt đối không thể biết được. Vì thế, do thân cận với điều này, bản thân Đấng Duy Nhất bị mờ tối đi; đó là vì khi thân cận nguyên lý bao la này, nếu nó được tạm gọi như vậy, có thể nói rằng nó vẫn còn ở trong vực thẳm của sự tịch lặng thần bí đích thực. ... Cái đầu tiên vượt trên Đấng Duy Nhất và vạn vật, vì nó đơn giản hơn tất cả” (trang 341-343).

Các trường phái Pythagoras, Platon và Tân Platon có quá nhiều tiếp điểm với tư tưởng Ấn Độ Giáo và Phật Giáo đến nỗi mà chúng hiển nhiên được xem như phát xuất từ cùng một nguồn cội. Trong tác phẩm “Die Samkhya Philosophie » (iii, từ trang 85 đến trang 105), R. Garbe có trình bày nhiều về những điều này, và phát biểu của ông có thể được tóm tắt như sau:

“Điều nổi bật nhất là sự giống nhau – nói đúng hơn là sự đồng nhất – giữa giáo lý về Đấng Duy Nhất trong Áo Nghĩa Thư (Upanishads) với trường phái Eleatus. Giáo lý của Xenophane về tính đơn nhất của Thượng Đế và vũ trụ, cũng như sự không biến đổi của Đấng Duy Nhất. Hơn thế nữa, giáo lý của Parmenides chủ trương rằng trên thực tế, chỉ có một Đấng Duy Nhất, bất sinh, bất diệt và hiện diện khắp nơi, còn tất cả những gì đa tạp và vô thường chỉ là sắc tướng biểu lộ, hơn nữa, cái hiện hữu và tư duy đều như nhau. Những giáo lý này hoàn toàn đồng nhất với nội dung cốt yếu của Áo Nghĩa Thư và triết thuyết Vedanta (vốn bắt nguồn từ Áo Nghĩa Thư). Nhưng trước đó, còn có quan điểm của Thales – theo đó vạn hữu bắt nguồn từ Nước – giống một cách kỳ lạ với giáo lý Vaidik, theo đó vũ trụ bắt nguồn từ Nước. Sau này, Anaximander giả định cơ bản của vạn vật là một chất vĩnh cửu, vô hạn và vô định, từ đó mọi chất xác định bắt nguồn và lại trở về. Giả định này giống hệt như giả định làm nền tảng cho thuyết Số Luận, toàn bộ khía cạnh vật chất của vũ trụ tiến hóa ra từ Prakriti. Và câu nói nổi tiếng của ông “Panta Rhei” diễn đạt quan điểm đặc trưng của phái Số Luận, theo đó vạn vật luôn luôn thay đổi do sự hoạt động không ngừng của 3 trạng thái (Gunas). Empedocles cũng giảng dạy các thuyết luân hồi và tiến hóa giống như các thuyết của phái Số Luận. Theo ông, không điều gì có thể trở thành hiện hữu mà trước đó không có sự tồn tại, điều này còn giống hơn nữa với học thuyết Số Luận đặc trưng.”

Cả Anaxagoras lẫn Democritus đều trình bày nhiều điểm tương đồng, nhất là quan điểm của Democritus về bản chất và địa vị của chư Thần Linh; Epicurus cũng vậy, nhất là khi nhận xét về chi tiết của một số vấn đề kỳ lạ. Tuy nhiên, trong giáo lý của Pythagoras, chúng ta thấy có những sự gần gũi và thường đồng nhất trên phương diện giáo lý cũng như lý luận. Theo sự xác định của truyền thống, thì sự kiện này được giải thích là do bản thân Pythagoras đã thăm viếng Ấn Độ và đã học được triết lý nơi đó. Trong những thế kỷ sau này, chúng ta thấy một số ý tưởng đặc thù của phái Số Luận và Phật Giáo, đóng một vai trò nổi bật trong tư tưởng phái Trực Quang (Gnostic). Đoạn trích dẫn sau đây của tác giả Lassen mà Garbe nêu ra ở trang 97, cho thấy điều này một cách rất rõ ràng:

“Nói một cách tổng quát, Phật Giáo phân biệt rõ ràng giữa Tinh Thần và Ánh Sáng, và không coi ánh sáng là phi vật chất; nhưng trong những tín đồ Phật Giáo, người ta thấy có một quan niệm về ánh sáng vốn liên quan mật thiết với quan niệm của phái Trực Quang. Theo quan niệm này, ánh sáng là sự biểu lộ của tinh thần trong

vật chất; như thế, trí thông tuệ được bọc trong ánh sáng và bước vào liên hệ với vật chất, trong đó ánh sáng có thể bị giảm thiểu và cuối cùng hoàn toàn bị mờ tối, trong trường hợp này, trí thông tuệ rốt cuộc trở nên hoàn toàn vô ý thức. Trên phương diện trí thông tuệ cao siêu nhất, người ta khẳng định rằng nó không phải là ánh sáng, cũng không phải là không ánh sáng, không phải là bóng tối, cũng không phải là không bóng tối, vì mọi cách diễn tả này đều biểu thị các sự liên hệ của trí thông tuệ với ánh sáng. Quả thật là thoát đầu ánh sáng không có những mối liên hệ này, nhưng về sau nó bao hàm trí thông tuệ và làm trung gian cho mối liên hệ của nó với vật chất. Từ đây suy ra rằng quan điểm của Phật Giáo gán cho Đấng Thông Tuệ siêu việt quyền năng tạo ra ánh sáng từ chính mình, và về vấn đề này, cũng có một sự tương đồng giữa Phật Giáo và phái Trực Quang.”

Xét theo những đặc điểm được ám chỉ, Garbe nêu ra rằng phái Trực Quang có nhiều tương đồng với phái Số Luận hơn là với Phật Giáo. Đó là vì những quan niệm về mối liên hệ giữa ánh sáng và tinh thần thuộc về các giai kỳ sau này của Phật Giáo, mà không phải là cơ bản hoặc đặc trưng cho Phật Giáo. Trong khi phái Số Luận dạy rõ ràng và chính xác rằng Tinh Thần là Ánh Sáng. Về sau này, ảnh hưởng của tư tưởng Số Luận càng thêm hiển nhiên, rõ rệt trong số những tác giả Tân Platon. Trong khi đó, giáo lý về Thượng Đế hay Ngôi Lòi, mặc dù không có nguồn gốc từ phái Số Luận, vẫn cho thấy một cách chi tiết rằng nó đã thoát thai từ Ấn Độ, nơi mà quan niệm về Vach, Ngôi Lòi Thiêng Liêng đóng một vai trò rất nổi bật trong hệ thống Bà La Môn Giáo.

Xét đến Thiên Chúa Giáo, cùng thời với các hệ thống Trực Quang và Tân Platon, chúng ta sẽ thấy một cách dễ dàng rằng, hầu hết các giáo lý có căn bản như nhau, và sự kiện này hiện nay rất quen thuộc đối với chúng ta. Thượng Đế Ba Ngôi biểu hiện là Tam Vị Nhất Thể: Thượng Đế Ngôi 1, cội nguồn của mọi sự sống, là Ngôi Cha; Thượng Đế Ngôi 2 có bản chất lưỡng tính, Ngôi Con, Thượng Đế – con người; Thượng Đế Ngôi 3, Trí Tuệ sáng tạo, Ngôi Thánh Thần, Ngài suy gẫm trên “nước hỗn mang” (the waters of chaos) sinh ra các thế giới.

Rồi đến “Bảy Chân Linh của Thượng Đế”^[11] và một đoàn thể các Đại Thiên Thần và Thiên Thần, nhưng không nghe đề cập nhiều về Bản Thể Duy Nhất, mà tất cả vạn hữu bắt nguồn từ đó và lại trở về đó, cái tự nhiên mà ta không thể nhận thấy bằng cách tìm kiếm. Các vị học giả nổi tiếng của giáo hội Thiên Chúa luôn luôn giả

định về sự tồn tại của Thượng Đế không thể đo lường và không thể hiểu được, nó vô hạn, tất yếu, độc nhất và bất khả phân chia. Con người được tạo ra theo “hình ảnh của Thượng Đế”, vì vậy có bản chất tam phân – tinh thần, linh hồn và thể xác – con người là một “noi trú ngụ của Thượng Đế”, “đền thờ Thượng Đế”, “đền thờ Chúa Thánh thần”,^[12] đây là những từ ngữ phản ánh chính xác giáo lý Ấn Độ.

Giáo lý về luân hồi được coi là đương nhiên trong Tân Ước, thay vì được nói thẳng ra. Khi nói với Thánh John Baptist, Chúa Jesus tuyên bố rằng ông là Elias, «vốn đã giáng lâm,» theo lời của Malachi, “Ta sẽ gửi tới các con nhà tiên tri Elijah”; lại nữa, khi được hỏi về việc Elijah giáng lâm trước Đấng Cứu Thế, thì Ngài trả lời rằng: “Elias đã giáng lâm rồi và họ không biết Ngài.” Chúng ta cũng thấy các vị đệ tử của Chúa coi sự luân hồi là đương nhiên khi họ thắc mắc, liệu tật mù bẩm sinh có phải là một sự trừng phạt đối với tội lỗi của con người hay chăng. Khi trả lời, Chúa Jesus không bác bỏ sự có thể do tội trước khi sinh ra, nhưng Ngài chỉ loại trừ nguyên nhân gây ra mù lòa trong trường hợp đặc biệt.^[13]

Từ ngữ đáng chú ý áp dụng cho “Đấng đã khắc phục” trong Khải Huyền iii, 12, và Ngài sẽ là “một cột trụ trong đền thờ Thượng Đế của tôi, và Ngài sẽ không còn đi ra ngoài nữa,” câu này được xem là có ý nghĩa thoát khỏi sự tái sinh. Từ những tác phẩm của một số Cha trong Thiên Chúa Giáo, có thể cho thấy niềm tin đương thời vào sự luân hồi. Một số người lập luận rằng chỉ có sự tồn tại trước của linh hồn được giảng dạy, nhưng đối với tôi quan niệm này dường như không có chứng cứ.

Sự thuần nhất của giáo lý về đạo đức không được rõ ràng bằng sự thuần nhất trong các quan niệm về vũ trụ, và kinh nghiệm của các Đấng đã vượt thoát ra khỏi nhà tù của cơ thể để bước vào trạng thái tự do nơi các cõi cao. Rõ ràng là những giáo lý sơ khai này được bảo quản bởi một số nhân vật đặc biệt, những vị này giảng dạy cho các đệ tử học thuyết của họ. Khi chúng ta nghiên cứu giáo lý về đạo đức, những yêu cầu đối với các môn sinh, các trạng thái trí huệ và tâm linh mà họ được nâng cao, chúng ta thấy sự đồng nhất một cách hiển nhiên của các trường phái này về phương diện giới luật:

“Trong Đạo Đức Kinh có phân chia rành mạch các loại học giả: Khi nghe nói đến Đạo, các học giả bậc cao thành khẩn thực hành; khi nghe nói đến Đạo, các học giả bậc trung lúc thì gìn giữ, lúc không gìn giữ; khi nghe nói đến Đạo, các học giả bậc thấp

cười phá lên nhạo báng” (các Thánh Thư Đông Phương, xxxix, sách đã dẫn, xli, 1). Quyển sách này cũng viết:

“Bậc Thánh hiền đặt cá nhân mình sau cùng, thế nhưng người ta lại thấy nó ở chỗ trước tiên; bậc Thánh hiền xem cá nhân mình như một điều gì xa lạ, thế nhưng cá nhân đó vẫn được bảo toàn. Phải chăng vì Ngài không có những mục đích cá nhân riêng tư, cho nên những mục đích này được thực hiện? (vii, 2). Ngài không tự phô trương, vì vậy Ngài chói sáng, Ngài không tự khoe khoang, vì vậy Ngài nổi bật; Ngài không tự khẳng định, vì vậy công đức của Ngài được thừa nhận; Ngài không tự mãn, vì vậy, Ngài trở nên ưu việt. Bởi vì Ngài không tranh đua, cho nên không ai trên thế gian có thể tranh giành với Ngài (xxii, 2). Không có tội lỗi nào lớn hơn việc đồng tình với tham vọng; không có thảm họa nào lớn hơn việc bất mãn với số phận mình; không có lỗi lầm nào lớn hơn việc ham muốn chiếm đoạt. (xlvi, 2). Đối với những người cư xử tốt (với tôi), tôi cư xử tốt, và đối với những người cư xử không tốt (với tôi), tôi cũng cư xử tốt; và thế là tất cả đều tốt. Tôi chân thành với những người chân thành (đối với tôi); tôi cũng chân thành với những người không chân thành (đối với tôi); và thế là tất cả đều chân thành (xli, 1). Người nào biểu hiện nhiều đặc tính của đạo thì giống như một đứa trẻ con. Những côn trùng độc sẽ không chích người ấy; những thú dữ sẽ không vồ người ấy; những chim săn mồi sẽ không tấn công người ấy (lv, 1). Tôi có 3 điều quý báu mà tôi đánh giá cao và giữ kỹ là: sự dịu dàng, sự tiết kiệm, và sự không chiếm đoạt địa vị của người cao hơn. ... Sự dịu dàng chắc chắn sẽ chiến thắng, ngay cả khi ta chiến đấu, và kiên cường giữ vững lập trường. Người rất dịu dàng sẽ được Trời cứu rỗi và bảo vệ” (lxvii, 2, 4).

Có những học giả Ấn Giáo chọn lọc được coi là xứng đáng cho việc huấn luyện đặc biệt; họ được Đạo Sư (Guru) truyền thụ các giáo lý bí nhiệm. Trong khi đó, những qui luật tổng quát về cách sống đúng đắn có thể góp nhặt được từ các điều luật của đức Bàn Cổ, Áo Nghĩa Thư, Mahabharata và nhiều bộ khảo luận khác:

“Hãy để con người nói điều chân thật, nói điều êm ái, đừng nói ra sự thật khó chịu, hoặc nói ra điều giả dối dễ chịu; đó là luật vĩnh cửu (Luật Bàn Cổ, iv, 138). Không gây đau khổ cho bất kỳ sinh vật nào, hãy để họ từ từ tích lũy công đức tinh thần. (iv, 238). Đối với người được sinh ra hai lần ấy – họ chẳng gây chút nguy hiểm nào cho các sinh vật – sẽ không có nguy cơ ở bất cứ nơi đâu sau khi họ rời bỏ xác thân (vi, 40). Hãy để họ kiên nhẫn chịu đựng những lời lẽ khốc nghiệt, đừng để họ lảng nhục bất

kỳ người nào, hoặc trở thành kẻ thù của bất cứ người nào, vì lợi ích của xác thân (hữu hoại) này. Đừng để họ nổi giận đáp lại một kẻ nóng giận, hãy để họ chúc lành khi bị nguyên rửa (vi, 47, 48). Thoát khỏi đam mê, sợ hãi và giận dữ, hãy suy nghĩ tới Ta, an trú nơi Ta; nhiều người đã được tinh lọc trong lửa minh triết và nhập vào Bản Thể Ta (Chí Tôn Ca, iv, 10). Niềm hoan lạc tối cao được dành cho vị đạo sĩ Yogi nào có trí huệ bình an, và bản chất đam mê đã yên lặng, vị này đã sạch mọi tội lỗi và có bản chất Brahman (iv, 27). Người nào không có ác ý đối với bất kỳ sinh vật nào, thân thiện và từ bi, không dính mắc và không ích kỷ, giữ quân bình giữa vui thích và đau khổ, biết tha thứ, luôn luôn bằng lòng, hài hòa, kiểm soát được bản ngã, quả quyết, với trí huệ (Manas) và bồ đề tâm (Buddhi) hiến dâng cho Ta, kẻ đó là người sùng kính Ta, là người thân thương của Ta” (xii, 13, 14).

Khi tìm hiểu về đức Phật, chúng ta nhận thấy chư vị La Hán tiếp nhận được các giáo lý mật truyền của Ngài. Trong khi đó chúng ta có giáo lý công truyền như sau:

“Nhờ vào lòng chân thành, đức hạnh và sự thanh tịnh, người minh triết giống như một hòn đảo mà không một trận lụt nào có thể nhận chìm được (Udanavarga, iv, 5). Trong thế giới này, người thông minh giữ vững đức tin và sự minh triết, là các kho báu lớn nhất của họ, và vứt bỏ mọi tài sản khác (x, 9). Người nào có ác ý với những kẻ có ác ý, sẽ không thể nào được thanh tịnh. Người không có ác ý sẽ hòa giải được người cư mang hận thù. Sự thù ghét mang lại khốn khổ cho nhân loại, cho nên bậc thánh hiền không bao giờ thù ghét (xiii, 12). Hãy khắc phục sự sân hận bằng cách đừng sân hận; khắc phục điều ác bằng điều thiện, khắc phục sự tham lam bằng sự hào phóng; và khắc phục những điều giả dối bằng sự chân thật” (xx, 18).

Tín đồ Hỏa Thần Giáo được dạy ca tụng Ahuramazda, và:

“Điều gì công chính nhất, điều gì trong sạch, điều gì bất tử, điều gì rục rờ, mọi điều này đều tốt cả. Chúng ta tôn vinh tinh thần tốt lành, cõi giới tốt lành, luật lệ tốt lành và minh triết tốt lành (Yasna, xxxvii). Mong sao nơi này có sự an phận, sự chúc lành, sự chân thật và sự minh triết của kẻ thanh tịnh (Yasna, lix). Sự thanh tịnh là điều tốt lành nhất, hạnh phúc dành cho Ngài, kẻ thanh tịnh nhất (Ashem-vohu). Mọi tư tưởng, lời nói và việc làm tốt đẹp đều do sự hiểu biết. Mọi tư tưởng, lời nói và việc làm xấu xa đều do sự thiếu hiểu biết (Mispa Kumata)”. (Tuyển chọn từ “Avesta” trong

“Luân lý cổ truyền của người Cổ Ba Tư và Hỏa Thần Giáo” của Dhunjibhoy Jamsetji Medhora).

Người Do Thái có “các trường đào tạo nhà tiên tri” và kinh Kabbalah. Trong các tác phẩm công truyền, chúng ta thấy có các giáo lý đạo đức được chấp nhận:

“Người nào sẽ thăng lên đời của Chúa và người nào sẽ ở nơi chốn thánh linh của Ngài? Đó là người có đôi bàn tay trong sạch và một tâm hồn thanh tịnh, người không tự cao tự đại, không hề dối trá (Thánh thi, xxiv, 3, 4). Chúa chỉ yêu cầu người hành động một cách công chính, từ bi bác ái và khiêm tốn bước theo Chúa? (Micah, vi, 8). Lời nói chân thật sẽ được vững bền mãi mãi, còn lời nói dối trá chỉ được nhất thời. (Prov. xii, 19). Chẳng lẽ đây không phải là giới luật mà tôi đã chọn lựa? Tránh xa đám người hung ác, coi bỏ gánh nặng, và giải phóng kẻ bị áp bức, thế là bạn phá tan mọi ách trói buộc. Chẳng lẽ bạn không chia sẻ bánh mì của mình cho kẻ đói và không mang đến cho kẻ nghèo những đồ vật mà bạn có dư thừa? Khi trông thấy kẻ trần truồng, bạn che phủ cho họ, nhưng không dùng hình thể bên ngoài để che giấu chính con người của bạn.” (Isa. lviii, 6, 7).

Bậc Đạo Sư Ky Tô có các giáo huấn bí mật dành cho các môn đồ của mình^[14] và Ngài bảo họ: “Đừng đem những gì thiêng liêng cho những con chó, cũng đừng quăng ngọc trai cho bầy heo” (Matt. vii, 6).

Trên phương diện giáo lý công truyền, chúng ta có thể đề cập đến những niềm chân phúc trong “Bài giảng trên Núi” và những giáo lý như:

“Ta bảo các con hãy yêu thương kẻ thù của các con, hãy chúc lành cho những kẻ nào nguyện rửa các con, hãy tử tế với những kẻ nào thù ghét các con, hãy cầu nguyện cho những kẻ nào sỉ nhục, hành hạ các con. Do đó các con hãy trọn lành cũng giống như Cha các con vốn trọn lành ở trên Trời (Matt. v, 44, 48). Người nào tìm sự sống riêng, sẽ mất nó, kẻ nào hy sinh sự sống riêng vì nhân danh Ta, sẽ được nó. (x, 39). Người nào khiêm tốn như đứa trẻ này, người đó sẽ vĩ đại nhất nơi nước Trời (xviii, 4). Thành quả của tinh thần là tình thương, niềm vui, sự an bình, sự nhân nhượng, sự dịu dàng, lòng tốt, sự tin tưởng, sự ôn hòa, sự tiết độ; không có luật lệ nào chống lại điều đó (Gal., v, 22, 23). Chúng ta hãy yêu thương lẫn nhau, vì tình thương vốn thuộc về

Thượng Đế; và bất cứ kẻ nào biết yêu thương đều sinh ra từ Thượng Đế và biết được Thượng Đế”(I John, iv, 7).

Trường phái Pythagoras và trường phái Tân Platon bảo tồn truyền thống cho Hy Lạp, chúng ta biết rằng Pythagoras học được một số điều hiểu biết ở Ấn Độ, trong khi Platon học tập và được truyền bí pháp từ các trường phái ở Ai Cập. Nhiều hiểu biết chính xác về các trường phái Hy Lạp được tiết lộ nhiều hơn các trường phái khác. Trường phái Pythagoras có các đệ tử tuyên thệ và cũng có giới luật ngoại môn, nhóm nội môn gồm có 3 cấp, trải qua 5 năm dự bị. (Muốn biết chi tiết, xem “Orpheus” của G. R. S. Mead, các trang 263 và tiếp theo). Giới luật ngoại môn như sau:

“Trước hết chúng ta phải hiến dâng trọn vẹn cho Thượng Đế. Khi cầu nguyện, ta không nên cầu xin bất cứ lợi ích đặc biệt nào, hoàn toàn tin tưởng điều được ban cho là đúng và thích hợp, vì Thượng Đế luôn luôn minh triết. Không nên cầu xin theo các dục vọng ích kỷ của chúng ta. (Diod. Sic. ix, 41). Chỉ bằng đức hạnh mà con người đạt được chân phúc, và đây là đặc quyền duy nhất của một thực thể thuần lý (Hippodamus, De Felicitate, ii, Orelli, Opusc. Groecor. Sens et Moral., ii, 284). Tự bản thân, do bản chất của chính mình, con người chẳng tốt và cũng chẳng hạnh phúc, nhưng con người có thể trở nên như thế nhờ được dạy về giáo lý chân thực (Hippo, như trên). Bốn phận thiêng liêng nhất, là lòng hiếu thảo. Pampelus nói : Thượng Đế ban nhiều chân phúc cho kẻ nào tôn vinh và kính trọng bậc thức giả đương thời (De Parentibus, Orelli, sách đã dẫn, ii, 345). « Sự vô ơn với cha mẹ là tội ác xấu xa nhất” Perictione viết (như trên, trang 350): Sự tinh khiết và tế nhị của những tác phẩm thuộc trường phái Pythagoras thật nổi bật (Oelian Hist. Var. xiv, 19). Nguyên tắc về sự trinh khiết và hôn nhân rất được chú trọng; ở bất cứ nơi đâu, bậc đại sư đều khuyên người ta phải trinh khiết và tiết độ. Nhưng đồng thời Ngài hướng dẫn rằng kẻ đã kết hôn trước hết phải làm tròn bốn phận của bậc cha mẹ trước khi sống cuộc đời hoàn toàn độc thân, để cho con cái có thể được sinh ra trong hoàn cảnh thuận lợi, ngõ hầu tiếp tục cuộc sống thánh thiện và nối tiếp Khoa Học Linh Thiêng (Iamblichus, Vit. Pythag., và Hierocl., ap. Stob. Serm. xlv, 14). Điều này rất thú vị, vì nó chính là quy tắc được ấn định trong “Manva Dharma Shastra”, bộ luật vĩ đại của Ấn Độ. Sự ngoại tình bị lên án nghiêm khắc (Iamb., như trên). Hơn nữa, người ta bắt buộc người chồng đối xử dịu dàng nhất đối với vợ, bởi vì chẳng lẽ người chồng không coi vợ mình là bạn đồng hành “khi đứng trước chư Thần Linh”? (Xem Lascaux. Zur Geschichte der Ehe bei den Griechen trong “Kỷ yếu của viện hàn lâm Bavière”, vii, 107, sq.).

Hôn nhân không phải là một sự kết hợp do thú tính, mà là một sự ràng buộc tinh thần. Vì vậy, đến lượt người vợ phải yêu thương chồng mình ngay cả hơn chính bản thân mình, tận tụy và phục tùng trong mọi vấn đề. Thật là thú vị mà nhận thấy rằng trường phái Pythagoras đã đào tạo ra những người phụ nữ cổ Hy Lạp có tính tình thanh tú nhất, và điều này cũng đúng đối với đàn ông. Các tác giả thời xưa đồng ý rằng giới luật này đã tạo ra được những gương mẫu điển hình nhất, chẳng những về tình cảm và sự trinh khiết trong sạch, mà còn về phong cách đơn giản, tế nhị; và cũng khiến cho con người gìn giữ một cách nghiêm chỉnh giới luật ấy. Ngay cả các tác giả Thiên Chúa Giáo cũng thừa nhận điều này (xem Justin, xx, 4). . . . Trong số các thành viên của trường phái này, ý tưởng về sự công bằng chỉ đạo mọi hành vi của họ, còn trong các quan hệ hỗ tương thì họ tuân theo một cách nghiêm ngặt từ bi và sự khoan dung. Vì sự công bằng là nguyên lý của mọi đức tính, như lời dạy của Polus (ap. Stob, Serm., viii, ed. Schow, trang 232): Sự công bằng có thể duy trì sự bình yên và quân bình của linh hồn; đó là mẹ của trật tự trong mọi cộng đồng, khiến cho vợ chồng hòa hợp nhau, chủ tớ yêu thương nhau.

Khi một người thuộc trường phái Pythagoras nói ra, họ ràng buộc vào lời nói. Và sau cùng một người phải sống như thế nào để bao giờ cũng sẵn sàng cho sự chết” (Hippolytus, Philos, vi), (như trên, trang 263-267).

Trong các trường phái Tân Platon, sự luận giải về các đức hạnh thật là thú vị, người ta phân biệt rõ ràng giữa đạo đức và sự phát triển tâm linh, hoặc theo như Plotinus diễn tả “Nỗ lực không phải để trở thành không tội lỗi, mà để trở thành một vị Thần Minh.”^[15] Giai đoạn thấp nhất là trở nên không tội lỗi bằng cách thủ đắc các “đức tính chính trị” làm cho một người có hạnh kiểm hoàn toàn (các đức tính thể chất và luân lý thấp kém hơn các đức tính này), lý trí kiểm soát và tô điểm cho bản chất phi lý. Vượt trên các đức tính này là các đức tính tẩy trược, chỉ thuộc về lý trí mà thôi, chúng giải thoát linh hồn ra khỏi những sự ràng buộc của cuộc đời; trên lý thuyết, nâng cao linh hồn lên tiếp xúc với các bản chất cao hơn chính mình; và trên tiêu chuẩn, khiến cho linh hồn hiểu biết được bản thể chân thực: “Vì thế cho nên, kẻ nào được thúc đẩy theo các đức tính thực hành là người có giá trị, nhưng kẻ nào được thúc đẩy bởi các đức tính tẩy trược là một thần nhân, hoặc là một vị thần tốt lành.^[16] Người nào chỉ được thúc đẩy theo các đức tính trí tuệ, là một thần linh. Song người nào được thúc đẩy theo các đức hạnh tiêu chuẩn, chính là Cha của chư thần linh” (Chú thích về sự Thận trọng trí tuệ, trang 325-332.)

Người ta dạy môn đồ nhiều phương pháp thực hành khác nhau để thoát ra khỏi thể xác và thăng lên các cõi giới cao hơn. Như cỏ được nảy ra từ một lớp vỏ, con người nội giới phải được thoát ra khỏi cái khung cơ thể mình.^[17] “Thế ánh sáng tức thể quang huy” của người Ấn Độ chính là thể “quang hình” của môn đồ Tân Platon, và trong thế này, con người thăng lên tìm thấy chân ngã: “Người không bị chi phối bởi mắt thấy, tai nghe hoặc các giác quan khác, cũng không bị sự khổ hạnh hoặc các nghi thức tôn giáo trói buộc; người chỉ bị kiểm soát bởi minh triết trong sáng và bản chất cốt yếu thuần túy, người ấy sẽ thấy được Đấng Duy Nhất bất khả phân ly trong khi tham thiền. Bằng trí tuệ người ta nhận ra Chân Ngã tinh vi này, mà trong đó 5 tầng lớp của sự sống đang ngủ yên. Tâm trí của mọi sinh vật là bản năng đối với các sự sống (này). Nơi tâm trí đã được tẩy trược này, Chân Ngã được biểu lộ” (Mundakopanishad, III, ii, 8, 9).

Thế rồi chỉ con người mới có thể nhập vào cõi giới không có sự phân chia, nơi mà “các cõi giới đã không còn nữa.” Trong phần giới thiệu tác phẩm “Plotinus” của Taylor, ông G. R. S. Mead trích dẫn từ Plotinus, mô tả một cõi giới đúng là Turiya của người Ấn Độ:

“Họ cũng thấy tất cả mọi sự vật, không phải là những sự vật có đặc tính sinh sôi nảy nở, mà là những sự vật nguyên thể. Và họ nhận thức được chính mình nơi những người khác. Vì mọi sự vật đều trong mờ; không một sự vật nào đen tối và cản quang. Mọi sự vật đều hiện rõ cả bên trong lẫn bên ngoài. Khắp mọi nơi, ánh sáng cũng đều hội ngộ với ánh sáng; vì mỗi sự vật chứa đựng tất cả những sự vật khác, và cũng thấy tất cả sự vật trong một sự vật khác. Vì thế, vạn vật ở khắp nơi và tất cả đều là tất cả. Mỗi sự vật cũng là tất cả mọi sự vật. Nơi đó sự rục rờ thật là vô hạn, vì tất cả sự vật đều lớn lao, ngay cả sự vật nhỏ bé cũng thật là lớn lao. Mặt trời ở đó cũng là tất cả các ngôi sao, và mỗi ngôi sao cũng đều là mặt trời và tất cả các ngôi sao. Tuy nhiên, nơi mỗi sự vật có một tính chất khác biệt nổi bật, nhưng đồng thời tất cả mọi sự vật có thể được thấy nơi mỗi sự vật. Chuyển động ở đó cũng thuần túy; vì chuyển động không bị lẫn lộn với một chủ thể vận chuyển, vốn riêng biệt với nó” (trang lxxiii).

Khi mô tả thì không thể đúng, vì vùng này là một cõi giới mà ngôn ngữ thế gian không thể mô tả được, nhưng sự mô tả chỉ có thể ghi nhận được bởi người đã “sáng mắt”.

Người ta có thể ghi chép trọn cả một quyển sách bàn về những điều tương tự giữa các tôn giáo trên thế giới, nhưng những trình bày sơ lược nêu trên cũng đủ làm tiền đề cho việc học hỏi Minh Triết Thiên Liêng. **Minh Triết Thiên Liêng (hay Thông Thiên Học) trình bày những chân lý xưa một cách mới mẻ và trọn vẹn hơn đến thế gian.**

Tất cả những sự giống nhau này cho thấy có một nguồn cội duy nhất, đó là Quần Tiên Hội, hay Thiên Đoàn, gồm những vị Chân Sư trông nom và dìu dắt sự tiến hóa của nhân loại, các Ngài đã bảo tồn cho các chân lý này không bị hủy hoại. Đôi khi cần thiết, các Ngài lên tiếng tái khẳng định những chân lý này cho loài người.

Từ những thế giới khác, từ những nhân loại trước kia, các Ngài đến giúp đỡ bầu hành tinh chúng ta. Các Ngài đã tiến hóa theo một tiến trình tương tự với tiến trình của chúng ta hiện nay. Chúng ta sẽ hiểu nhiều hơn về sự tiến hóa này, sau khi đã hoàn tất công cuộc học hỏi hiện nay. Sự trợ giúp của các Ngài được củng cố thêm bởi những thành phần ưu tú của nhân loại, từ thời xa xưa nhất cho đến ngày nay. Các Ngài vẫn còn dạy dỗ các môn đồ nhiệt thành, chỉ dẫn từng bước tiến của các đệ tử. Tất cả những ai tìm kiếm vẫn có thể đạt tới các Ngài, miễn là họ luôn luôn mang theo tâm nguyện hy sinh, tình thương, lòng sùng tín, lòng ao ước hiểu biết để phụng sự bất vị kỷ. Các Ngài vẫn thực hành giới luật cổ, vẫn tiết lộ các bí pháp cổ. **Hai cột trụ của cổng dẫn vào Thiên Đoàn chính là bác ái và minh triết, chỉ những kẻ nào đã vứt bỏ được lòng ham muốn và sự ích kỷ, mới có thể đi qua cánh cửa hẹp ấy.**

Trước mặt chúng ta là một nhiệm vụ nặng nề, bắt đầu từ cõi trần, chúng ta sẽ leo lên từ từ, nhưng một cái nhìn tổng quát về tầm mức rộng lớn của cuộc tiến hóa và mục đích của nó có thể giúp ích chúng ta, trước khi bắt đầu nghiên cứu tỉ mỉ về thế giới chung quanh.

Trước khi thái dương hệ bắt đầu biểu lộ, thì Thượng Đế đã có sẵn trong trí Ngài một ý tưởng tổng quát; mọi thần lực, mọi hình tướng, mọi sự vật theo diễn tiến sẽ xuất lộ thành cuộc sống ngoại giới.

Ngài vạch ra vòng biểu lộ, bên trong giới hạn này, Ngài muốn cung cấp năng lượng và tự hạn chế mình với sự sống vũ trụ của Ngài. Khi quan sát, chúng ta thấy xuất hiện những tầng lớp có mật độ liên tiếp, cho đến khi hiện rõ 7 vùng rộng lớn. Nơi

các trung tâm năng lượng này, xuất hiện các vòng xoáy ốc của chất liệu tách rời nhau cho đến khi các diễn trình phân ly và ngưng tụ kết thúc, theo mức độ có liên quan đến chúng ta, chúng ta thấy một mặt trời trung ương, biểu tượng phần vật chất của Thượng Đế, và 7 dãy hành tinh lớn, mỗi dãy có 7 bầu hành tinh. Thu hẹp tầm nhìn xuống tận dãy hành tinh mà bầu hành tinh của chúng ta trực thuộc, chúng ta thấy các làn sóng sinh hoạt trải ra chung quanh nó, tạo thành các loài trong thiên nhiên, 3 loài tinh hoa chất, loài khoáng thạch, loài thực vật, loài động vật và loài người. Thu hẹp tầm nhìn thêm nữa xuống tận bầu hành tinh của chúng ta và môi trường chung quanh, để quan sát cuộc tiến hóa của nhân loại, chúng ta thấy con người phát triển tâm thức cá nhân, trải qua một loạt nhiều chu kỳ sống. Khi tập trung sự quan sát vào một con người, chúng ta truy nguyên sự tăng trưởng của người ấy và thấy rằng mỗi chu kỳ sống được chia làm 3 phần; mỗi phần có liên hệ với mọi chu kỳ sống đi trước nó, gặt hái các kết quả của chúng, và gieo trồng các vụ gặt cho các chu kỳ sống theo sau nó, bởi một định luật không thể phá vỡ được. Như thế, chúng ta thấy rằng con người có thể leo lên cao trong mỗi chu kỳ sống do thêm vào kinh nghiệm riêng. Mỗi chu kỳ sống, con người được nâng lên cao hơn trên phương diện thanh tịnh, trí năng, sự sùng tín và năng lực hữu dụng; cho đến cuối cùng, con người đạt đến địa vị của các Đấng mà hiện nay là các vị Đạo Sư, và sẵn sàng trao lại cho đàn em món quà mà người ấy đã nhận lãnh từ các Đấng này.

CHƯƠNG I

CỖI TRẦN

(The Physical Plane)

Chúng ta được biết, nguồn gốc của sự thành lập vũ trụ từ một Đấng Thiêng Liêng biểu lộ. Theo hình thức hiện đại của Minh Triết Cổ Truyền, thì Ngài được gọi là đức Thượng Đế, hay Ngôi Lời (Logos, or Word). Danh từ này có xuất xứ từ triết lý Hy

Lập, nó diễn tả chính xác ý niệm xưa, Lời Nói phát sinh từ sự yên lặng, và Âm Thanh tạo thành vũ trụ.

Trước hết, chúng ta theo dõi sự tiến hóa của “vật chất- tinh thần” (spirit-matter) để hiểu rõ hơn về bản tính của những vật thể mà chúng ta gặp ở cõi trần hay còn gọi là thế giới vật chất. Vì khả năng tính của sự tiến hóa ẩn tàng trong những tiềm thể đã bị phủ kín trong vật chất-tinh thần của cõi trần. Toàn thể tiến trình của cuộc tiến hóa là sự tự phát triển từ bên trong và được trợ giúp từ bên ngoài do các vị thần minh. Các vị thần minh này có thể thúc giục hay trì hoãn sự tiến hóa, nhưng các Ngài không thể vượt qua khả năng tự nhiên của vật chất. Chúng ta cần có vài ý niệm về những giai đoạn đầu tiên của sự thành lập thế giới. Nhưng nếu trình bày quá nhiều chi tiết tỉ mỉ, chúng ta sẽ vượt quá giới hạn của quyển sách yếu lược này; vì vậy nơi đây chỉ phác họa một cách đại cương.

Ra khỏi chốn thâm u của Sự Sống Duy Nhất, từ cái “Một” ngoài tầm hiểu biết của tư tưởng, ngoài tầm diễn tả của ngôn ngữ, một Đấng Thượng Đế tự thành lập cho mình một ranh giới, Ngài tự giới hạn trong một khoảng không gian, để chính Ngài hiện hữu và trở thành vị Thượng Đế biểu lộ. Khi Ngài vẽ ranh giới cho phạm vi hoạt động của Ngài, đồng thời Ngài cũng giới hạn cho khu vực vũ trụ của Ngài. Chính trong phạm vi này mà vũ trụ được thành lập, tiến hóa và tan rã. Nó sống, vận chuyển và hiện hữu trong lòng Ngài. Vật chất của vũ trụ là hơi bốc lên của đức Thượng Đế. Sức mạnh và năng lực của vũ trụ là những triều lưu dòng sống của Ngài. Ngài hiện hữu bên trong các nguyên tử; Ngài thấu nhập, nâng đỡ và làm phát triển mọi sự vật. Ngài là nguồn gốc của thế giới, cũng là chung cuộc; là nguyên nhân và đối tượng, là trung tâm và chu vi. Ngài là nền tảng vững chắc, mà tất cả được xây dựng nên. Ngài là khoảng không gian mà trong đó vạn vật đều hô hấp. Ngài ở trong mọi vật và mọi vật ở trong Ngài. Đó là những điều mà các Đấng thông đạt về Minh Triết Cổ Truyền đã dạy chúng ta về sự khởi đầu của những vũ trụ biểu lộ.

Cũng từ căn nguyên đó, chúng ta biết rằng đức Thượng Đế tự phát triển thành hình thức tam phân:

1)– Đức Thượng Đế thứ nhất (the First Logos), là nguồn cội sinh ra muôn loài vạn vật.

2) – Đức Thượng Đế thứ nhì, từ đức Thượng Đế thứ nhất mà có. Ngài biểu lộ ra hai trạng thái: sự sống và hình thể, là khởi thủy của nhị nguyên. Nhị nguyên ấy là hai cực của tạo hóa, giữa hai cực ấy vũ trụ được tạo ra. Những nhị nguyên là: sự sống-hình thể (Life-Form), vật chất-tinh thần (Spirit-Matter), tích cực-tiêu cực (Positive-Negative), hoạt động-thụ động (Active-Receptive), cha-mẹ của thế giới (Father-Mother of the worlds).

3)– Kế đến là đức Thượng Đế thứ ba, trí tuệ vũ trụ, khuôn mẫu của vạn vật. Ngài là nguồn cội của mọi sự hiện tồn, là mạch nước của năng lực sáng tạo, là kho tàng tích trữ tất cả hình thể kiểu mẫu. Những hình thể này sắp được biểu lộ và sẽ được hoàn chỉnh trong vật chất ở những cõi thấp trong thời gian tiến hóa của vũ trụ. Những hình kiểu mẫu này là kết quả từ những vũ trụ quá khứ, lưu truyền lại để làm mầm giống cho vũ trụ hiện tại.

Hiện tượng tinh thần và vật chất của bất cứ vũ trụ nào, theo chiều rộng của nó cũng đều hữu hạn, theo thời gian thì tạm thời. Nhưng nguồn gốc của tinh thần và vật chất đều vĩnh cửu. Một tác giả uyên bác nói: “Nguồn gốc của vật chất (Mulaprakriti), được đức Thượng Đế xem như là chiếc màn the che phủ sự sống duy nhất, tức đấng Thượng Đế tối cao (Parabrahman), danh từ được dùng theo thời xưa.”

Chính chiếc màn the đó mà Thượng Đế dùng để biểu lộ. Ngài dùng nó tự làm ranh giới, để có thể thực hiện những hoạt động. Chính trong ranh giới đó, Ngài sắp xếp, tạo ra vật chất trong vũ trụ của Ngài. Chính Ngài làm ra, hướng dẫn và kiểm soát sự sống.^[18]

Chúng ta chỉ có khái niệm lơ mơ về hai cõi cao nhất của vũ trụ là cõi thứ bảy và cõi thứ sáu. Thần lực của đức Thượng Đế, xoay vần mau lẹ không thể tưởng tượng nổi, “đào thủng những lỗ trống trong không gian,” trong vật chất nguyên thủy. Luồng xoáy của sự sống đó được bao bọc trong một lớp màn của vật chất nguyên thủy và tạo thành hạt nguyên tử đầu tiên. Những hạt nguyên tử đầu tiên, và những nhóm của chúng trải ra khắp cùng vũ trụ. Chúng phân chia thành những phần nhỏ của vật chất-tinh thần, choán cõi thứ bảy là cõi cao nhất.

Cõi thứ sáu được thành lập do một phần của vô số nguyên tử đầu tiên. Những nguyên tử này chuyển động xoáy và kết tập nhau lại một cách thô kệch nơi cõi của

chúng. Những nguyên tử thô kệch này được bao bọc bởi những dây xoắn ốc, bện vào nhau. Sự kết hợp của những nguyên tử thô kệch nhất của cõi thứ bảy, trở thành nguyên tố thanh nhuyễn nhất của vật chất-tinh thần, hay nguyên tử của cõi thứ sáu. Những nguyên tử của cõi thứ sáu này kết hợp lại theo vô số cách thức khác nhau, tạo thành nhiều tiểu phần của vật chất-tinh thần của cõi thứ sáu. Kế tiếp, nguyên tử của cõi thứ sáu xoay vần, kết tập một cách thô kệch lại ở cõi của nó. Và những nguyên tử tập hợp thô kệch nhất này, với vách bao bọc ngoài, trở thành những nguyên tố tinh vi nhất của vật chất- tinh thần, hay nguyên tử của cõi thứ năm. Những nguyên tử của cõi thứ năm và những kết hợp của nó, tạo thành những tiểu phần vật chất-tinh thần của cõi thứ năm. Tiến trình này, cứ lặp đi lặp lại để liên tục tạo thành những tiểu phần vật chất-tinh thần cho cõi thứ tư, thứ ba, thứ nhì và thứ nhất. Đó là bảy vùng lớn của vũ trụ. Nhờ sự tương tự đó mà chúng ta có thể có được một ý niệm rõ rệt hơn, khi chúng ta tìm hiểu những sự thay đổi của vật chất-tinh thần tại cõi trần của chúng ta.^[19]

Người ta cố ý dùng danh từ “vật chất-tinh thần” để ám chỉ rằng, không có vật chất “chết”. Tất cả vật chất đều sống; dù phần tử nhỏ nhất cũng sống. Khoa học nói đúng, khi quả quyết rằng: “Không có năng lực nào mà không có vật chất, và không có vật chất nào mà không chứa đựng năng lực.” Năng lực và vật chất kết hợp với nhau bởi sợi dây liên kết đời đời, xuyên qua nhiều thời đại của một vũ trụ và không ai có thể tách rời được. Vật chất tức là hình thể, và không có một hình thể nào mà không diễn tả sự sống. Tinh thần là sự sống, và không có một sự sống nào mà không bị hạn chế bởi một hình thể. Cho chí đức Thượng Đế, là Đấng Tối Cao, cũng lấy vũ trụ trong thời kỳ biểu lộ làm hình thể; xuống đến hạt nguyên tử cũng thế.

Sự sống của đức Thượng Đế bị cuốn hút vào trong mỗi phần tử nhỏ của vật chất như là một mãnh lực kích động. Và sự phát triển liên tiếp của nó được bao phủ trong vật chất-tinh thần xuyên qua các cõi. Như thế, ngoài năng lực riêng của mình, chất liệu của mỗi cõi chứa đựng tất cả những hình thể và năng lực ẩn tàng của những cõi ở trên nó. Hai sự kiện trên xác định sự tiến hóa, và đem đến cho phần tử nhỏ nhất những tiềm năng. Tiềm năng này từ từ trở thành khả năng tích cực có thể nhập vào hình thể của những sự biểu lộ cao cả nhất. Thật vậy, sự tiến hóa có thể được tóm tắt như sau: “Đó là khả năng tiềm ẩn, trở thành khả năng hoạt động.”

Làn sóng tiến hóa vĩ đại thứ nhì làm phát triển hình thể. Làn sóng tiến hóa vĩ đại thứ ba làm phát triển tâm thức của bản ngã (self-consciousness). Chúng ta sẽ xét

vấn đề này về sau. Sự tác động của ba làn sóng tiến hóa trên đây có liên hệ đến con người ở quả đất, được so sánh tương tự như sau: Làm ra vật liệu, xây cất nhà cửa, sự phát triển của kẻ trú ngụ trong nhà. Hoặc nói như trên, là: Sự tiến hóa của “vật chất-tinh thần”, sự tiến hóa của hình thể, sự tiến hóa của tâm thức bản ngã. Nếu độc giả có thể hiểu thấu và ghi nhớ ý niệm này, thì sẽ tìm thấy được đầu mối hữu ích, từ đó sẽ thông suốt những sự kiện phức tạp.

Bây giờ, chúng ta có thể trở lại quan sát chi tiết về cõi trần, là nơi thế giới của chúng ta hiện tồn, và là nơi cư trú của xác thân chúng ta.

Khi chúng ta quan sát những chất liệu nơi cõi trần, điều làm cho chúng ta ngạc nhiên là có quá nhiều loại khác nhau. Không thể kể hết được sự khác biệt về cấu trúc của những vật thể chung quanh chúng ta; kim thạch, thảo mộc, thú cầm, tất cả đều khác nhau về sự cấu tạo. Có chất cứng hay mềm, trong hay đục, bở dòn hay mềm dẻo; vị thì có đắng hay ngọt, dễ ưa thích hay làm buồn nôn; màu sắc thì có đủ loại màu, hay không màu sắc. Trong sự hỗn tạp này, người ta phân loại ra 3 trạng thái căn bản của vật chất: đặc, lỏng và hơi. Nếu quan sát sâu xa hơn, chúng ta thấy những chất đặc, lỏng và hơi này đều do sự kết hợp từ các vật thể rất đơn giản mà nhà hóa học gọi là “nguyên tố”, và chính những nguyên tố này có thể tồn tại trong trạng thái đặc, lỏng và hơi mà không thay đổi tính chất. Như cách thức nguyên tố hóa học dưỡng khí (oxygen) dự vào sự cấu tạo của cây, khi kết hợp với những nguyên tố khác, nó làm ra những sợi gỗ, là chất đặc. Nó cũng có trong mù cây, bằng cách kết hợp với những nguyên tố khác làm ra hợp chất lỏng, và chính nó cũng là chất hơi. Trong 3 trường hợp đó, nó vẫn là dưỡng khí (oxygen). Hơn nữa, dưỡng khí nguyên chất có thể từ thể hơi biến thành thể lỏng, và từ thể lỏng thành thể đặc, mà nó vẫn luôn luôn là dưỡng khí nguyên chất; các nguyên tố khác cũng giống như thế.

Chúng ta vừa mới xét qua 3 thành phần hay là ba trạng thái của vật chất cõi trần: chất đặc, lỏng, hơi. Xa hơn nữa, chúng ta sẽ biết được có một trạng thái thứ tư, đó là chất dĩ thái (ether). Phân tích kỹ hơn, chúng ta biết, chất dĩ thái này tồn tại dưới bốn trạng thái, cũng rõ rệt như là sự phân biệt giữa ba trạng thái, đặc, lỏng, hơi. Hãy lấy dưỡng khí làm thí dụ một lần nữa. Dưỡng khí có thể từ trạng thái hơi hóa ra trạng thái lỏng và từ trạng thái lỏng hóa ra trạng thái đặc; như thế, nó cũng có thể từ trạng thái hơi chuyển qua bốn trạng thái của dĩ thái, mà trạng thái cuối cùng bao gồm hạt nguyên tử căn bản cõi trần (ultimate physical atom).^[20] Khi hạt nguyên tử căn bản cõi

trần bị tan rã, thì toàn chất của nó tách ra khỏi cõi trần và sang ngay qua cõi cao kế đó... Do sự khảo sát, chúng ta thấy sự cấu tạo hạt nguyên tử căn bản cõi trần của tất cả mọi loài đều giống nhau; sở dĩ có nhiều loại “nguyên tố khoa học” khác nhau là do cách thức kết hợp khác nhau của những hạt nguyên tử căn bản cõi trần. Như thế, chi phần thứ bảy của vật chất-tinh thần cõi trần được tạo nên do những hạt nguyên tử giống như nhau. Chi phần thứ sáu được tạo thành là nhờ những tập hợp của các nguyên tử với nhau một cách khá đơn giản, mỗi một tập hợp tự tác động như là một đơn vị. Chi phần thứ năm và thứ tư được tạo nên là do những kết hợp càng lúc càng phức tạp hơn. Trong tất cả các trường hợp, những sự kết hợp luôn luôn tác động như là những đơn vị. Chi phần thứ ba được tạo thành do những sự kết hợp phức tạp hơn nữa; trong hóa học gọi chúng là các nguyên tử thể hơi hay những “nguyên tố”. Ở chi phần thứ 3 này, có một số lớn tập hợp được lấy tên đặc biệt là: dưỡng khí (oxygen), khinh khí (hydrogen), đạm khí (nitrogen), diệp lục khí (chlorine), v.v..., và mỗi tập hợp mới được khoa học khám phá ra cũng đều được đặt tên. Chi phần thứ nhì được tạo thành là nhờ những kết hợp ở trong trạng thái lỏng; có loại được xem là nguyên tố như bromine, còn loại khác là hợp chất, như nước hay rượu. Sau cùng chi phần thứ nhất được cấu tạo do tất cả chất đặc, hoặc dưới dạng nguyên tố như iodine, vàng (gold), chì (lead), v.v..., hay là dưới dạng hợp chất phức tạp như gỗ, đá, phấn viết, v.v...

Có thể dùng cõi trần làm kiểu mẫu, do sự giống nhau mà học giả có thể có một ý niệm về sự phân chia những chi phần của vật chất-tinh thần ở các cõi khác. Khi học giả Thông Thiên Học nói về một cõi nào, họ muốn nói đến một vùng hoàn toàn có sự hiện tồn của vật chất-tinh thần, và những chất hóa hợp đều được cấu tạo từ một nhóm những nguyên tử đặc biệt. Những nguyên tử này là những đơn vị có cách cấu tạo tương tự nhau, sự sống của chúng là sự sống của đức Thượng Đế bị che phủ bởi nhiều hay ít lớp, tùy theo cõi, cấu trúc của chúng gồm chất đặc, hay chất liệu của phân cảnh thấp nhất của cõi trên kế đó. Như thế, một cõi không những là sự phân chia trong thiên nhiên, mà còn cho thấy ý niệm siêu hình nữa.

Chúng ta vừa học qua những kết quả của sự tiến hóa về “vật chất-tinh thần” trong chính cõi trần của chúng ta; đó là cõi thứ nhất, hay cõi thấp nhất của thái dương hệ. Trải qua vô số thời đại, dòng tiến hóa của vật chất-tinh thần đã trau giồi chất liệu vũ trụ, cho ra kết quả như chúng ta thấy hiện nay. Nhưng khi chúng ta bắt đầu nghiên

cứu về những thực thể tại cõi trần, chúng ta phải đề cập đến sự tiến hóa của hình thể, và sự tạo dựng nên những cơ quan từ chất liệu vật chất.

Khi những chất liệu vật chất đã phát triển đúng mức, thì luồng sống sinh hoạt thứ nhì của đức Thượng Đế bắt đầu thúc đẩy sự tiến hóa của hình thể. Ngài trở thành động lực tổ chức^[21] của vũ trụ, nhờ có vô số thực thể, gọi là những vị Kiến Thiết^[22] tạo lập hình thể do sự kết hợp của chất liệu tinh thần. Sự Sống của đức Thượng Đế ngự ở trung tâm của mỗi hình thể là năng lực tác động và điều khiển.

Nơi đây, chúng ta không thể học từ chi tiết sự xây dựng hình thể ở các cõi cao. Chúng ta chỉ có thể nói, mọi hình thể đều có sẵn như là những ý tưởng trong trí đức Thượng Đế, và luồng sống sinh hoạt thứ nhì làm cho chúng được biểu lộ như những kiểu mẫu, theo đó các Vị Kiến Thiết làm phận sự. Trên cõi thứ ba và thứ nhì, những kết hợp “vật chất-tinh thần” đầu tiên được sắp xếp theo những cách thức nào đó để tác động như những đơn vị độc lập, và dần dần chúng được ổn định khi được sắp xếp vào trong cơ quan. Tiến trình này được thực hiện trên cõi thứ ba và thứ nhì, với sự hiện tồn của ba loài tinh hoa (elemental kingdoms) và những sự kết hợp các chất liệu ở đó, thường được gọi là “tinh hoa chất” (elemental essence). Nhờ sự kết tụ, các tinh hoa này được đặt vào khuôn, thành hình thể. Những hình thể này, sinh tồn một thời gian rồi tan rã. Sự sống tuôn ra, hay Chân Thần, tiến hóa xuyên qua ba loài này, và cuối cùng đến tận cõi trần. Nơi đây nó bắt đầu qui tụ chất dĩ thái thành những lớp mỏng, trong đó những luồng sống sinh hoạt tác động và tạo thành vật chất đậm đặc hơn. Theo tiến trình đó, những loại kim thạch đầu tiên được tạo ra. Khi tham khảo bất cứ quyển sách nào về kết tinh học, người ta đều nhận thấy kim thạch có những cấu trúc rất đẹp đẽ, chúng được cấu tạo nên theo phương thức số học và hình học đặc biệt. Kim thạch còn đưa nhiều bằng chứng xác định rằng sự sống tác động trong tất cả khoáng vật, mặc dù sự sống đó bị giam kín, bị ngăn trở và bị giới hạn rất nhiều. Hiện tượng “mòn mỏi” (fatigue) của kim loại, cho thấy chúng cũng là vật sống. Về phương diện giáo lý huyền môn, tới đây cũng đủ cho chúng ta nhận biết có sự sống trong giới kim thạch.

Khi hình thể trong đa số kim thạch đã được ổn định nhiều rồi, thì Chân Thần đang tiến hóa, dự trù một hình thức mềm dẻo hơn, kết hợp với cấu trúc tương đối ổn định cho loài thảo mộc. Những đặc tính này (mềm dẻo và ổn định) được biểu lộ một cách quân bình hơn trong loài cầm thú, và đến tột độ quân bình trong loài người. Vì

xác thân con người được tạo bằng những phần tử không ổn định, nhờ đó mà con người có khả năng thích ứng cao. Nhưng các phần tử bất ổn định này được giữ lại với nhau, do một sức mạnh kết hợp trung tâm, làm cho chúng có thể chịu đựng được hầu hết những điều kiện khác biệt mà không tan rã.

Thân thể con người có hai phần chính: Phần đậm đặc làm bằng những nguyên tố rút ra từ ba chi phần thấp của cõi trần (chất đặc, lỏng và hơi); và thể phách (the etheric double), màu xám tím hay xám xanh, làm bằng những vật liệu rút ra từ bốn chi phần cao của cõi trần, nó thấm nhập phần xác thân đậm đặc.

Phận sự tổng quát của xác thân là tiếp xúc với ngoại giới và chuyển vào bên trong kết quả của sự tiếp xúc này, như những chất liệu cung cấp cho thực thể ý thức để thu thập hiểu biết. Thể phách còn có nhiệm vụ đặc biệt như là trung gian, qua nó những dòng sinh lực do mặt trời tủa ra có thể thích ứng để sử dụng cho những phần tử đậm đặc hơn. Đối với thái dương hệ chúng ta, mặt trời là một kho vũ đại chứa đựng điện lực, từ lực và sinh lực, nó tuôn rải ra rất nhiều những luồng năng lực này. Thể phách của kim thạch, thảo mộc, thú cầm, và con người hấp thụ và biến đổi những năng lực này thành nhiều loại năng lực sống khác nhau, cần thiết cho mỗi loài.^[23] Thể phách thu hút, chuyển hóa và phân phát chúng cho thể xác liên hệ. Sự quan sát cho thấy, khi sức khỏe dồi dào, sinh lực được biến đổi nhiều hơn số lượng cần thiết cho sự bảo trì của xác thân, số sinh lực dư thừa rải ra chung quanh; và những cơ thể yếu đuối hơn có thể nhờ cậy được. Danh từ chuyên môn được dùng là hào quang sức khỏe (the health aura) là phần cái phách tủa ra khắp bề mặt xác thân và ra khỏi xác thân vài phân, như tia sáng phát ra từ trung tâm của một hình cầu, tủa ra mọi hướng. Những tia sáng này ngã xiên xuống đất, khi kém sinh lực và sức khỏe suy yếu. Nhưng khi con người khỏe mạnh trở lại, thì chúng lại tủa ra mạnh mẽ như trước. Chính sinh lực này, do thể phách chuyển hóa, được nhà truyền từ điển dùng để hoàn lại sinh lực cho người yếu, hay để chữa bệnh; trong đó cũng thường có vài luồng từ điển khác thanh nhẹ hơn. Đó là nguyên nhân tại sao nhà truyền từ điển, bị giảm sinh lực và mệt mỏi, khi sử dụng quá mức sinh lực mà họ có.

Sự cấu tạo thể xác con người được thanh bai hay thô kệch là tùy theo vật liệu rút từ cõi trần để tạo ra nó. Mỗi chi phần của vật chất cung cấp những chất liệu có mức độ thanh nhẹ hay thô kệch khác nhau. Hãy so sánh xác thân của người hàng thịt với xác thân của một học giả thông thái; cả hai đều chứa chất đặc; nhưng phẩm chất của

chúng khác biệt nhau rất nhiều. Hơn nữa, chúng ta biết một xác thân thô kệch có thể làm cho trở thành thanh bai đượ; và một xác thân thanh bai có thể làm cho thô kệch đượ. Thân thể biến đổi không ngừng, mỗi phần tử của nó đều có sự sống riêng; và sự sống đến, rồi đi. Nó bị thu hút đến một xác thân rung động đồng nhịp với nó; và bị đẩy ra khỏi xác thân nào khác tính chất với nó. Vạn vật đều sống theo những rung động nhịp nhàng. Tất cả đều hướng đến sự điều hòa và chống lại sự không điều hòa. Một xác thân trong sạch đẩy lui những phần tử ô trược, vì tần số rung động không phù hợp với nó. Trái lại, một xác thân thô kệch thu hút những phần tử ô trược vào, do sự rung động hòa điệu của chúng. Như thế, khi một xác thân thay đổi tần số rung động, từ từ nó loại ra khỏi cơ cấu của nó, những thành phần không đồng nhịp, và thay vào đó bằng những thành phần mới, đồng nhịp, rút ra từ thiên nhiên. Thiên nhiên cung cấp những chất liệu, đủ mọi loại rung động; và mỗi xác thân có sự chọn lựa riêng cho nó.

Trong giai đoạn đầu của sự cấu tạo xác thân con người, sự chọn lựa chất liệu đều do Chân Thần sắc tướng (Monad of form) thực hiện, nhưng ngày nay, con người là một thực thể có tâm thức riêng, thì chính mình chọn lựa sự kiến tạo cho mình. Con người dùng tư tưởng để đánh thức chủ âm điều hòa của cá nhân và để xếp đặt những tiết điệu; đó là những yếu tố mạnh mẽ trong sự thay đổi không ngừng của xác thân cũng như các thể khác. Khi con người hiểu biết nhiều hơn, họ tập xây dựng xác thân mình bằng thực phẩm tinh khiết, để cho sự hòa điệu dễ dàng hơn. Con người tập sống theo định lý của sự tinh lọc như sau: **“Thực phẩm tinh khiết, tư tưởng thanh cao và luôn luôn tưởng niệm đức Ngọc Đế.”** Ngài là Đấng cao nhất, hiện tồn tại cõi trần này; Ngài là đại diện của đức Thượng Đế (Logos). Tùy theo phạm vi quyền lực mà Ngài chịu trách nhiệm về trật tự, hòa bình và quản trị tốt đẹp. Ngài không thể làm xong bốn phận, nếu không thực hiện được 3 điều vừa kể trên.

Thế xác đượ tạo nên bởi những nguyên tố rút ra từ các phân cảnh của cõi trần, nên nó có khả năng tiếp nhận và đáp ứng với mọi loại tác động từ cõi trần. Những tiếp xúc đầu tiên thuộc loại đơn giản và thô kệch nhất. Khi sự sống bên trong phát ra để đáp ứng với sự kích thích từ bên ngoài, sẽ làm cho những phần tử của thể xác rung động đáp ứng. Lần lần xúc giác phát triển trên toàn diện tích của cơ thể, làm cho chúng ta nhận biết những xúc chạm trên cơ thể. Có sự phát triển của các giác quan đượ chuyên biệt hóa để tiếp thu những làn rung động đặc biệt. Khả năng của cơ thể tăng lên để đóng vai trò một dẫn thể trong tương lai cho sự hoạt động của tâm thức tại cõi

trần. Hễ nó càng ứng đáp được nhiều loại cảm giác chừng nào thì nó càng hữu dụng chừng nấy; vì chỉ có những cảm giác nào nó đáp ứng được mới truyền đến tâm thức. Hiện tại, trong cõi vật chất chung quanh chúng ta, có vô số làn rung động mà chúng ta hoàn toàn không nhận biết, vì cơ thể chúng ta không thể tiếp nhận được, do không rung động đồng nhịp với chúng. Nhiều điều mỹ lệ phi thường, âm thanh tuyệt diệu, sự tế nhị thanh kỳ đều chạm phải vách tường của “nhà tù” (xác thân) nhốt tâm thức chúng ta, rồi lướt qua không được nhận biết. Một xác thân hoàn hảo sẽ cảm thông được với mỗi nhịp rung động trong thiên nhiên, cũng như cây phong cảm trước làn gió thoảng.

Những làn rung động mà xác thân có thể tiếp nhận được, truyền đến các trung khu thần kinh rất phức tạp. Cũng thế, làn rung động dĩ thái đi kèm theo với làn rung động của những cấu trúc vật chất đậm đặc, được thể phách tiếp nhận rồi chuyển đến những trung khu tương xứng. Hầu hết rung động của chất đặc đều được biến đổi thành hơi nóng hóa học (chemical heat) và những dạng khác của năng lượng vật chất (physical energy). Những làn rung động dĩ thái sinh ra các tác động từ lực và điện, rồi chuyển qua thể vía, kể đó truyền đến thể trí, như sẽ trình bày về sau. Như thế, những tin tức ở ngoại giới được đưa đến tâm thức ngụ trong xác thân, hay là “chủ tử của xác thân” như đôi khi được gọi như thế. Khi những đường thông tin, do sự luyện tập được phát triển và cung cấp nhiều dữ kiện cho tư tưởng, thì tâm thức trong con người sẽ phát triển nhiều thêm. Nhưng trong thời đại chúng ta, con người còn ít tiến hóa, nên thể phách chưa đủ điều hòa để đem đến cho xác thân và bộ óc ẩn tượng tiếp nhận được từ những nguồn gốc không thuộc vật chất nặng trọc. Đôi khi, con người tiếp nhận được những ẩn tượng này do họ đã phát triển phần thấp nhất của khả năng thấu thị, tức là thông nhãn thể phách, đó là sự thấy được thể phách của đồ vật và những thực thể có thể phách là lớp áo thấp nhất.

Ta thấy, con người trú ngụ trong những thể khác nhau: thể xác, thể vía và thể trí. Và chúng ta cần biết rằng, chúng ta đang tiến hóa hướng thượng, thể thấp nhất tức xác thân thô kệch, là thể đầu tiên cần được tâm thức kiểm soát và hợp lý hóa. Não bộ là khí cụ của tâm thức trong lúc thức ở cõi trần. Đối với người ít tiến hóa, tâm thức trong xác thân hoạt động một cách hữu hiệu hơn khi nó ở trong các thể khác. Khả năng của xác thân ít hơn khả năng của các thể thanh; nhưng thực hiện của nó lớn hơn, và con người tự biết mình là “cái ta” trong xác thân, trước khi tìm thấy mình nơi nào khác. Mặc dù một người tiến hóa hơn những đồng loại trung bình đi nữa, thì người

ấy cũng chỉ có thể biểu lộ tại cõi trần trong phạm vi mà cơ thể có thể dung nạp được, vì tâm thức chỉ biểu lộ được ở cõi trần đến mức độ nào mà xác thân có thể thu nhận được mà thôi.

Trong kiếp sống ở thế gian, xác thân thô kệch và thể phách không thể rời nhau. Trong tình trạng bình thường, chúng nó cùng nhau tác động, cũng như những sợi dây đàn có âm độ cao thấp khác nhau cùng trong một nhạc cụ; khi được khảy lên một hòa điệu, chúng tác động khác nhau, nhưng rất ăn khớp với nhau. Trong tình trạng kém sức khỏe, hay thần kinh bị xáo trộn, một phần lớn thể phách có thể bị đẩy một cách bất thường ra khỏi phần tương ứng với xác thân. Lúc ấy xác thân chỉ có tri thức lờ mờ, hoặc ở trong trạng thái xuất thần, tùy theo số lượng thể phách bị đẩy ra ngoài. Những loại thuốc gây mê hay thuốc tê, đẩy một phần lớn thể phách ra khỏi xác thân, do đó tâm thức không thể ảnh hưởng, hay ngược lại bị ảnh hưởng bởi thể xác, và cầu thông thương giữa hai thành phần bị gián đoạn. Đối với những người có cơ thể cấu tạo bất thường, như trường hợp “đồng tử”, thì thể phách và xác thân tách rời nhau một cách dễ dàng, và thể phách bị loại ra ngoài, một phần lớn được cung cấp như là chất liệu cần thiết cho sự “hiện hình”.

Trong lúc thức, tâm thức sử dụng xác thân để tiếp xúc với ngoại giới. Lúc ngủ, tâm thức rời bỏ xác thân, thì xác thân và thể phách vẫn ở chung với nhau. Nhưng trong lúc thân xác chiêm bao (physical dream – life),^[24] chúng hoạt động có phần độc lập với nhau. Những ấn tượng tiếp nhận trong lúc thức được diễn lại do sự tác động tự động của xác thân. Bộ óc xác thân, và bộ óc thể phách, đều chứa đầy những hình ảnh vụn vặt, rời rạc, với những làn rung động xô đẩy nhau, tạo ra nhiều hỗn tạp rất quái dị. Những làn rung động từ bên ngoài cũng kích động hai thể ấy (xác và phách). Rồi những sự hỗn tạp, thường lặp đi lặp lại lúc thức, rất dễ được khơi cho hoạt động lại do những dòng năng lực cùng một bản chất từ cõi trung giới. Những hình ảnh xảy ra trong lúc chiêm bao, dù tự nhiên hay do bên ngoài, phần lớn được tạo ra do sự thanh cao hay thô trực của tư tưởng trong lúc thức.

Khi xảy đến hiện tượng mà người ta gọi là “sự chết”, thì tâm thức trong lúc xuất ra khỏi xác thân, kéo theo thể phách ra ngoài. Như thế, dây từ khí nối liền hai thành phần (thể xác và thể phách) trong kiếp sống dưới thế gian bị tách rời ra. Tiếp theo đó khoảng vài tiếng đồng hồ, tâm thức của con người vẫn bị bao bọc trong lớp y phục thể phách. Đôi khi trong trạng thái đó, người vừa từ trần hiện ra trước mắt những

người thân với một hình ảnh như sương mù, “bóng ma” đó có tri thức lơ mơ và cảm lặng. Thể phách cũng có thể được thấy sau khi tâm thức đã bỏ rơi nó, nó bay lượn trên mờ mả nơi chôn thể xác, và nó tan rã dần với thời gian.

Từ khi thai nhi phát triển đến lúc sinh ra, thể phách được tạo ra trước, rồi thể xác dần dần phát triển theo đúng khuôn mẫu của thể phách. Có thể nói, hai thể này (xác và phách) là giới hạn, trong đó tâm thức con người sống và làm việc trong kiếp sống trần gian. Vấn đề này sẽ được giải rõ hơn ở chương IX nói về “nghiệp quả”.

CHƯƠNG II

CÔI TRUNG GIỚI

(The Astral Plane)

Cõi trung giới là vùng của vũ trụ “kế cận” với cõi trần, nếu từ ngữ kế cận được phép dùng nơi đây để nói lên ý nghĩa ấy. Đời sống nơi cõi đó linh hoạt hơn và hình thể mềm dẻo hơn tại cõi trần. “Vật chất-tinh thần” ở trên cõi ấy linh hoạt hơn và thanh nhẹ hơn bất cứ cấp độ nào của vật chất-tinh thần ở cõi trần. Ta biết hạt nguyên tử căn bản cõi trần cấu tạo nên chất dĩ thái thanh nhẹ nhất, có màn bao bọc làm bằng vô số chất liệu thô trực nhất của cõi trung giới tập hợp lại. Tuy nhiên, từ ngữ “kế cận” không được đúng lắm, vì nó gợi ý những cõi của vũ trụ đều sắp xếp theo khu vực đồng tâm điểm (concentric circles); ranh giới của một khu vực là nơi bắt đầu một khu vực kế tiếp. Đúng ra, chúng nó là những cầu thể (spheres) đồng tâm điểm, thấu nhập lẫn nhau, trong cùng một không gian, nhưng riêng rẽ về sự dị biệt ở thể chất. Như không khí thấu nhập nước, dĩ thái thấu nhập chất đặc thô kệch nhất; cũng như thế, chất khí cõi trung giới thấu nhập mọi vật cõi trần. Cõi trung giới ở trên, ở dưới, ở chung quanh chúng ta và xuyên qua chúng ta. Chúng ta sống và hoạt động trong nó, nhưng

không chạm đến nó, không thể thấy, nghe và không nhận thức được nó, vì chúng ta bị ngăn cách với cõi ấy bởi ngục tù xác thân; những phần tử của xác thân quá thô kệch nên không rung động đồng nhịp với chất khí cõi trung giới.

Trong chương này, chúng ta khảo cứu những phương diện tổng quát về cõi trung giới; chúng ta sẽ xét riêng những điều kiện đặc biệt của sự sống nơi cõi ấy đối với con người đi xuyên qua nó, trên con đường từ cõi trần đến cõi thiên đàng.^[25]

“Vật chất-tinh thần” của cõi trung giới cũng được phân chia thành bảy chi phần, giống như bảy chi phần của cõi hồng trần mà chúng ta vừa học. Nơi đây có vô số kết hợp, làm ra những chất đặc, lỏng, hơi và chất dĩ thái của cõi trung giới. Nếu so sánh với cõi trần, đa số vật thể ở cõi trung giới đều chói sáng, và trong suốt, do đó người ta dùng hình dung từ “sáng như sao”, hay “tinh tú” để gọi nó. Hình dung từ này không được đúng lắm, nhưng đã được dùng cố định từ lâu, nên khó sửa đổi được. Vì không có tên đặc biệt cho những chi phần của “vật chất-tinh thần” ở cõi trung giới, nên chúng ta có thể dùng những danh từ tương đương được áp dụng ở cõi trần. Ý niệm chính nên nhớ là đồ vật trung giới là tập hợp của chất liệu trung giới, cũng như đồ vật cõi trần, là tập hợp của chất liệu hồng trần. Những cảnh trí ở cõi trung giới đều tương đương với những cảnh trí ở cõi trần, vì phần lớn đồ vật đều là bản sao trung giới của đồ vật ở cõi trần. Tuy nhiên, có điều đặc biệt làm cho người không có kinh nghiệm quan sát cõi trung giới phải chùn chân và bối rối, một phần là do đồ vật cõi trung giới trong suốt, ánh sáng có thể xuyên qua, một phần là do bản chất của thông nhãn thuộc về cõi trung giới. Tâm thức ít bị ngăn trở bởi chất liệu thanh nhẹ của trung giới, so với khi bị nhốt trong xác thân. Mọi vật đều trong suốt, phía sau, phía trước, bên trong và bên ngoài đều được nhìn thấy một lượt. Vì thế, cần phải có phần nào kinh nghiệm mới thấy được đồ vật một cách đúng thật; và một người nào đã mở thông nhãn thuộc cõi trung giới mà chưa có kinh nghiệm, thường thấy mọi vật bị đảo lộn, nên rất thường bị lầm lạc.

Một tính chất đặc biệt khác, làm cho người mới tập quan sát cõi trung giới phải ngỡ ngàng, là chu vi của những hình thể trên trung giới thay đổi một cách nhanh chóng, nhất là khi hình thể này không liên hệ với một vật thể mẫu nào tại cõi trần (terrestrial matrix).

Một thực thể nào ở cõi trung giới cũng có thể biến đổi trọn cả hình dạng một cách mau lẹ đáng ngạc nhiên, vì chất liệu trung giới thay đổi hình dạng theo mỗi xúc động của tư tưởng; và sự sống bên trong làm khuôn mẫu một cách nhanh chóng cho hình thể, để biểu lộ ý tưởng mới. Khi luồng sóng sinh hoạt vĩ đại của sự tiến hóa về hình thể đi từ trên xuống dưới, xuyên qua cõi trung giới, để tạo ra loài tinh hoa thứ ba (the third elemental kingdom) cho cõi này, thì Chân Thần (Monad) thu hút chung quanh nó những tập hợp của chất liệu trung giới, những tập hợp này được gọi là “tinh hoa chất” (elementale essence). Chân Thần truyền sinh lực và ban cho chúng đặc tính đáp ứng và thay đổi hình thể nhanh chóng theo làn rung động của tư tưởng. Có hàng trăm loài tinh hoa chất khác nhau trong mỗi phân cảnh của cõi trung giới. Nơi cõi này, dường như không khí có thể được trông thấy, dưới hình thức gọn sóng rung chuyển liên tục, với màu sắc biến đổi như ốc xà cừ. Cũng như ở cõi trần, đôi khi có thể thấy được những làn rung động của không khí trong lúc trời nắng gắt. Bầu không khí mênh mêng của loài tinh hoa chất này luôn luôn đáp ứng với những làn rung động của tư tưởng, tình cảm và dục vọng. Những xung động dấy lên bởi những mãnh lực này, giống như bọt nổi lên trong một bình nước đang sôi.^[26] Những hình thể được tạo ra tồn tại lâu hay mau là tùy nơi sức mạnh của lực xung động tạo thành nó; còn chu vi của hình thể có rõ rệt hay không, tùy ở sự chính xác của tư tưởng. Màu sắc của nó tùy theo đặc tính của tư tưởng, như trí thức, sùng tín, hay đam mê, v.v...

Những tư tưởng rời rạc, mơ hồ, phần lớn được tạo ra do những trí não ít tiến hóa; khi đến cõi trung giới, gom lại chung quanh chúng những loài tinh hoa chất, thành những lùm mây rời rạc, trôi giạt vu vơ. Chúng bị các lùm mây khác có bản chất tương tự thu hút đi nơi này nơi kia; rồi bám víu vào thể vía của những người có tư điển thu hút chúng, có khi tốt, khi xấu. Sau một thời gian, chúng tan rã, để trở lại dự phần trong không khí chung của loài tinh hoa chất. Khi nào những tư tưởng ấy còn hiện tồn riêng biệt, thì chúng là những thực thể sống (living entities); cơ thể của chúng làm bằng loài tinh hoa chất; và tư tưởng là sự sống linh động bên trong. Chúng được gọi là loài tinh hoa giả tạo, hay hình tư tưởng (thought-forms).

Những tư tưởng rõ rệt và chính xác, có hình dáng nhất định, có chu vi rõ ràng, và có nhiều cách thức sắp xếp thay đổi vô cùng. Chúng được đắp khuôn theo sự rung động của tư tưởng, giống như hình ảnh được tạo ra bởi rung động của âm thanh tại cõi trần. Hình âm thanh và hình tư tưởng có nhiều điểm giống nhau, vì Tạo Hóa với

tất cả những chuyên biệt vô tận, bảo tồn rất chặt chẽ những nguyên tắc; thường lặp lại cùng những phương pháp làm việc trên mọi cõi liên tiếp của vũ trụ. Những loài tinh hoa giả tạo có chu vi xác định rõ ràng, có sự sống lâu dài và linh động hơn những loại có hình dạng lu mờ. Chúng ảnh hưởng mạnh mẽ đối với thể vía, và từ thể vía đến thể trí của những người thu hút chúng. Chúng làm phát sinh những làn rung động tương tự với làn rung động của chính chúng, và cứ thế tư tưởng lan truyền từ trí não này đến trí não khác, mà không cần sự tác động từ thể vật chất. Hơn nữa, chúng có thể được người có tư tưởng mạnh đưa đến kẻ nào mà người ấy muốn tiếp xúc. Hiệu quả của sự chuyển đạt này tùy thuộc sức mạnh ý chí và cường độ tư tưởng của người ấy.

Đối với người bình thường thì những loài tinh hoa nhân tạo, do tình cảm hay dục vọng tạo ra, mạnh mẽ và rõ rệt hơn là do tư tưởng tạo ra. Như vậy, một cơn nóng giận bùng nổ sẽ gây ra những làn chớp rõ nét, mạnh mẽ, màu đỏ. Một sự nóng giận kéo dài sẽ tạo ra một thứ tinh hoa nguy hiểm, màu đỏ chói, hình gai nhọn, có thể gây thương tổn. Tình thương, tùy theo bản chất, sẽ tạo ra những hình xinh đẹp khác nhau về màu sắc cũng như về hình thể. Nó có thể biến đổi ra đủ mọi màu, từ màu đỏ thắm cho đến những màu hồng phấn rất đẹp, giống như ánh sáng nhạt của buổi hoàng hôn hay lúc mặt trời vừa ló dạng. Nó có hình dạng như lùm mây, hay những hình có tính cách bảo vệ, vừa mạnh mẽ, vừa dịu dàng. Thường lời cầu nguyện đầy tình thương của người mẹ bay phất phơ chung quanh đứa con, dưới hình thức một vị thiên thần, để đẩy lui những ảnh hưởng xấu xa ngẫu nhiên do chính tư tưởng của đứa con thu hút vào.

Đặc điểm của những tinh hoa giả tạo này, khi người ta dùng ý chí đưa chúng đến một người nào nhất định, thì chúng nhận được sinh lực chỉ để linh hoạt trong việc hoàn thành ý muốn của người đã tạo ra chúng nó. Một tinh hoa bảo vệ, sẽ bay phất phơ chung quanh đích nhắm của nó, tìm mọi cơ hội để đẩy lui sự ác và thu hút điều lành. Chính nó cũng không ý thức, mà chỉ do sự rung động một cách máy móc, theo đường lối ít bị kháng lực hơn hết. Cũng vậy, một tinh hoa được làm sinh động bởi một tư tưởng độc ác, sẽ đến rình mò chung quanh nạn nhân của nó, tìm cơ hội để phá hại. Nhưng cả hai loại, tốt và xấu, không làm gì được, trừ khi trong thể vía của người mà chúng muốn ảnh hưởng tới, chứa đựng bản chất tương đồng với chúng; có thể đáp ứng lại những rung động của chúng, để chúng bám vào được. Nếu đối tượng không chứa đựng bản chất tương đồng với chúng, thì do định luật thiên nhiên, chúng

đội ngược lại theo con đường đã đi, theo dấu vết từ điển mà chúng để lại phía sau, và xâm nhập vào chính người tạo ra chúng, với một sức mạnh tương đương sức mạnh đã phóng chúng đi. Như thế, một tư tưởng oán ghét, muốn giết người, không hại được kẻ mà nó nhắm đến, lại quay về giết hại kẻ đã tạo ra nó. Còn những tư tưởng tốt lành, được gọi đến một người không xứng đáng nhận, sẽ trở về người phát sinh ra chúng dưới hình thức một ân huệ.

Mặc dù sự hiểu biết về cõi trung giới còn ít ỏi, cũng sẽ tác động như một kích thích mạnh cho sự suy tưởng đúng đắn. Nó làm nảy nở trong lòng chúng ta ý thức về trách nhiệm nặng nề đối với những tư tưởng, tình cảm và dự vọng không được kiểm soát, mà chúng ta đã phóng vào cõi ấy. Như những loài cầm thú tham mồi, cấu xé và ăn thịt lẫn nhau, con người phóng lên cõi trung giới quá nhiều tư tưởng hỗn độn. Do vô minh, con người làm quấy, họ không biết điều mình làm là gì. Một trong những mục đích của giáo lý Thông Thiên Học là vén một phần của tấm màn bao phủ thế giới vô hình, hiến cho con người một nền tảng đạo đức vững chắc, và sự hiểu biết hợp lý hơn về những nguyên nhân, mà ở cõi trần chỉ thấy được những hậu quả. Vài giáo lý Thông Thiên Học có tầm quan trọng về luân lý hơn là học thuyết, về cách tạo ra và điều khiển những hình tư tưởng hay là những loài tinh hoa giả tạo. Tuy nhiên nhờ học thuyết này, con người biết được rằng tư tưởng không phải chỉ liên quan cho riêng họ, không phải chỉ tác động đối với một mình họ, mà mỗi lúc trong đời sống, **con người gọi lên bầu không khí tại thế gian những “thiên thần” hay những “ác quỷ” mà ảnh hưởng của chúng gây ra, họ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.** Mong sao con người hiểu biết được định luật, và từ đó hướng dẫn tư tưởng mình.

Thay vì quan sát những tinh hoa giả tạo riêng từng loại, chúng ta hãy nhìn một cách tổng quát, để hiểu thế nào là tác động lớn lao của chúng, đối với sự phát sinh tình cảm quốc gia, dân tộc, và tạo nên trí não với những khuynh hướng và thành kiến. Tất cả chúng ta đều sinh trưởng trong bầu không khí có vô số loài tinh hoa, chúng mang theo những ý niệm cố định. Những thành kiến quốc gia, những đường lối mà toàn dân nhìn mọi vật, những tình cảm và tư tưởng chủng tộc, tất cả đều tác động đến chúng ta, từ khi chúng ta sinh ra, và cũng từ trước khi chúng ta sinh ra. Chúng ta nhìn mọi vật xuyên qua bầu không khí ấy. Mỗi tư tưởng đều bị nó biến đổi ít nhiều, và chính thể vía của chúng ta đang rung động theo nhịp điệu với nó. Do đó, cũng cùng một ý niệm, mà người Ấn Độ, người Anh, người Tây Ban Nha và người Nga, mỗi người nhìn hoàn toàn khác nhau. Vài ý niệm dễ hiểu đối với người này, nhưng không

thể hiều nổi đối với người kia. Những phong tục được chấp nhận tự nhiên đối với người này, lại có vẻ khả ố đối với người kia. Tất cả chúng ta đều bị chi phối bởi bầu không khí quốc gia riêng, bởi thành phần của thế giới trung giới trực tiếp vây quanh chúng ta. Những tư tưởng của kẻ khác phóng ra thường cùng một khuôn khổ tác động lên chúng ta và kêu gọi trong chúng ta những làn rung động đồng nhịp. Chúng làm tăng cường những quan điểm mà chúng ta đồng ý với người chung quanh, và giảm thiểu những sự khác biệt. Sự tác động không ngừng này, xuyên qua thể vía chúng ta, gây ấn tượng về những đặc điểm riêng biệt của quốc gia lên chúng ta, và tạo nên những đường thông thương cho năng lực thể trí tuôn xuống dễ dàng. Những dòng triều lưu này ảnh hưởng đến chúng ta cả ngày lẫn đêm, và chính vì sự vô tri thức của ta đối với tác động của chúng, làm chúng trở thành hữu hiệu. Bản chất tự nhiên của đa số người đời là thụ động hơn là chủ động. Họ lặp lại gần như cái máy những tư tưởng nào đến với họ. Do đó, mà bầu không khí quốc gia được tăng cường và liên tục.

Khi con người bắt đầu nhạy cảm với những ảnh hưởng trung giới, thì đôi khi, họ cảm thấy thành linh bị tấn công hoặc bị chế ngự, bởi một sự sợ hãi không nguyên nhân, hoàn toàn không thể giải thích được. Sự sợ hãi này đột kích lên họ với một sức mạnh có thể làm cho họ mất hết năng lực. Họ có thể chống lại nó, nhưng thường thì phải chịu đựng một cách uất ức. Có lẽ đa số người đời đều trải qua kinh nghiệm là cảm thấy ít nhiều sợ sệt, khó chịu không thể tả về cái cảm giác như có một sự hiện diện vô hình kề cận; và cảm thấy như không phải đang ở một mình. Cảm giác này một phần là do vài hành động thù địch làm kích động loài tinh hoa thiên nhiên chống lại loài người. Sở dĩ có sự thù địch này, là vì trên cõi trung giới có sự phản ứng đối với những mãnh lực phá hoại, mà nhân loại đã gây ra tại cõi trần. Nhưng điều ấy, một phần lớn, cũng do sự hiện diện của vô số tinh hoa giả tạo thuộc loại không thân thiện, sinh ra do tư tưởng của nhân loại. Hàng triệu tư tưởng oán ghét, ganh tỵ, thù hằn, cay đắng, ngờ vực, bất mãn được phóng lên cõi trung giới, tạo ra đẩy dẩy những tinh hoa giả tạo, trọn đời chúng được tạo ra bằng những tình cảm ấy. Trên cõi đó, cũng có biết bao là sự nghi kỵ, ngờ vực, mập mờ do những người vô minh gây ra, chống lại những người có tư cách và sắc diện khác lạ, không quen thuộc với họ. Sự nghi ngờ mù quáng đối với tất cả những người nước ngoài, lan rộng đến dân chúng ở nhiều địa phương, tất cả những điều trên, góp phần vào các ảnh hưởng xấu xa nơi cõi trung giới. Tạo ra quá nhiều tư tưởng như thế, là chúng ta đang tạo nên những đoàn quân thù địch một

cách mù quáng trên cõi trung giới. Điều này tác động lên chính thể vía của chúng ta, tạo nên những cảm giác sợ hãi mập mờ, nó vốn là kết quả của những làn rung động đối nghịch nhau, mà con người chỉ cảm được, chớ không hiểu được.

Cư trú nơi trung giới, ngoài những loài tinh hoa giả tạo, còn có rất đông những thực thể khác; không kể những người sau khi chết đã bỏ xác tại cõi trần mà chúng ta chưa đề cập nơi đây. Có vô số tinh hoa thiên nhiên, hay tinh linh thiên nhiên (nature-spirits), chúng được chia làm 5 loại chính: tinh linh dĩ thái, lửa, không khí, nước và đất. Bốn loại sau được nhà huyền môn thời trung cổ gọi là: Salamanders, Sylphs, Undines, và Gnomes. Còn có 2 loại khác vẫn chưa biểu lộ, không cần đề cập nơi đây, như vậy tất cả có 7 loài. Chúng là tinh linh thực sự hay là tạo vật từ những tinh hoa chất của đất, nước, không khí, lửa và dĩ thái. Sinh hoạt của chúng liên hệ đến mỗi loài tinh hoa chất thuộc về chúng. Chúng là những con kinh để cho thần lực thiêng liêng dùng trong nhiều lãnh vực khác nhau, đó là những biểu lộ sống động của định luật trong mỗi loài. Đứng đầu mỗi loài tinh linh là một Đấng cao cả,^[27] là vị chỉ huy của một đoàn thể to lớn. Ngài điều khiển và hướng dẫn một cách khôn ngoan, trọn cả khu vực thiên nhiên, được linh hoạt bởi loài tinh linh dưới sự kiểm soát của Ngài. Vậy Agni, Thiên Thần của Lửa, là một thực thể tinh thần cao cả, điều khiển sự biểu lộ của lửa trên mọi cõi vũ trụ. Ngài thực hiện việc cai quản qua trung gian của đoàn tinh linh lửa. Một khi hiểu được bản tính của những sinh vật ấy, và biết được cách điều khiển chúng, thì những điều gọi là màu nhiệm hay phi thường thỉnh thoảng được báo chí đăng tải sẽ trở thành dễ hiểu. Sự việc có thể là kết quả của những trò ảo thuật, và cũng có thể được thực hiện do sự trợ giúp của tinh linh. Như trường hợp của Mr. Home; ông có thể bình tĩnh cầm một cục than đỏ trong lò lửa đang cháy phùng bằng tay không mà không thấy nóng. Hiện tượng thăng cao (levitation), nâng cơ thể nặng lên mà không có gì chống đỡ, và đi trên mặt nước; cả hai hiện tượng này có thể được thực hiện nhờ sự trợ giúp của loài tinh linh không khí và nước, mặc dù có một phương pháp khác thường được áp dụng hơn.

Những loài tinh hoa xen vào sự cấu tạo thân thể con người, nên mỗi người đều có liên quan đến chúng. Tùy theo bản tính của con người, mà loài tinh hoa này ở trong thân thể họ nhiều hơn loài tinh hoa kia. Loài tinh hoa nào thân thiện nhất đối với một người, thì hiện diện đa số trong người ấy. Những hậu quả của sự kiện này thường được người đời gọi là sự “may mắn”. Một người kia được cho là có “bàn tay may

mắn” (a lucky hand) trong việc trồng cây, trong việc mồi lửa, hay trong việc truy tìm mạch nước ngầm dưới đất, v.v... Thiên Nhiên, với sức mạnh huyền bí, thường xuyên va chạm vào chúng ta; song chúng ta nhận lấy những ám hiệu của nó một cách chậm chạp. Truyền thuyết đôi khi che giấu chân lý trong một câu ngạn ngữ hay một chuyện ngụ ngôn, chúng ta phải vượt qua những sự mê tín, mới có thể hiểu được.

Ta cũng thấy trên cõi trung giới những tinh linh thiên nhiên (danh từ này chính xác hơn là danh từ tinh hoa), chúng có phận sự kiến tạo những hình thể cho loài kim thạch, thảo mộc, cầm thú và con người. Có những tinh linh thiên nhiên tạo nên loài kim thạch, tinh linh khác điều khiển sinh lực trong loài thảo mộc, xây dựng từng phân tử cấu tạo nên hình thể cho loài cầm thú. Chúng cũng có phận sự kiến tạo thể vía cho loài kim thạch, thảo mộc và cầm thú. Chúng là những “tiên nữ” (the fairies), những chú lùn trong truyện thần thoại, những “người nhỏ bé” đóng một vai trò quan trọng trong phong tục của mỗi quốc gia; chúng là những em bé duyên dáng và vô trách nhiệm của thiên nhiên, mà khoa học đã lạnh lùng gán cho chúng như là những chuyện để kể cho trẻ con. Các nhà thông thái sáng suốt hơn về sau này, sẽ sắp xếp lại vị trí của chúng theo trật tự tự nhiên. Trong hiện tại, chỉ có những thi sĩ và nhà huyền môn tin sự hiện tồn của chúng mà thôi. Thi sĩ nhờ trực giác của thiên tư mình, còn nhà huyền môn nhờ sự thấy do những quan năng bên trong đã được phát triển. Nhiều người nhạo báng cả hai, nhất là đối với nhà huyền môn; nhưng không sao, minh triết sẽ được hậu thế biện minh.

Triều lưu linh động của sự sống trong thể phách của loài kim thạch, thảo mộc và cầm thú, làm thức tỉnh chất trung giới đang ở trạng thái tiềm tàng trong cơ cấu của nguyên tử và phân tử của các loài ấy. Chất trung giới khởi rung động yếu ớt trong loài kim thạch. Lúc ấy, Chân Thần sắc tướng (Monad of form) dùng năng lực sắp xếp, thu hút những chất liệu từ cõi trung giới, cho các tinh linh thiên nhiên dùng để tạo ra thể vía cho loài kim thạch, đó chỉ là một khối rời rạc, không rõ ràng. Ở loài thảo mộc, thể vía được cấu tạo tốt hơn một ít, và tính chất đặc biệt của cảm giác bắt đầu biểu lộ. Người ta có thể quan sát và thấy được ở hầu hết cây cối, những cảm giác phân tán, lờ mờ về sự dễ chịu hay khó chịu, kết quả sự tăng cường hoạt động của thể vía. Cây cối vui hưởng một cách mơ hồ không khí, nước mưa và ánh sáng mặt trời, mà chúng tìm kiếm một cách dò dẫm; trong khi gặp những điều kiện độc hại, thì chúng co rút lại. Có vài loại cây tìm theo ánh sáng, những loại khác lại tìm theo bóng tối. Chúng đáp ứng lại sự kích thích và tự thích ứng với những điều kiện bên ngoài, vài loại cây cho

thấy có nhiều cảm giác xúc chạm. Ở loài cầm thú, thể vía phát triển nhiều hơn loài thảo mộc. Vài loại cầm thú tiến hóa cao có một thể vía được cấu tạo khá vững chắc, có thể tồn tại một thời gian sau khi xác thân chết, và có thể sống độc lập trên cõi trung giới.

Những tinh linh thiên nhiên có bốn phận cấu tạo thể vía của cầm thú và con người được gọi bằng tên đặc biệt của những tinh linh dục vọng (người ta gọi chúng là “Kamadevas” hay là “Thần dục vọng”), vì chúng được linh hoạt mạnh mẽ bởi mọi loại ham muốn, và không ngừng tự xen vào thể vía của con người và cầm thú. Chúng cũng sử dụng nhiều loại tinh hoa chất khác nhau, tương tự với những tinh hoa chất cấu tạo thành chính hình thể của chúng, để tạo nên thể vía cho cầm thú. Những thể vía này có các trung tâm cảm giác và đam mê, như những thành phần xen kẽ lẫn nhau. Sự hoạt động của những trung tâm này được kích thích bởi rung động phát xuất từ cơ quan của thể xác, và được thể phách của những cơ quan đó dẫn truyền đến thể vía. Chỉ khi nào những trung tâm thể vía được kích động, thì con thú mới có cảm giác thích thú hay đau đớn. Tảng đá bị đập mà không có cảm giác đau đớn, vì đá có những phân tử vật chất thô kệch và những phân tử dĩ thái, nhưng thể vía của nó không được tổ chức. Trái lại, con thú biết đau khi bị đánh, vì nó có những trung tâm cảm giác của thể vía, được tạo nên do chính bản chất của những tinh hoa dục vọng.

Đến đây, chúng ta đề cập về sự cấu tạo thể vía của con người, và quan sát những cư dân ở cõi trung giới.

Như chúng ta vừa mới đề cập đến, thể cảm dục^[28] hay thể vía của thú vật có một đời sống độc lập, mặc dù tạm thời trên cõi trung giới, sau khi thể xác chết. Trong những nước “văn minh”, thể vía thú vật này làm tăng thêm tính thù oán mà chúng ta vừa nói trên. Sự sát sinh một cách có tổ chức thú vật trong những lò thịt, hoặc trong những cuộc săn bắn “thể thao”, mỗi năm phóng lên trung giới hàng triệu sinh linh đầy sự khiếp sợ và oán hận loài người; tương đối rất ít sinh vật được chết một cách yên lành. Những luồng ảnh hưởng xấu ác này đổ xuống như mưa từ cõi trung giới, ảnh hưởng lên loài người và các loài cầm thú, làm tăng gia sự chia rẽ, gây thêm tính độc ác cũng như sự sợ sệt và nghi kỵ, vốn là bản năng có sẵn.

Trong những năm gần đây, những cảm giác nói trên được kích thích mạnh mẽ bởi phương pháp hành hạ thú vật một cách lạnh lùng của khoa học, được gọi là “mổ

xẻ sinh thể” (vivisection). Sự ác độc không thể tả đó đã đưa vào cõi trung giới những điều ghê tởm mới, do phản ứng của thú vật đối với những người phạm tội,^[29] đồng thời nó cũng nói rộng hố ngăn cách giữa loài người với sinh vật, mà đôi khi người ta gọi là “những thân thuộc đáng thương”.

Ngoài cư dân thường trú của cõi trung giới, còn có những nhân vật tạm thời đến đây để thực hiện một công việc nào đó, mà chúng ta sẽ đề cập đến. Có những nhân vật đến từ cõi trần, cũng có những nhân vật đến từ các cõi cao hơn.

Trong số những người đến từ cõi trần, có nhiều vị đã được điểm đạo, với cấp bậc khác nhau; có vài vị là nhân viên của Thiên Đoàn (Great White Lodge), mà người ta thường gọi là Nhóm Huynh Đệ ở Hy Mã Lạp Sơn hay Tây Tạng.^[30] Còn những vị khác, là nhân viên của các nhóm huyền môn khác, rải rác khắp nơi trên thế giới, xếp loại thay đổi từ “trắng”, xuyên qua mọi sắc thái của “xám” rồi đến “đen”.^[31] Tất cả những người này đều còn sống tại thế gian; họ đã luyện tập xuất ra khỏi xác thân theo ý muốn, để hoạt động với đầy đủ tri thức trong thể vía của họ. Những người ấy thuộc đủ mọi cấp bậc hiểu biết và đức hạnh, lành hay dữ, mạnh hay yếu, dịu dàng hay hung bạo. Chúng ta còn gặp nhiều người chí nguyện trẻ tuổi hơn, chưa được điểm đạo, họ tập dùng thể vía của họ, và được sai khiến làm những công tác thiện hay ác tùy theo con đường mà họ đang chuẩn bị để đi. Người ta còn gặp trên cõi ấy những người tâm linh thông, với nhiều bậc tiến hóa khác nhau, có người khá thức tỉnh, có người mơ mơ màng màng đi lang thang trong khi xác thân đang ngủ, hay đang trong trạng thái xuất thần.

Hàng triệu thể vía của những người bình thường trôi nổi vẩn vơ, vô tri giác đối với những gì xảy ra chung quanh, trong khi xác thân vật chất đang ngủ say, tâm thức con người thu rút lại, ẩn bên trong vỏ thể vía. Như chúng ta vừa thấy, khi xác thân chìm đắm trong giấc ngủ, tâm thức trong thể vía sẽ thoát ra và qua cõi trung giới; nhưng nó không có ý thức về những gì xảy ra chung quanh, cho đến khi nào thể vía phát triển đầy đủ, để hoạt động một cách độc lập đối với xác thân vật chất.

Trên cõi này thỉnh thoảng có một người đệ tử^[32] đã chết, đang chờ đợi để được tái sinh gần như cấp bách, dưới sự hướng dẫn của Sư Phụ người ấy. Dĩ nhiên, người ấy có được tri thức đầy đủ, và làm việc như những vị đệ tử khác đang hoạt động trong thể vía, lúc xác thân đang ngủ. Ở một giai đoạn nào đó,^[33] người đệ tử được phép luân

hồi rất nhanh sau khi chết. Trong trường hợp này, họ phải chờ đợi ở trung giới cho đến khi có cơ hội thuận tiện để được tái sinh.

Trên đường đi tái sinh, người bình thường nào cũng phải đi qua cõi trung giới, trường hợp này sẽ được đề cập trở lại ở đoạn sau. Họ không có liên hệ gì với những sinh hoạt tổng quát của cõi trung giới. Tuy nhiên, những người có liên hệ đồng cảm với loài tinh hoa dục vọng, do lối sống đam mê và cảm xúc trong quá khứ, sẽ thu góp chung quanh họ loại tinh hoa dục vọng này. Chúng sẽ giúp vào sự kiến thiết thể vía mới, cho kiếp sống trần gian sắp tới.

Bây giờ, chúng ta hãy quan sát thể vía trong giai đoạn con người đang cư ngụ tại cõi trần, về bản chất và sự cấu tạo của nó, cũng như sự liên hệ của nó với cõi trung giới. Chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu về thể vía của: a) Người kém tiến hóa, b) Người trung bình, c) Người đã phát triển về tinh thần.

a) Thể vía của một người kém tiến hóa có hình dạng như một đám mây, cơ cấu lỏng lẻo, chu vi không rõ ràng. Nó được cấu tạo bằng chất liệu tinh thần cõi trung giới và tinh hoa chất được rút ra từ mọi chi phần của cõi trung giới, nhưng phần lớn là từ những chất liệu thuộc về tầng thấp của cõi trung giới. Do đó, nó có cơ cấu đậm đặc và thô kệch, thích hợp đáp ứng với mọi kích thích thuộc về sự đam mê và khát vọng. Những màu sắc do mức độ rung động của các chất ấy tạo ra thì mờ đục và tối. Những màu chiếm nhiều nhất trong thể vía của người kém tiến hóa là màu nâu, màu đỏ bầm và màu xanh bần. Thể vía này không sáng sủa, trong đó những tia sáng của các màu sắc thay đổi rất chậm chạp. Những sự đam mê khác nhau xuất hiện dưới hình thức những lượn sóng lớn, hay những tia chớp khi sự đam mê này trở nên dữ dội. Sự đam mê tình dục, tạo ra một lượn sóng màu đỏ đục, cơn giận dữ tạo ra một làn chớp màu đỏ sặc sỡ.

Ở người kém tiến hóa mà chúng ta đang đề cập đến, thể vía lớn hơn xác thân một chút, ló ra khỏi chung quanh xác thân từ 25 tới 30 phân. Những trung tâm của giác quan được ghi dấu rõ ràng, chỉ linh động khi bị kích thích từ bên ngoài. Nhưng trong trạng thái yên tĩnh, thì những dòng sinh lực hoạt động chậm chạp, và thể vía không tiếp nhận những kích thích từ cõi trần cũng như từ cõi thượng giới đến, nó có vẻ lãnh đạm và như nửa tỉnh nửa mê.^[34] Đó là đặc tính thường xuyên của trạng thái chưa phát triển, mà sự hoạt động, sở dĩ có được là do sự kích thích từ bên ngoài, hơn

là do ý thức từ bên trong. Muốn cho hòn đá di chuyển được, người ta phải đẩy nó. Một cây chuyển động được nhờ sự hấp dẫn của ánh sáng và độ ẩm. Một con thú trở nên linh hoạt, khi bị kích thích bởi sự đói. Con người kém tiến hóa cần phải bị kích thích một cách tương tự như vậy. Chỉ khi nào một phần trí khôn được phát triển, nó mới bắt đầu điều khiển hành động. Những trung tâm của các quan năng cao^[5] liên hệ đến sự hoạt động độc lập của những giác quan thể vía, chưa được thấy rõ. Ở vào giai đoạn này, con người cần đủ loại cảm giác mạnh bạo để tiến hóa, để khởi động và kích thích, làm linh động hóa bản chất tự nhiên. Những điều hạnh phúc và đau khổ nặng nề do ngoại giới đem lại, đều cần thiết để đánh thức và kích thích sự hoạt động. Nếu họ nhận được cảm giác càng nhiều, càng mạnh hơn, thì sự tiến bộ của họ càng được thúc đẩy nhiều hơn. Ở vào giai đoạn này, phẩm chất không quan trọng mấy, số lượng và sự mạnh mẽ là những điều cần thiết để thúc đẩy.

Những đam mê là khởi đầu cho sự phát triển phần luân lý của con người. Một xung lực nhẹ nhàng của lòng vị tha, phát sinh trong sự liên hệ với vợ con hay bạn bè, sẽ là bước đầu tiên trên đường tiến bộ. Lực này sẽ gây nên rung động trong chất liệu thanh nhẹ hơn của thể vía, và thu hút vào nhiều tinh hoa chất thích hợp với nó. Những chất liệu tạo ra thể vía luôn luôn thay đổi do ảnh hưởng của đam mê, ham muốn, dục vọng và cảm xúc. Tất cả những xung lực tốt làm tăng cường sức mạnh cho các bộ phận tinh vi hơn của thể vía, bằng cách loại ra chất liệu thô kệch, đem vào chất liệu thanh nhẹ hơn, và thu hút chung quanh nó những loại tinh hoa tốt, để trợ giúp vào tiến trình đổi mới này. Tất cả những xung lực xấu ác tạo ra kết quả hoàn toàn trái nghịch; chúng làm tăng cường chất liệu thô kệch, tống ra chất liệu tinh vi, đem vào thể vía chất liệu thô trực, và thu hút những tinh hoa chất, giúp cho tiến trình hư hoại.

Trong trường hợp người kém tiến hóa, các năng lực đạo đức và trí khôn còn quá phôi thai, cho nên có thể nói rằng sự kiến tạo và thay đổi của thể vía không do người ấy chủ động. Nó tùy thuộc vào những hoàn cảnh bên ngoài hơn là chính ý chí của người ấy. Đó là tính chất đặc biệt của hạng người kém tiến hóa, họ bị kích động từ bên ngoài xuyên qua xác thân, hơn là từ bên trong, bởi trí khôn. Khi con người được kích động bởi ý chí, bởi chính nghị lực và sự quyết định riêng của mình, thì đó là một dấu hiệu tiến hóa quan trọng; thay vì còn bị dục vọng lôi cuốn, và còn đáp lại sự thu hút hay xung động từ bên ngoài.

Trong lúc ngủ, tâm thức được bao bọc trong thể vía, xuất ra khỏi cơ thể vật chất để lại thể xác thô kệch cùng với thể phách đang chìm trong giấc ngủ. Tuy nhiên, ở vào giai đoạn kém tiến hóa, tâm thức con người chưa thức tỉnh trong thể vía, vì nó thiếu sự tiếp xúc mạnh mẽ kích thích nó; cũng như lúc nó còn ở trong xác thân. Chỉ có những tinh hoa thuộc loại thô kệch mới ảnh hưởng đến nó mà thôi; những tinh hoa này có thể tạo nên rung động phản chiếu vào bộ óc xác thân và thể phách, để tạo ra những niềm chiêm bao thỏa thích thú tính. Thể vía trôi nổi ngay trên xác thân; nó không thể đi xa được, vì bị giữ lại bởi một hấp lực mạnh mẽ.

b) Thể vía của người tiến hóa trung bình, cả về đạo đức và trí khôn, cho thấy một sự phát triển rõ rệt, nếu so sánh với người kém tiến hóa. Nó có kích thước lớn hơn, và được tạo ra bằng chất liệu có phẩm chất quân bình hơn. Trong đó có những loại chất liệu hiếm, làm cho trọn thể vía thêm phần sáng chói hơn, và cảm xúc cao thượng thì hiện lên như những ngọn sóng màu sắc đẹp đẽ. Chu vi của nó xác định rõ ràng, thay vì mập mờ và biến đổi, như ở trường hợp trước, và nó đại diện cho hình ảnh của chủ nó. Hiển nhiên thể vía này đang trở thành một dẫn thể cho con người bên trong. Với những cơ cấu phân minh và ổn định, thích hợp để thực hiện chức năng, nó có khả năng tự duy trì độc lập đối với xác thân. Trong khi nó vừa giữ được tính mềm dẻo, uyển chuyển, nó cũng có một hình dạng bình thường. Khi không còn sức ép từ bên ngoài làm thay đổi hình thể, nó luôn luôn lấy trở lại hình dạng bình thường. Nó không ngừng linh hoạt, mãi mãi rung động, tạo ra nhiều màu sắc thay đổi không dứt. Những "luân xa" cũng lộ ra rõ ràng, mặc dù chúng chưa hoạt động.^[36] Thể vía này đáp ứng mau lẹ với tất cả những va chạm từ xác thân đưa đến. Nó cũng được kích động do ảnh hưởng của tâm thức bên trong. Ký ức và trí tưởng tượng kích thích thể vía hoạt động; đến lượt thể vía thúc giục xác thân hoạt động, thay vì nó chỉ bị xác thân kích động một chiều như ở trường hợp trước.

Tiến trình tinh luyện của thể vía, theo cùng cách thức như trường hợp trước, đó là loại ra ngoài những cơ cấu xấu bằng cách tạo nên rung động nghịch lại chúng, và thu hút vào chất liệu thanh nhẹ hơn, để thế chỗ các thứ đã bị loại bỏ. Ở giai đoạn này, sự phát triển trí khôn và luân lý gần như được chính người ấy kiểm soát, vì con người không còn bị những kích thích bên ngoài xô đẩy qua lại nữa. Con người biết lý luận, xét đoán, chống cự hay nhượng bộ tùy ý muốn. Nhờ tập luyện làm chủ tư tưởng, con người có thể nhanh chóng ảnh hưởng thể vía của mình; và từ đây sự tiến hóa diễn

tiến một cách mau lẹ. Con người không cần phải hiểu phương pháp mới có hiệu quả, cũng như không cần biết những định luật của ánh sáng mới có thể thấy.

Trong lúc ngủ, thể vía khá phát triển, xuất ra khỏi xác thân như thường lệ, nhưng nó không bị xác thân giữ kè một bên, như trường hợp ở người kém tiến hóa. Nó đi vẩn vơ, trong cõi trung giới; nó bị những triều lưu thanh khí lôi cuốn đi nơi này nơi kia, trong khi tâm thức bên trong, chưa điều khiển được sự vận chuyển của nó, vẫn thức tỉnh. Tâm thức bận rộn theo đuổi những hình ảnh và hoạt động tư tưởng của chính nó, và xuyên qua thể vía nó cũng có thể tiếp nhận những ấn tượng, và biến đổi chúng thành hình tư tưởng. Bằng cách ấy, con người có thể thu thập được kiến thức khi ở ngoài xác thân, và kể đó có thể gieo ấn tượng lên bộ óc xác thân, dưới hình thức chiêm bao rõ ràng, hoặc linh ảnh. Nếu không có sự kết nối ký ức này, những hiểu biết đã hoạch đắc cũng có thể thâm nhập dần vào ý thức trí não.

c) Thể vía của người tiến hóa cao về tinh thần được cấu tạo bởi những phần tử thanh nhẹ nhất, lấy ra từ mỗi chi phần của chất liệu trung giới, trong ấy, số lượng của loại cao chiếm đa số. Do đó thể vía sáng chói đẹp đẽ, với những màu sắc không tìm thấy được ở cõi trần. Những màu sắc này được nảy sinh trong thể vía theo sự xung động của cái trí đã được tinh luyện. Những bánh xe lửa (luân xa) được thấy rõ, thật xứng đáng với cái tên của nó; và sự chuyển vận xoay tròn của chúng biểu thị sự linh hoạt của các giác quan cao. Một thể vía như thế, đúng với tên của nó, là một khí cụ cho tâm thức. Trên đường tiến hóa, mỗi cơ quan của nó đều được sinh động, và được kiểm soát hoàn toàn bởi "ông chủ". Sau khi rời khỏi xác thân, con người ở trong thể vía; không có sự gián đoạn trong trạng thái tri thức. Người ấy chỉ vứt bỏ bộ y phục nặng nề, và cảm thấy không còn bị trở ngại bởi sức nặng của nó. Người ấy có thể di chuyển đến bất cứ nơi đâu trong bầu trung giới với một tốc độ mau lẹ phi thường; và không còn bị trói buộc bởi những điều kiện hạn hẹp của thế gian. Thể vía đáp ứng lại ý chí, tuân theo và phản ảnh tư tưởng của con người. Người ấy có rất nhiều cơ hội để phụng sự nhân loại; và những quyền năng của người ấy được hướng dẫn bởi đức hạnh và lòng từ thiện. Trong thể vía, không có những phần tử thô kệch, nên người ấy không đáp ứng với cảm dỗ của dục vọng thấp hèn. Những cảm dỗ này tránh xa người ấy, vì người ấy ở ngoài tầm thu hút của chúng. Trọn cả thể vía rung động chỉ để đáp ứng với những mối cảm xúc cao thượng; tình yêu nảy nở thành lòng mộ đạo, năng lực nhờ tính nhẫn nại chế ngự. Dịu dàng, ôn hòa, bình tĩnh, đầy uy lực, không có dấu

vết của sự rối loạn, người như thế sẽ sở hữu tất cả những quyền năng siêu phàm (siddhis), sẵn sàng để phụng sự.^[37]

Thế vía là một cái cầu bắc qua vực thẳm; vực thẳm này chia tâm thức con người với bộ óc xác thân. Ta đã thấy, những rung động từ ngoại giới do giác quan thu nhận và truyền đến các trung khu của não bộ và của thể phách, kể đó truyền đến trung khu thể vía tương ứng. Nơi đây, chúng được biến chế thành cảm giác bởi những tinh hoa chất, và được trình đạt đến “con người bên trong” như là những đề tài của tâm thức. Những làn rung động của thể vía đánh thức rung động tương ứng của những chất liệu trong thể trí.^[38] Nhờ sự tinh luyện từng giai đoạn liên tiếp của chất liệu tinh thần, mà sự nhận thức những vật thể ở cõi trần mới có thể truyền đạt đến “con người tâm thức”. Ngược lại, những làn rung động phát sinh từ tư tưởng, có thể đi qua cùng một cái cầu đến bộ óc xác thân, làm cho nó rung động tương ứng với sự rung động của thể trí. Đây là cách thức thông thường mà tâm thức dùng để tiếp nhận những cảm giác bên ngoài, và đưa ra bên ngoài những cảm tưởng của chính nó. Chính nhờ sự qua lại liên tục của những làn rung động đó, mà thể vía được tiến hóa. Những luồng rung động từ trong ra ngoài và từ ngoài vào trong, tác động lên thể vía, giúp cho sự phát triển cơ cấu và sự tiến triển tổng quát của nó.

Thế vía dần dần trở nên lớn hơn, cấu trúc tinh vi hơn, chu vi rõ rệt hơn, và cách sắp xếp bên trong có thứ tự hơn. Được đào luyện để đáp ứng với tâm thức, thế vía dần dần trở nên thích ứng hoạt động như là một thể riêng biệt; nó đưa đến tâm thức những sự rung động được tiếp nhận trực tiếp từ cõi trung giới một cách rõ ràng. Phần đông độc giả đã có vài kinh nghiệm, như đôi lúc tâm trí nhận được những ấn tượng hay cảm giác, mà không có sự tiếp xúc giữa giác quan và ngoại cảnh. Sau đó có những biến cố xảy ra ở cõi trần, giống như ấn tượng mà trước đó tâm trí đã nhận được. Đó thường là những cảm tưởng do thể vía trực tiếp thu nhận được và truyền đạt đến tâm thức. Những cảm giác như thế thường có bản chất như sự thấy trước, và sau đó sẽ được chứng thật.

Con người tiến hóa qua những giai đoạn khác nhau, khi đến một giai đoạn khá cao, sự liên lạc giữa xác thân với thể vía và giữa thể vía với thể trí sẽ được kết nối nhau. Khi ấy, tâm thức có thể hoạt động liên tục từ trạng thái này qua trạng thái khác, và ký ức không bị gián đoạn. Nhưng đối với người thường, có những khoảng gián đoạn vô thức, khi tâm thức chuyển từ cõi này qua cõi khác. Người tiến hóa cao cũng có thể tự

do sử dụng giác quan thể vía, trong lúc tâm thức của người ấy đang tỉnh thức trong xác thân. Như thế, những con đường thông thương rộng rãi của tri thức các cõi, giờ đây là sở hữu của tâm thức người ấy trong lúc đang tỉnh thức ở cõi trần. Những vấn đề trước kia đối với người ấy chỉ là sự tin tưởng suông, nay trở thành những vấn đề có thể hiểu biết được, và người ấy có thể tự kiểm chứng sự đúng đắn của nhiều giáo lý Thông Thiên Học về những cảnh giới thấp của cõi vô hình.

Khi con người được phân tích thành những “nguyên lý”, thành những cách thức biểu lộ sự sống, thì bốn nguyên lý thấp gọi là “tứ thể hạ” (Lower Quaternary) được dùng để hoạt động tại cõi trung giới và cõi trần. Nguyên lý thứ tư, Kama (dục vọng) là sự sống biểu lộ trong thể vía và theo những điều kiện của thể vía. Nguyên lý này biểu hiện đặc tính của cảm giác, dưới hình thức cảm giác đơn sơ hoặc dưới hình thức xúc động phức tạp, hay là những cấp độ ở khoảng giữa hai loại ấy. Tất cả được gọi chung là “dục vọng”; nó bị thu hút hay đẩy lui tùy theo những đối tượng đem đến sự vui sướng hay đau khổ cho phàm ngã. Nguyên lý thứ ba, “Prana”, là sinh lực chuyên biệt trong việc nâng đỡ, bảo tồn những cơ quan xác thân, nguyên lý thứ nhì là thể phách, và nguyên lý thứ nhất là xác thân, ba nguyên lý này tác dụng tại cõi trần.

Trong cách phân loại về sau của bà Blavatsky, thì sinh lực (prana) và xác thân không được liệt kê như là những “nguyên lý”. Prana là sự sống của vũ trụ, còn xác thân thô kệch chỉ là “bản sao” (counterpart) của thể phách, nó làm bằng những vật liệu luôn luôn thay đổi để đập vào khuôn cái phách. Chấp nhận cách nhìn ấy, chúng ta có được quan niệm triết lý cao siêu về một sự sống duy nhất, một cái Ngã duy nhất, biểu lộ ở “con người”. Sự biểu lộ đó cho thấy có nhiều trạng thái khác nhau tạm thời, tùy theo điều kiện làm sống động những thể của con người. Chính sự sống ở trung tâm không thay đổi, nhưng biểu lộ ra bên ngoài dưới nhiều phương diện khác nhau, tùy theo loại chất liệu cấu tạo nên những thể ấy. Trong xác thân, chính Prana đem lại sinh lực, kiểm soát, và điều hòa mọi cơ cấu. Trong thể vía, nhờ Kama mà có cảm giác vui thích hay đau khổ. Khi sang qua những cõi cao hơn, chúng ta nhận thấy những phương diện khác của sự sống, nhưng ý niệm chung đều giống nhau. Đó là một trong những ý niệm căn bản của Thông Thiên Học, khi nắm vững được, sẽ là những đầu mối hướng dẫn chúng ta tìm hiểu thế giới.

CHƯƠNG III

CẢM DỤC GIỚI

(Kamaloka)

Danh từ Kamaloka chỉ nơi, hay vùng của dục vọng. Như ta đã biết, cảm dục giới là một phần của cõi trung giới. Nó không phải là một nơi chốn riêng biệt, mà là trạng thái tâm thức riêng biệt của những người ở đó.^[39] Những người này đã bỏ xác thân, sau khi bị chết mà tinh thần chưa được chuẩn bị trước, và những người cần được tinh lọc ít nhiều trước khi bước vào đời sống hạnh phúc và bình an, đích thực là đời sống thuộc về con người, thuộc về linh hồn con người.^[40]

Khu vực này được diễn tả như là những địa ngục, cõi luyện tội, hoặc những trạng thái trung gian khác, mà tất cả các tôn giáo lớn xem như là nơi ở tạm thời của con người sau khi bỏ xác thân, trước khi lên “thiên đàng”. Không có nơi nào để hình phạt đời đời cả, địa ngục đời đời mà những tín đồ có trí óc nông cạn còn tin tưởng, chỉ là một ác mộng của sự kém hiểu biết, oán hận và sợ sệt. Thật ra, nơi đó có những trạng thái đau khổ tạm thời để tinh luyện, để giải tỏa những nguyên nhân do con người đã tạo ra trong đời sống thế gian. Đó là luật tự nhiên, không thể tránh được, do kết quả của việc làm sai trái ở thế gian, vì chúng ta sống trong một vũ trụ được chi phối bởi luật, mỗi hạt giống được gieo sẽ sinh ra quả cùng loại. Sự chết không làm thay đổi bản chất đạo đức và lý trí con người. Từ cõi trần bước qua cõi trung giới, con người chỉ bỏ đi xác thân, còn những bản tính khác vẫn giữ nguyên.

Ở mỗi cảnh của cõi trung giới, đều có trạng thái “Kamaloka”; cho nên, người ta cho rằng có 7 vùng Kamaloka, từ thứ nhất đến thứ bảy, đếm từ dưới lên trên.^[41] Chúng ta đã thấy, trong thành phần cấu tạo thể vía có những chất liệu rút ra từ tất cả các cảnh của cõi trung giới. Do sự tái sắp xếp đặc biệt của những chất liệu này, mà con người được phân chia cư trú ở những vùng khác nhau, người ở cùng một vùng có thể liên

lạc được với nhau. Những vùng này, thuộc về bảy cảnh của cõi trung giới, chúng khác nhau về nồng độ đậm đặc. Sự đậm đặc của hình thể bên ngoài con người sẽ giới hạn họ vào vùng Kamaloka nào để tinh luyện. Sự khác biệt của chất liệu, ngăn cản con người đi từ vùng này qua vùng khác. Con người ở vùng này không thể liên lạc với con người ở vùng khác, cũng như cá ở sâu dưới biển không thể đàm thoại được với chim phụng hoàng vậy. Môi trường cần thiết cho sự sống của người này sẽ nguy hại cho sự sống của người khác.

Khi xác thân bị tử thần đến cướp đi, thì cái phách mang theo nó sinh lực (Prana) cùng tất cả những thể khác. Do đó, trọn cả con người, ngoại trừ thể xác, rút ra khỏi “nơi ở tạm bằng thịt” (tabernacle of flesh), tức cái thể bên ngoài. Mọi sinh lực trước kia tủa ra ngoài xác thân, nay rút vào bên trong và được gom lại bởi Prana. Sinh lực rút đi làm cho tê liệt các cơ quan cảm giác. Những cơ quan vẫn còn nguyên vẹn đó, chúng sẵn sàng hoạt động như từ bao giờ, nhưng “con người điều khiển bên trong” đã ra đi. Lúc còn sống, con người ấy nhờ những cơ quan để có thể thấy, nghe, sờ mó, ngửi, nếm, những cơ quan ấy chỉ là tập hợp của những phần tử vật chất, tự nó vẫn còn sống, nhưng không còn năng lực tri giác nữa. Chủ nhân ông của thể xác dần dần rút đi, lúc đó nó được bao bọc trong thể phách màu tím, và đắm chìm trong sự suy tưởng về toàn cảnh của kiếp sống đã qua. Trong giờ chết, toàn thể kiếp sống đã qua của một người, phơi bày từng chi tiết trước mắt người ấy. Trong hình ảnh của cuộc đời, hiện lên tất cả những biến cố lớn, nhỏ đã xảy ra trong cuộc sống, người ấy thấy những tham vọng được thực hiện hay bị thất bại, những cố gắng, những yêu thương và những oán hờn v.v... Khuynh hướng chính của toàn thể cuộc đời nổi bật lên rõ rệt. Tư tưởng chủ yếu hướng dẫn đời sống được tự xác định và in sâu vào linh hồn; điều này chỉ định nơi nào mà người ấy phải trải qua phần lớn đời sống bên kia cửa tử. Thật là trang nghiêm, lúc mà con người đối diện tận mắt toàn cảnh của cuộc đời mình, lắng nghe tiếng nói của dĩ vãng, báo trước những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi, con người nhìn thấy thực tướng của chính mình, nhận ra mục đích của cuộc đời, và biết rằng, **Luật Trời là uy quyền, công bình và từ ái**. Kế đó, dây tử khí nối liền giữa thể xác và phách bị cắt đứt, hai “bạn đồng hành” trong trọn cuộc đời đã rời bỏ nhau. Ngoại trừ vài trường hợp đặc biệt, con người đắm chìm trong vô thức một cách bình an.

Những người tề tựu chung quanh giường người chết, phải có thái độ im lặng và cung kính, trong giờ phút yên tĩnh trang nghiêm, để không làm gián đoạn sự hồi

tương dĩ vãng của linh hồn đang từ già cõi trần. Những tiếng khóc lớn, những lời kẻ lẽ òn ào, có thể làm kích động và xáo trộn sự chú ý của linh hồn. Đó là một hành động vừa không thích hợp vừa ích kỷ, do luyến tiếc sự mất mát của riêng mình đã làm gián đoạn sự yên lặng cần thiết để giúp đỡ và xoa dịu kẻ lìa trần. Tôn giáo đã hành động một cách khôn ngoan khi khuyên thân nhân phải cầu nguyện cho người hấp hối. Những lời cầu nguyện này giữ được sự an tĩnh, và kêu gọi những nguyện vọng không ích kỷ để giúp đỡ người sắp bước qua cửa tử. Cũng như mọi tư tưởng thương yêu, lời cầu nguyện là một trợ lực để giúp đỡ và bảo vệ người chết.

Vài giờ sau khi chết, thường không quá 36 giờ, con người (tức là vong linh) sẽ xuất ra khỏi thể phách. Đến lượt thể phách bị bỏ rơi như một thân ma bất động, ở cạnh xác chết và chịu chung số phận với thể xác ấy. Nếu xác chết được đem chôn thì thể phách trôi nổi lơ lửng trên mồ mả, và từ từ tan rã. Những người đi viếng nghĩa địa có cảm tưởng khó chịu, phần lớn do sự hiện diện của những thân ma thể phách đang tan rã. Trái lại, xác chết được hỏa thiêu, thì thể phách tan rã rất mau lẹ, vì nó mất nơi nương tựa, là trung tâm vật chất thu hút nó. Đó là một trong nhiều lý do mà trong những cách thức mai táng, hỏa táng được xem như một chọn lựa tốt hơn hết.

Sự rút lui của con người ra khỏi thể phách, kéo theo sự rút lui của sinh lực (Prana) ra khỏi thể phách. Bây giờ Prana trở về kho chứa sự sống của vũ trụ; còn con người, thì sẵn sàng bước qua vùng Kamaloka để được tái sắp xếp thể vía của mình. Nơi đây thích ứng cho thể vía thay đổi, tinh lọc, sự kiện này cần thiết cho cuộc giải thoát của chính con người.^[42] Trong kiếp sống ở thế gian, nhiều loại chất liệu trung giới khác nhau xen lẫn để tạo thành thể vía; giống như chất đặc, chất lỏng, chất hơi và dĩ thái ở trong xác thân vậy. Sự thay đổi, sắp xếp lại thể vía sau khi chết, là sự tách rời những chất liệu này theo thứ tự độ đậm đặc, để tạo ra những lớp vỏ đồng tâm điểm, lớp thanh nhất ở trong, còn lớp đậm đặc nhất ở ngoài. Mỗi lớp vỏ được làm bằng chất liệu rút ra từ mỗi cảnh của cõi trung giới. Vậy thể vía trở thành toàn bộ bảy lớp chồng chất lên nhau, hay là 7 vỏ bọc của chất liệu trung giới. Như thế, có thể nói là “con người” bị giam cầm bên trong, chỉ khi nào phá tan được những lớp vỏ này, con người mới được tự do mà thôi. Bây giờ, chúng ta mới hiểu sự quan trọng chính yếu của việc tinh lọc thể vía trong lúc con người còn sống. Con người bị giữ trong mỗi vùng Kamaloka cho đến khi lớp vỏ của cảnh đó tan rã hết, thì mới có thể sang qua cảnh kế tiếp. Hơn nữa, tùy theo hoạt động của ý thức con người trong lúc sống, theo

chiều hướng nào của chất liệu trung giới, sau khi lia trần họ sẽ thức tỉnh và ý thức ở một vùng đặc biệt nào đó. Hoặc giả, con người chỉ lướt qua vùng nào đó một cách vô ý thức, và bị đắm chìm trong giấc mơ màu hồng, khi ấy con người chỉ bị lưu giữ trong vùng đó một khoảng thời gian cần thiết cho tiến trình tan rã của lớp vỏ.

Người tiến hóa về đường tinh thần, đã thanh lọc thể vía đến một mức độ nào đó, khiến cho những yếu tố cấu tạo nên thể vía chỉ được rút ra từ những chất liệu thanh nhẹ của mỗi cảnh trên trung giới, người ấy chỉ đi xuyên qua vùng Kamaloka, mà không dừng lại. Thể vía của người ấy tan rã một cách rất nhanh chóng, và người ấy sẽ đi ngay đến nơi nào mà số kiếp đã định, tùy theo trình độ tiến hóa.

Người ít tiến hóa hơn, nhưng đời sống đã được trong sạch và tiết độ, không bám víu vào những sự vật trần gian, sẽ bay lướt một cách chậm chạp qua vùng Kamaloka như trong một giấc mộng êm đềm, không ý thức đối với sự vật chung quanh. Trong khi đó, thể trí của người ấy tự giải tỏa khỏi những lớp vỏ của thể vía, từ lớp này đến lớp khác, và chỉ thức tỉnh khi đến cõi thiên đàng.

Người kém tiến hóa, sẽ thức tỉnh sau khi trải qua những vùng thấp của cõi trung giới. Họ sẽ có lại tri thức trong cảnh liên hệ, thích hợp với ý thức trong kiếp sống trần gian. Vì con người được đánh thức do sự va chạm của cảm giác quen thuộc, những cảm giác này hiện giờ được thể vía tiếp nhận một cách trực tiếp, không xuyên qua xác thân. Người nào đã sống với những đam mê thú tính, sẽ thức tỉnh trong cảnh giới thích hợp với những đam mê ấy; theo đúng nghĩa, thì mỗi người sẽ đến “nơi của riêng mình”.

Trường hợp những người thành linh bị mất thể xác, do tai nạn, tự tử, bị giết hay chết bất đắc kỳ tử dưới bất cứ hình thức nào, đều khác với người chết thông thường do sinh lực bị khô cạn sau cơn bệnh hay tuổi già. Nếu nạn nhân đã có cuộc sống trong sạch và có khuynh hướng tinh thần, thì sẽ được bảo vệ đặc biệt và sẽ rơi vào giấc ngủ một cách yên lành, cho đến khi nào người ấy mãn số trần như thường lệ. Nếu nạn nhân không trong sạch và không có khuynh hướng tinh thần, thì tri thức của người ấy vẫn còn, nhưng không thể biết mình đã bỏ xác, và thường bị ám ảnh bởi cảnh tượng khốn khổ cuối cùng của cuộc đời ở trần gian. Trọn cả thời gian ấy, họ bị giữ lại trong vùng của cõi trung giới, tương quan với lớp vỏ bên ngoài cùng của thể vía. Đối với linh hồn ấy, đời sống bình thường nơi vùng Kamaloka chỉ bắt đầu khi nào số trần

của người ấy đã mãn; và người ấy ý thức rõ rệt những sự vật ở trung giới cũng như cõi trần chung quanh. Theo lời xác nhận của một trong các vị Sư Phụ của bà H. P. Blavatsky, thì một kẻ sát nhân kia bị xử tử, vẫn tiếp tục sống với cảnh giết người cùng những hậu quả của nó. Sự việc này cứ mãi lặp đi lặp lại trong vùng Kamaloka. Hành động độc ác của người ấy cứ lặp đi lặp lại, cùng với sự sợ hãi khi bị bắt và bị xử tử. Ở người tự tử, những cảm giác thất vọng và những cơn sợ sệt xảy ra trước khi chết, cứ trở đi trở lại một cách tự động. Người ấy cứ lặp đi lặp lại hành động tự tử, với sự đau buồn khủng khiếp, triền miên. Một người đàn bà kia chết trong đám lửa, với tâm trạng hoảng sợ cuống cuồng, sau khi cố gắng một cách tuyệt vọng để thoát thân. Bà tạo ra một luồng trốt xúc động mạnh mẽ, cho đến năm ngày sau khi chết, bà còn chống trả một cách cuồng loạn. Bà cứ thấy mình vẫn bị lửa bao vây, và xô đuổi một cách dữ dội những kẻ cố gắng trấn an bà. Trái lại, một người đàn bà khác đang ẵm đứa con trong lòng, trong cơn bão bị nước nhận chìm, với tấm lòng bình an và đầy tình thương; bên kia cửa tử bà ngủ một giấc yên lành, và trong giấc mơ hạnh phúc bà thấy hình ảnh sống động của chồng và các con.

Trong trường hợp thông thường, chết vì tai nạn vẫn là điều bất lợi, nó xảy ra cho con người do một lỗi lầm nghiêm trọng nào đó.^[43] Những người ấy ý thức trọn vẹn nơi vùng Kamaloka thấp, liên quan gần gũi với trái đất, đẩy đẩy những điều bất lợi và nguy hiểm. Con người chứa đầy mưu mô vụ lợi, chúng làm nên cuộc sống của họ, họ tri thức được sự hiện diện của người và vật có liên hệ đến những lợi lộc đó. Họ bị xô đẩy hầu như không kháng cự lại được lòng ham muốn ảnh hưởng đến những công việc trần gian, nơi mà lòng cảm xúc và đam mê của họ vẫn còn bám víu. Như vậy họ bị ràng buộc với cõi trần, trong khi đã mất tất cả những cơ quan thể xác để hoạt động. Hy vọng duy nhất để được bình an là họ phải quyết tâm tránh xa trần gian, và chú định vào những điều cao thượng hơn. Nhưng tương đối ít người có nghị lực làm điều đó, mặc dù luôn luôn có những hoạt động viên tại cõi trung giới tình nguyện giúp đỡ họ. Những vị này có bốn phận giúp đỡ và dìu dắt những người lìa trần.^[44] Nhiều khi, những linh hồn đau khổ này không thể chịu đựng nổi trạng thái bất động vô vọng; họ tìm đến sự giúp đỡ của một người nhạy cảm làm trung gian, để có thể liên lạc và toan tính một lần nữa những chuyện thế gian. Vài trường hợp, họ ám ảnh một người đồng nào đó, và cố gắng dùng thể xác của người đồng để đạt mục đích cho riêng họ; làm như thế, họ phải gánh lấy trách nhiệm nặng nề ở tương lai. Cũng không phải là không có lý do huyền bí, mà những giáo sĩ Anh quốc dạy chúng

ta lời cầu nguyện: “Lạy Chúa xin giải thoát chúng con khỏi giấc già, giết hại và bất đắc kỳ tử.”

Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu từng cảnh một của Kamaloka, để có được vài ý niệm về nếp sống đã đưa con người đến trạng thái trung gian này, bằng những dục vọng mà họ đã nuôi dưỡng trong suốt cuộc sống thế gian. Chúng ta nên nhớ, sức sống hay thời gian tồn tại của bất cứ một “lớp vỏ” nào, tương đương với thời gian con người bị “giam cầm” trong đó; có nghĩa là tùy thuộc vào số năng lực mà con người đưa vào loại chất liệu cấu tạo nên lớp vỏ đó, trong lúc sống ở thế gian. Nếu những đam mê thấp hèn nhất được linh hoạt, thì chất liệu trọng trược nhất có nhiều sinh lực, và số lượng của nó cũng tăng thêm. Nguyên tắc này áp dụng đối với mọi vùng Kamaloka. Vì thế, con người trong kiếp sống ở thế gian có thể nhận biết khá đúng về hoàn cảnh tương lai cho chính mình; họ đang chuẩn bị cho cuộc sống của họ bên kia cửa tử.

Cảnh thứ nhất, là cảnh thấp hơn hết, có nhiều trạng thái được diễn tả trong nhiều kinh sách Ấn Giáo và Phật Giáo như là các loại “địa ngục”. Phải hiểu rằng, con người khi đi vào một trong những trạng thái này, vẫn không bỏ được những đam mê và dục vọng thấp hèn đã đưa họ đến đó. Những yếu tố ấy vẫn duy trì như là thành phần cá tính của họ; chúng còn tiềm tàng trong trí ở trạng thái “mờ”, để sẽ được nẩy nở và tạo thành bản tính đam mê khi họ trở lại đầu thai tại cõi trần.^[45] Sở dĩ họ phải vào vùng Kamaloka thấp vì trong thể vía của họ có một số lớn chất liệu thuộc về vùng ấy. Họ bị cầm giữ trong đó cho đến khi nào phần lớn chất liệu ấy rơi ra và lớp bên ngoài tan rã, thì họ mới có thể thông đồng được với cõi trên kể đó.

Bầu không khí của cõi ấy rất tối tăm, nặng nề, ảm đạm và bi thảm đến một mức độ không thể tưởng tượng được. Nơi đó dường như bốc ra đủ mọi thứ ảnh hưởng trái nghịch hoàn toàn với sự tốt lành. Điều này tạo nên bởi những người có đam mê xấu xa, và chính những đam mê này đưa họ vào nơi lưu trú ảm đạm đó. Chúng ta phải rùng mình khi thấy rằng tất cả dục vọng, tất cả cảm giác đều có môi trường và điều kiện để biểu lộ nơi đây. Thật sự đó là nơi nhớp nhúa nhất, với tất cả những điều đáng ghê tởm mà ở cõi trần người ta có thể che đậy, lại được phơi trần nơi đây. Sự ghê sợ của vùng này được tăng cường mãnh liệt, vì ở cõi trung giới xúc cảm biểu lộ ra thành hình thể. Một người đang có đam mê xấu xa, sẽ hiện ra bộ mặt bên ngoài. Những thị dục thú tính tạo cho thể vía có hình dạng thú vật. Những hình dạng đáng

nhòm tòm, nửa người, nửa thú, là lớp y phục thích hợp cho những linh hồn hung bạo như thú vật. Ở cõi trung giới, không ai có thể giả bộ được, không ai có thể che đậy những tư tưởng dơ bẩn của mình dưới lớp màn đạo đức được. Con người thế nào thì hiện ra hình thể bên ngoài thế ấy. Người sáng chói, mỹ lệ, khi tư tưởng của người ấy cao thượng; người xấu xa tàn tệ, khi bản tính của người ấy dơ bẩn. Như thế, người ta mới hiểu tại sao các đấng Sư Phụ như đức Phật có thể nhìn thấu các cõi ở khắp thế giới, đã miêu tả những gì các Ngài thấy trong “địa ngục” đó bằng ngôn ngữ sống động và biểu tượng khủng khiếp. Đối với độc giả trong thời hiện tại, họ dường như không thể tin được, chỉ vì họ quên rằng khi linh hồn đã lìa bỏ vật chất nặng nề và khô cứng của cõi trần, thì hiện ra dưới hình thức đúng thật của nó. Ngay tại cõi thế gian này, một kẻ hung ác hèn hạ và đần độn cũng thường có nét mặt đáng sợ. Vậy cũng dễ hiểu, vì chất liệu mềm dẻo cõi trung giới, uốn nắn theo mỗi rung động của tư tưởng tội ác, nên một người tâm địa xấu xa có một hình thể đáng khiếp sợ.

Cần nhớ rằng, những cư dân ở vùng Kamaloka gồm những kẻ cặn bã xã hội như là: sát nhân, trộm cướp, các loại can phạm trọng tội dữ dằn, bọm nhậu, trác táng; tóm lại họ thuộc về thành phần hạ tiện nhất của nhân loại. Không một người thường nào sau khi chết qua đây, ý thức rõ rệt những gì ở chung quanh, ngoại trừ những tội phạm hung bạo, cố ý độc ác không biết ăn năn, hay đang bị dày vò bởi một khát vọng xấu xa. Những người tự tử tuy có tính tình tương đối tốt hơn, nhưng cũng phải bị cầm giữ tại đây một thời gian. Người tìm cách tự kết liễu đời sống của mình, để lẫn trốn hình phạt trần gian do tội trạng của họ, chỉ làm cho cảnh ngộ của họ khó khăn thêm. Không phải tất cả những người tự tử đều ở vùng này, vì có nhiều động lực khác nhau đưa đến sự tự tử. Nơi đây, người ta chỉ gặp những người tự tử một cách hèn nhát để tránh hậu quả hành vi của họ.

Ngoại trừ sự ám đạm của môi trường chung quanh và những bạn bè xấu xa đáng ghê tởm, **mỗi người là kẻ trực tiếp tạo sự khốn khổ cho chính mình.** Sau khi bỏ xác thân, con người không thay đổi gì cả; họ phơi bày tất cả những đam mê và bản tính xấu xa, hung bạo hiển nhiên của họ. Những linh hồn này tràn đầy thị dục dữ dằn và chưa toại nguyện; họ bị thiêu đốt bởi lòng thù hận, oán ghét, thèm khát khoái lạc vật chất mà họ không thể thỏa mãn được, vì không còn cơ quan xác thân để thụ hưởng. Họ đi lang thang trong vùng u tối này, lòng đầy oán hận và khát vọng. Họ tụ tập chung quanh những nơi đồi bại ở trần gian; họ lảng vảng ở các nhà chứa, các nơi say sưa truy lạc để kích động những khách hàng quen, làm những chuyện bỉ ổi hung

tàn. Các vong linh này tìm cơ hội ám ảnh, lôi cuốn những kẻ trụy lạc làm điều xấu xa quá mức. Bầu không khí bệnh hoạn ở những nơi đó một phần lớn là do sự hiện diện của các vong linh còn luyến tiếc cõi trần bởi đam mê đời bại và dục vọng đê tiện. Các đồng tử là mục tiêu cho những vong linh này tấn công, trừ khi đồng tử là người có bản tính trong sạch và cao thượng. Đồng tử yếu đuối sẽ bị suy yếu thêm, vì họ thụ động để cho xác thân tạm thời bị chiếm giữ bởi vong linh xấu. Những kẻ sát nhân bị xử tử, lòng đầy giận dữ, sợ hãi, oán thù, cứ mãi lặp đi lặp lại hành vi sát nhân, tâm trí hồi tưởng lại kết quả khủng khiếp xảy ra sau khi phạm tội, và tự bao bọc trong bầu không khí của những hình tư tưởng giận dữ. Họ được thu hút đến người nào đang nuôi dưỡng lòng oán hận hay phục thù, và xúi giục người ấy phạm tội sát nhân. Ở vùng này đôi khi người ta thấy một kẻ sát nhân luôn luôn bị nạn nhân theo dõi, không thể lẫn tránh được sự ám ảnh của bóng hình nạn nhân đang săn đuổi một cách kiên trì, dù kẻ ấy hết sức cố gắng trốn cũng không thoát khỏi. Đa số trường hợp, nạn nhân không có ý thức về điều đó, trừ khi họ là người có tâm tính thật xấu, và chính sự không hay biết đó dường như làm cho phạm nhân thêm phần ghê sợ sự theo dõi một cách tự động này.

Tại đây, chúng ta cũng thấy địa ngục của kẻ giải phẫu sinh thể, vì sự độc ác thu hút vào thể vía những chất liệu thô kệch nhất của cõi trung giới, kết hợp lại với nhau một cách đáng ghê sợ. Vong linh sống giữa đám đông những hình thể của nạn nhân bị cắt xẻo, rên siết, giãy giụa, tru tréo, đầy oán hận đối với người làm khổ chúng. Chúng được linh hoạt không phải vì chính hồn thú của chúng, mà vì sự sống của những nguyên tố cấu thành. Vong linh đó tự lặp đi lặp lại thường xuyên những kinh nghiệm xấu xa một cách tự động, và ý thức hoàn toàn sự kinh khiếp này. Vong linh bị ép buộc phải tự làm khổ mình, do thói quen tạo ra trong cuộc sống ở cõi trần.

Một lần nữa, trước khi từ giã vùng tối tăm này, ta nên nhớ nơi đây không có những hình phạt độc đoán áp đặt từ bên ngoài, mà chỉ là hậu quả tất nhiên từ nguyên nhân do mỗi người tạo ra. Trong lúc sống ở cõi trần, những người này đã chiêu theo rung động rất xấu xa, cho nên họ đã thu hút và tạo nên thể vía của họ bằng những chất liệu chỉ đáp ứng được với rung động đó mà thôi. Thể vía do chính họ đã tạo ra, nay trở thành ngục tù nhốt linh hồn họ, cho đến khi nó bị tan rã, thì linh hồn mới có thể thoát ra khỏi. Người bợm rượu đã sống ở thế gian với xác thân bệ rạc và u mê; thì họ phải sống tại cảm dục giới với thể vía không kém phần ghê tởm. **“Gieo nhân nào, thì gặt quả nấy,” đó là luật áp dụng cho mọi thế giới, không ai có thể trốn thoát**

được. Thật ra, ở cõi trung giới, thể vía không nổi loạn và đáng sợ hơn lúc con người còn sống ở cõi trần. Thể vía xấu xa làm cho không khí chung quanh người ấy trở nên nhơ nhớp, nhưng người ở cõi trần không nhận biết được sự xấu xa đó, vì họ không thể thấy được cõi trung giới.

Chúng ta có thể tự an ủi khi nghĩ đến những huynh đệ bất hạnh của chúng ta, nếu biết rằng sự đau khổ của họ chỉ là tạm thời mà thôi. Hơn nữa, sự đau khổ ấy là bài học cần thiết cho linh hồn. Dưới áp lực nặng nề của định luật thiên nhiên, dù người không quan tâm đến cũng sẽ học được sự hiện hữu của những định luật đó, qua những đau khổ tích lũy, do việc không tuân theo chúng trong cuộc sống. Bài học mà con người không học thuộc trong đời sống trần gian, thì ham muốn và dục vọng sẽ cuốn theo họ và gây áp lực lên họ nơi cõi trung giới, và sẽ tiếp tục đeo đuổi họ trong những kiếp tương lai. Chỉ đến khi những tật xấu ác được diệt trừ tận gốc rễ, thì con người mới có thể tiến lên một cuộc sống tốt đẹp hơn. Những bài học của thiên nhiên rất chính xác, nhưng cũng rất khoan hồng, vì chúng giúp cho sự tiến hóa của ta và dắt dẫn linh hồn đến cõi bất tử.

Chúng ta hãy bước qua vùng sáng sủa hơn. Cảnh thứ hai của cõi trung giới^[46] có thể được xem như là bản sao của cõi trần. Thật vậy, những hình thể của tất cả đồ vật và của đa số con người, phần lớn được cấu tạo bằng chất liệu thuộc về cảnh thứ hai của cõi trung giới, cho nên trong số những cảnh của cõi trung giới, cảnh này liên quan chặt chẽ với cõi trần hơn cả. Đa số người sau khi lìa trần phải ở lại đây một thời gian, và phần đông có ý thức nơi cảnh này. Những người này thích thú và bám víu vào những điều nhỏ mọn, không quan trọng của thế gian. Họ chú tâm vào những chuyện lặt vặt, và để cho bản tính thấp hèn điều khiển. Sau khi chết, họ mang theo nỗi thèm khát còn mạnh mẽ đối với những lạc thú trần gian. Trong lúc còn xác thân, một phần lớn sinh lực của họ nhằm về sự hưởng thụ lạc thú vật chất, do đó thể vía của họ được gây dựng bằng chất liệu dễ dàng đáp ứng lại những va chạm của cõi trần. Sau khi họ chết, họ bị giữ lại bởi thể vía, lẫn quần đến những nơi ưa thích ở cõi trần. Phần đông họ đều bất mãn, lo âu, không yên, với ít nhiều đau khổ tùy theo mức độ dục vọng mà họ không thể thỏa mãn. Một số người kéo dài tình trạng ấy trong sự thống khổ thực sự, và họ bị giữ lại rất lâu nơi đó, cho đến khi những khát vọng trần gian của họ tàn lụi. Nhiều người kéo dài sự sống nơi đây một cách vô ích để tìm cách liên hệ với thế gian, vì những lợi lộc mà họ còn vương mắc. Họ mượn xác đồng bóng để thay thế xác

thân đã mất, từ đó tạo ra những câu chuyện tâm phào mà người nào có dự những buổi cầu hồn công cộng đều biết rõ. Đó là những chuyện phiếm và đạo đức tâm thường cũ kỹ, được lặp đi lặp lại nơi các tử quán và các nhà trọ rẻ tiền. Những linh hồn đeo níu với cõi trần đó, thường kém thông minh. Đối với người đã công nhận sự hiện tồn của linh hồn sau khi chết, thì sự truyền đạt của linh hồn ở cảnh này không thích thú gì hơn những lời đàm thoại của họ lúc còn sống. Cũng giống như khi còn sống, những người này càng dốt nát bao nhiêu, thì lại càng xác quyết lời mình nói bấy nhiêu. Với sự hiểu biết hẹp hòi, họ muốn chứng tỏ rằng họ biết rõ toàn thể cõi trung giới. Họ nghĩ rằng lời nói nhảm nhí, quê mùa trong xóm làng của họ là tiếng thì thầm của vũ trụ.

Từ vùng này, những người chết với tâm trạng còn nhiều lo lắng, đôi khi tìm cách liên lạc với bạn bè, hầu sắp xếp công việc trần gian còn làm họ vướng bận. Nếu họ không thể tiếp xúc được một người bạn nào, và không thể truyền đạt ý muốn của họ trong giấc chiêm bao của người còn sống, thì họ có thể gây ra nhiều phiền phức bằng cách gõ, hay tạo ra nhiều tiếng động khác để được lưu ý. Có khi những tiếng động này được gây nên một cách vô ý thức do sự cố gắng nóng nảy của họ. Trong trường hợp này, người có khả năng có thể giúp đỡ bằng cách liên lạc với vong linh khốn khổ đó để biết ý muốn của họ. Thường khi sự can thiệp này đủ giải cho họ mối lo âu làm cản trở bước đi lên của họ. Khi ở đây, vong linh rất dễ bị lôi kéo chú tâm đến cõi trần, tuy họ không tự ý muốn trở lại. Sự thương tiếc nhiệt tình, và lòng ao ước nồng nàn của bạn bè tại cõi thế muốn gặp lại hình bóng thương yêu, nhiều khi lại làm hại họ. Những hình tư tưởng, do sự thương tiếc đó tạo ra, tụ tập chung quanh vong linh, kích động và thường đánh thức họ, trong khi họ đang ngủ an lành. Nếu họ có lại tri thức, thì tư tưởng của họ bị lôi kéo trở lại trần. Trong trường hợp thứ nhất, chính tính ích kỷ của bạn bè còn tại thế, vô tình gây hại cho người thân đã chết; nếu họ biết được sự kiện này, họ là người đầu tiên phải hối tiếc. Nếu biết được sự đau khổ vô ích do những người thân còn sống gây nên cho người chết, con người sẽ vững lòng tin hơn vào những qui tắc tôn giáo bắt buộc tuân theo luật Trời, và kèm chế sự buồn rầu, khóc kể ồn ào quá đáng.

Vùng Kamaloka thứ ba và thứ tư chỉ khác chút ít với vùng thứ nhì; chúng được xem như bản sao bằng chất dĩ thái của vùng thứ nhì. Vùng thứ tư thanh nhẹ hơn vùng thứ ba; nhưng đặc tính tổng quát của cả ba cảnh đều giống nhau. Nơi đây, chúng ta gặp những vong linh tiến hóa khá hơn một chút, dù họ bị giữ lại ở đó là do lớp ngoài

của họ được tạo nên do sự tìm kiếm những lợi lộc trần gian; thường thường, chú tâm của họ hướng về sự tiến bộ hơn là thụt lùi. Nếu họ không bị kêu gọi một cách cưỡng bách để lo vấn đề trần gian, thì họ lướt qua, không trì hoãn lâu. Tuy nhiên, họ vẫn nhạy cảm đối với sự kích động ở cõi trần. Sự chú ý của họ đến công việc trần gian đã giảm, nhưng nó có thể bị kích động trở lại do sự kêu than của người trần thế. Phần đông người ở đây có học thức và biết suy gẫm, trong kiếp sống vật chất, họ bận rộn với những mối lo âu thế tục, họ thức tỉnh và ý thức trong vùng này. Họ có thể bị xúi giục liên lạc với cõi trần qua đồng tử, nhưng ít khi họ tự tìm sự liên lạc ấy. Lời nói của họ tự nhiên có một giá trị cao hơn lời nói của những vong linh thuộc về vùng Kamaloka thứ nhì. Tuy nhiên, những điều họ nói cũng không giá trị gì hơn là những điều tương tự mà họ đàm luận lúc còn sống. Ánh sáng tâm linh không thể đến từ vùng Kamaloka.

Vùng Kamaloka thứ năm có nhiều đặc tính mới lạ. Nó sáng chói và phát quang, nó rất hấp dẫn đối với người lúc sống chỉ biết các màu sắc lu mờ của thế gian. Thật rất đúng khi người ta dùng danh từ tinh tú (astral), hay sáng như sao để chỉ toàn cõi trung giới. Chính nơi đây, cõi trời được cụ thể hóa, và đóng một vai trò rất quan trọng trong những tôn giáo của quảng đại quần chúng trên khắp thế giới. Đây là vùng đất lý tưởng để săn bắn của người da đỏ, cõi trời cho các chiến sĩ anh hùng Norsemen, thiên đàng đây tiên nữ của Hồi Giáo, thánh địa Jerusalem bằng vàng với cửa bằng ngọc của người Thiên Chúa Giáo và cõi trời chứa đầy trường học của nhà cải cách duy vật chủ nghĩa, tất cả đều ở tại vùng Kamaloka thứ năm này. Những người bám víu một cách tuyệt vọng vào nghĩa đen của từng "tử ngữ" (letter that killeth) sẽ được hài lòng về văn tự theo ý muốn của họ. Do năng lực tưởng tượng, họ tự tạo nên cái vỏ khô khan bề ngoài của những thánh kinh thế gian, hay những lâu đài mộng tưởng mà họ đã từng mơ ước. Những tín ngưỡng thô thiển nhất về tôn giáo được thực hiện nơi đây một cách tạm thời và mù mờ. Còn những người tin tưởng cứng ngắc theo văn tự và có ước muốn ích kỷ về sự cứu rỗi của những thiên đàng cụ thể, thì đây là nơi họ có thể được mãn nguyện, vì chung quanh họ có những điều kiện thích hợp với đức tin của họ. Có những người bận rộn về tôn giáo và từ thiện, chỉ chú tâm theo sở thích của riêng mình, và áp đặt ý tưởng của mình lên người chung quanh, thay vì phải làm việc một cách vô tư để làm tăng phần đạo đức và hạnh phúc cho nhân loại. Họ tổ chức những cơ quan cải huấn, trại tạm cư, học đường, theo ý thích riêng của họ. Từ cõi trung giới, họ cảm thấy vui thích với tâm trạng kẻ chỉ huy, chiếu cố đến việc trần gian,

xuyên qua một đồng tử để điều khiển. Họ xây cất trên cõi trung giới những nhà cửa, trường học, nhà thờ, mô phỏng theo những thiên đàng vật chất mà họ mong ước. Dưới mắt của người minh mẫn, những kiến thiết của họ bất toàn và có thể nói là thô kệch một cách đáng thương; nhưng đối với họ, thì chúng không chỗ chê. Những người cùng một tôn giáo tụ họp nhau lại, và cùng chung cộng tác bằng nhiều cách khác nhau. Họ thiết lập nhiều cộng đồng khác biệt và riêng rẽ, tương tự như ở cõi trần. Khi họ bị thu hút hướng về cõi trần, thường thường họ tìm những người đồng tôn giáo và cùng xứ sở với họ. Đó là do sự thu hút tự nhiên, mà còn do sự trở ngại của ngôn ngữ nữa, vì tại Kamaloka sự trở ngại của ngôn ngữ vẫn còn, như người ta có thể nhận thấy trong những cuộc đàm thoại ở các buổi nhóm thần linh học. Phần nhiều những linh hồn ở vùng này, hết sức thích thú muốn liên lạc với vùng cao hơn, và hầu hết phải nhờ sự hướng dẫn của những vị dẫn dắt tinh thần (spirit-guides). Chính tại nơi đây và tại khu vực Kamaloka trên kế đó, người ta gặp những vị dẫn dắt tinh thần. Thường thường, những linh hồn nơi đó nhận biết trước mặt họ còn có cuộc sống cao cả hơn, và sớm muộn gì họ cũng phải đến thế giới mà từ đó họ không còn có thể thông đồng được với cõi trần nữa.

Vùng Kamaloka thứ sáu giống như vùng Kamaloka thứ năm, nhưng thanh nhẹ hơn nhiều. Phần lớn linh hồn khá tiến hóa trú ngụ nơi đây. Những người này trong lúc còn sống, đa số năng lực tư tưởng của họ biểu lộ xuyên qua lớp vỏ bọc đã bị tiêu mòn gần hết. Sở dĩ họ bị trì hoãn lại trong vùng này là do có sự ích kỷ trong khi làm nghệ thuật, cũng như trong cuộc sống trí thức. Họ đã làm giảm giá trị tài năng họ, vì muốn thỏa mãn một cách tinh vi bản chất dục vọng của họ. Họ sống ở một môi trường tốt đẹp nhất của cõi trung giới, vì tư tưởng sáng tạo của họ dùng những chất liệu chói sáng của nơi ở tạm thời này để tạo ra cảnh vật đẹp đẽ, những biển cả gợn sóng, những ngọn núi đầy tuyết và những cánh đồng trù phú. Vẻ đẹp thần tiên của cảnh trí ở đó đẹp hơn tất cả những gì đẹp nhất trần gian. Người ta cũng gặp nơi đây tín đồ của các tôn giáo, nhưng họ thuộc về hạng người tiến hóa hơn những người ở vùng thấp, họ có quan điểm chính xác hơn về những giới hạn riêng của họ. Họ rất mong muốn lìa khỏi nơi trú ngụ hiện thời để bước qua khu vực cao hơn.

Vùng Kamaloka thứ bảy là vùng cao nhất, hầu hết những nhà trí thức nam nữ đều ở đây. Lúc còn sống ở cõi trần, những người này thiên hẳn về phần vật chất, hoặc quá bám víu vào những phương pháp mà hạ trí đã dùng để thu thập sự hiểu biết. Ở đây, họ tiếp tục đeo đuổi một số hiểu biết của họ theo cách thức cũ, dù đã có những

quan năng cao hơn. Người ta nhớ đến ông Charles Lamb; ông ghét ý nghĩ cho rằng, ở cõi trời, sự hiểu biết phải đạt được do “vài phương pháp của trực giác,” thay vì phải đọc hết những sách mà ông yêu thích. Theo bà H. P. Blavatsky, có những học giả sống nhiều năm, đôi khi nhiều thế kỷ trong một thư viện của cõi trung giới, tìm đọc một cách hăng say tất cả những sách nói về đề tài mà họ thích thú, và họ hoàn toàn thỏa mãn với số phận của mình. Những người đã đem hết nhiệt tâm và trí lực vào việc khảo cứu, sau khi chết lòng khát vọng hiểu biết chưa thỏa mãn, vẫn đeo đuổi mục đích của họ với một sự kiên trì không mỏi mệt, và bám víu vào cách thức học hỏi tại cõi trần. Thường người như thế còn hoài nghi trước những khả năng cao cả đang chờ đợi họ; và họ thu rút lại trước viễn ảnh rằng trên thực tế, họ phải chết lần thứ hai. Họ chìm đắm trong vô thức, trước khi linh hồn sinh vào cõi thiên đàng. Những người làm chính trị, những chính khách, những nhà khoa học, lưu lại một thời gian trong khu vực này, và cõi bỏ từ từ thể vía của họ. Họ còn dính líu với đời sống ở cõi thấp do họ có nhiều nhiệt tâm, và thích thú với những cải cách, mà trong đó họ đóng vai trò quan trọng. Ở trung giới họ cố gắng thực hành vài kế hoạch, nhưng vì cái chết của thể vía xảy đến, khiến họ không thực hiện được.

Ngoại trừ một số ít trong lúc sống ở cõi trần, không hề có một chút tình thương vị tha hay lòng mong muốn tiến bộ về trí thức, đã sống mà không bao giờ biết điều gì hay người nào cao cả hơn mình, còn tất cả những người khác, sớm muộn gì cũng sẽ đến lúc những ràng buộc của thể vía bị cắt đứt, linh hồn trở nên vô tri thức trong một thời gian ngắn đối với ngoại cảnh, giống như sự vô tri thức sau khi bỏ xác thân vậy. Kế đó linh hồn tỉnh thức lại do một cảm giác phức tạp cao độ, mênh mông, vô lượng, ở cõi phạm khó mà mơ tưởng được. Niềm phức tạp ấy thuộc về cõi trời, vì chính bản chất của linh hồn thuộc về cõi trời. Linh hồn có thể có những đam mê thấp hèn, tham vọng nhỏ mọn, nhưng nếu nó đã có một chút tình thương vị tha và lòng mong ước tiến bộ, thì nó được thấy ánh sáng thuộc bản chất cao cả bắt nguồn từ một cõi thanh cao hơn. Bây giờ, mùa gặt hái đã đến, dù ít đi nữa cũng mang đến kết quả chính đáng. Con người đi xa hơn nữa để gặt hái ở cõi thiên đàng, hầu thưởng thức và đồng hóa những kết quả.

Đôi khi người ta gọi “thây ma thể vía” là “vỏ thể vía” do một linh hồn đã bỏ lại. Nó gồm những mảnh vụn của bảy lớp vỏ – cùng một trung tâm điểm – như đã mô tả ở trước. Những mảnh vụn này được gắn bó lại nhau nhờ từ điển của vong linh còn sót lại. Mỗi lớp vỏ, tới phiên nó, cũng tan rã ra từng mảnh vụn rải rác, và dính theo

những lớp vỏ chưa rã, do sự thu hút của từ điển. Lớp vỏ này sẽ tan rã theo sau lớp vỏ kia, đến lớp trong cùng, tức lớp thứ bảy tan rã thì con người tự thoát ra và để những vật thừa lại. “Vỏ thể vía” trôi giạt bênh bồng trong cõi trung giới; nó lặp lại một cách máy móc và yếu ớt, những làn rung động quen thuộc của nó. Do sự phân tán của những từ điển còn dư lại, nó dần dần hư hoại và cuối cùng tiêu mất trọn vẹn, trả lại cho cõi trung giới những chất liệu làm ra nó, cũng như xác thân trả lại cõi trần những nguyên tố tạo ra nó vậy.

Cái “vỏ thể vía” trôi giạt theo triều lưu của cõi trung giới. Nếu chưa tan rã nhiều, thì nó có thể được làm sống động do từ điển của những người còn tại thế, và có thể phục hồi vài khả năng hoạt động. Nó thu hút từ điển cũng như bông đá hút nước vậy; khi ấy nó có vẻ như còn sống, và lặp lại một cách mạnh mẽ hơn những làn rung động cũ mà nó đã quen thuộc. Những làn rung động này thường được tạo nên do tư tưởng thường có của bạn bè và thân nhân còn sống ở cõi trần. Cái vỏ được hồi sinh này có thể làm nhiệm vụ liên lạc khôn ngoan và khá hữu hiệu. Ngoài nhãn thông ra, người ta có thể phân biệt được nó khi nó cứ lặp đi lặp lại một cách máy móc những tư tưởng quen thuộc do những hiểu biết có được lúc còn sống; nó hoàn toàn không có ý kiến mới mẻ.

Linh hồn có thể bị trì hoãn trên đường tiến triển, do những bạn bè không hiểu biết và không suy xét kỹ lưỡng. Trái lại, linh hồn cũng có thể được trợ giúp bằng sự cố gắng khôn ngoan và đúng đường lối. Chính vì vậy mà tất cả các tôn giáo nào còn lưu lại vài dấu vết minh triết huyền môn của những vị Giáo Chủ đều khuyên “cầu nguyện cho người chết.” Những lời cầu nguyện này, cũng như các nghi lễ liên hệ, đều hữu hiệu ít nhiều, tùy theo sự hiểu biết, tình thương và năng lực ý chí của người cầu nguyện. Sự cầu nguyện căn cứ vào chân lý phổ quát của sự rung động, theo đó vũ trụ được thành lập, cải tạo và duy trì. Âm thanh phát ra tạo thành rung động; những rung động sắp xếp chất liệu cõi trung giới tạo ra hình thể nhất định, rồi nhờ tư tưởng làm cho linh động. Những hình tư tưởng này hướng vào vong linh đang ở khu vực Kamaloka và tác động đến thể vía của vong linh đó, làm cho nó mau tan rã. Vì sự hiểu biết về huyền môn giảm sút, nên những nghi lễ này càng ngày càng trở nên kém hiệu lực, và dần dần đi đến tình trạng không còn hữu dụng nữa. Tuy nhiên, nếu những nghi lễ này được thực hiện bởi người hiểu biết, thì lại có kết quả mong muốn. Hơn nữa, mỗi người có thể giúp người thân đã ra đi, bằng cách gọi đến họ những tư tưởng

thương yêu và an tịnh; và cầu nguyện cho họ mau tiến bộ qua vùng Kamaloka hầu giải thoát những ràng buộc tại cõi trung giới.

Mong sao không có người nào đã rời bỏ xác thân, phải đi đơn độc một mình. Cầu cho họ lúc nào cũng nhận được sự giúp đỡ của những hình tư tưởng thương yêu, tác dụng như những thiên thần hộ mạng, dìu dắt họ trên đường đi đến phúc lạc.

CHƯƠNG IV

CÔI THƯỢNG GIỚI (CÔI TRÍ)

(The Mental Plane)

Cõi trí, như tên của nó cho thấy, thuộc về ý thức hoạt động trên phương diện tư tưởng, không phải là cái trí tác động qua bộ óc, mà là tại cõi riêng của nó, không bị chướng ngại bởi chất liệu tinh thần của cõi vật chất. Thế giới này là thế giới của “con người thật” (the real man). Danh từ Anh ngữ “man” (con người) là do ngữ căn của động từ Phạn ngữ “man” có nghĩa là “suy nghĩ.” Do đó, danh từ “man” có nghĩa là “kẻ suy nghĩ” (thinker). Như vậy tên gọi “con người” biểu hiệu rằng đặc tính trội nhất của con người là trí khôn.

Trong Anh ngữ, danh từ “mind” vừa chỉ ý thức của trí khôn (the intellectual consciousness), vừa chỉ những kết quả tạo ra nơi bộ óc xác thân, do những làn rung động của ý thức đó. Nhưng hiện tại, ta chấp nhận ý thức trí khôn này như là một thực thể hiện hữu, một cá nhân riêng biệt. Những rung động linh hoạt của nó là những tư tưởng, chính những tư tưởng này là những hình ảnh chứ không phải những lời nói. Thực thể ấy là Manas^[47] là “chủ thể tư tưởng” (the Thinker). Nó là Con Người thật (the Self) bị bao phủ bởi vật chất, và hoạt động trong điều kiện của những cảnh cao

nơi cõi trí. Nó biểu lộ sự hiện diện tại cõi trần bằng những làn rung động truyền xuống bộ óc và hệ thần kinh. Hệ thần kinh não tủy đáp ứng lại những mối xúc động của đời sống bằng những làn rung động đồng cảm; nhưng vì nó được cấu tạo bằng chất liệu thô kệch, nên chỉ có thể lặp lại một cách bất toàn một phần nhỏ những làn rung động đó. Khoa học xác nhận có rất nhiều loại rung động dĩ thái, mà mắt thường chỉ thấy một phần nhỏ trong giới hạn quang phổ của ánh sáng mặt trời, vì nó chỉ có thể đáp ứng rung động trong một vài giới hạn. Cũng giống như thế, dụng cụ vật chất của tư tưởng, tức não bộ và thần kinh hệ, chỉ tiếp nhận được một phần nhỏ những rung động đa dạng của tư tưởng do “chủ thể tư tưởng” (the Thinker) đưa ra từ cõi giới của nó. Những người thông minh, có não bộ linh hoạt, tiếp nhận và đáp ứng được khá nhiều những rung động của tư tưởng. Bậc thiên tài có não bộ tiếp nhận và đáp ứng một cách phi thường đối với những làn rung động của tư tưởng, còn người đần độn có não bộ đặc biệt bất động, chỉ đáp ứng một phần rất ít những rung động đó. Mỗi linh hồn đưa đến não bộ hàng triệu làn sóng tư tưởng, mà não bộ không thể đáp ứng được, vì chất liệu làm ra não bộ quá đậm đặc. Và điều mà người ta gọi là quyền năng tư tưởng của một người, chỉ là tỷ lệ nhạy cảm của não bộ đối với những làn sóng tư tưởng ấy. Nhưng trước khi quan sát “chủ thể tư tưởng,” tốt hơn nên xét qua nơi trú ngụ của nó, tức cõi trí.

Cõi trí (hay cõi thượng giới) là cõi kế tiếp, trên cõi trung giới. Hai cõi này chia cách nhau do sự dị biệt của chất liệu cấu tạo, giống như cõi trung giới chia cách với cõi trần. Vậy, ta có thể lặp lại sự so sánh cõi trí với cõi trung giới, giống như cõi trung giới với cõi trần. Đời sống trên cõi trí linh hoạt hơn đời sống tại cõi trung giới, và hình thể ở trên đó mềm dẻo hơn. “Vật chất-tinh thần” trên cõi trí có sinh lực dồi dào hơn và thanh bai hơn bất cứ chất liệu ở cấp độ nào nơi cõi trung giới. Hạt nguyên tử căn bản của chất liệu tạo nên cõi trung giới chứa đựng bên trong nó vô số phân tử thô kệch của chất liệu cõi trí tập hợp lại; vì thế, khi hạt nguyên tử cõi trung giới tan rã, nó phóng thích một số lớn chất liệu thô kệch nhất của cõi trí.

Như thế, trọng khối của chất liệu cõi trí thanh nhuyễn hơn, lưu chuyển dễ dàng hơn nhiều so với chất liệu cõi trung giới. Năng lực sống trên cõi ấy rất linh hoạt, và chất liệu luôn luôn chuyển động. Chất liệu lấy hình thể tùy theo mỗi cảm xúc của sự sống, và nó rất dễ thích nghi với mỗi thay đổi của sự chuyển động. Nếu so với chất liệu thể trí, thì chất liệu tinh thần của thể vía (astral spirit-matter) có vẻ thô kệch, nặng nề và mờ tối. Nhưng nếu so với chất hồng trần, thì nó sáng chói một cách kỳ diệu.

Nhưng luật tương đồng bao giờ cũng đúng, nó cho chúng ta đâu mỗi dẫn đến cõi thượng giới, là nơi chúng ta sinh ra, là quê hương thực sự của chúng ta. Chúng ta là kẻ đang bị cầm tù nơi đất lạ, không biết gì về quê hương; nếu có sự miêu tả về nơi ấy, chúng ta sẽ nhìn nó một cách xa lạ.

Cũng giống như tại hai cõi thấp, chất liệu tinh thần cõi trí cũng chia thành bảy chi phần. Một lần nữa, có rất nhiều kết hợp phức tạp không thể kể hết, tạo ra những chất đặc, lỏng, hơi và những chất dĩ thái của cõi trí. Danh từ “đặc” ở đây có vẻ phi lý, dù là nói về hình thể căn bản nhất của chất liệu cái trí. Bất đắc dĩ, chúng ta phải dùng từ ngữ này, vì không có từ ngữ nào khác, và vì chất liệu này đậm đặc hơn nếu so sánh với chất liệu cõi trí khác; ở cõi trần chúng ta không có danh từ nào khác để diễn tả nó. Như thế cũng đủ để chúng ta hiểu rằng cõi trí cũng tuân theo định luật và trật tự chung của thiên nhiên, đó là nền tảng căn cứ trên số 7. Đối với thế giới của chúng ta, vật chất được chia ra làm 7 loại, theo độ đậm đặc liên hệ tương đối với nhau. Nếu kể từ độ đậm đặc nhiều đến ít, cũng giống như cõi vật chất, được chia thành chất đặc, chất lỏng, chất hơi và những chất dĩ thái. Chi phần, hay cảnh cao nhất của cõi thượng giới, được cấu tạo toàn bằng những hạt nguyên tử căn bản thể trí.

Những chi phần (cảnh) của cõi thượng giới chia làm hai nhóm, được đặt tên bằng những hình dung từ khó hiểu và diễn tả không được chính xác: “vô sắc tướng” và “sắc tướng”.^[48] Bốn chi phần thấp được xếp vào nhóm “sắc tướng”. Ba chi phần cao, được xếp vào nhóm “vô sắc tướng”. Sự phân chia nhóm này rất cần, vì ở cõi thượng giới có sự phân chia thực sự, mặc dù khó miêu tả. Những vùng được phân chia đó, liên hệ với sự phân chia của tâm thức trong chính thể trí con người, sẽ được trình bày rõ về sau. Sự phân biệt đó có lẽ sẽ được hiểu rõ hơn, bằng cách nói rằng: trong bốn chi phần thấp, sự rung động của tâm thức tạo ra những hình thể, những ảnh tượng hay những tranh ảnh, và mỗi tư tưởng hiện lên như một hình sống. Trong khi ở ba chi phần cao, dù tâm thức luôn luôn tạo ra những làn rung động, nhưng dường như nó phóng ra như một lượn sóng mạnh mẽ của năng lực sống động. Ở vùng cao của cõi thượng giới, lượn sóng này không tự tạo ra những hình ảnh riêng biệt; nhưng khi vừa xuống các cõi thấp, nó tạo ra nhiều hình thể khác nhau, tất cả đều liên kết với nhau do vài trạng thái chung. Thí dụ tương tự dễ hiểu nhất về khái niệm mà tôi cố gắng diễn tả là những tư tưởng trừu tượng và những tư tưởng cụ thể. Tư tưởng trừu tượng của một hình tam giác thì không có hình dạng, nhưng nó bao hàm

bất cứ mặt phẳng nào nằm trong ba đường thẳng, những góc của nó tạo nên do hai đường thẳng gặp nhau. Ý niệm với những điều kiện như thế, nhưng không có khuôn khổ, được phóng vào trong cõi thấp hơn, có thể cho ra vô số hình khác nhau như hình tam giác vuông góc, hình tam giác có những cạnh bằng nhau, hình tam giác có cạnh không bằng nhau với đủ loại màu sắc và kích thước, nhưng vẫn hội đủ những điều kiện của hình tam giác. Những hình tam giác cụ thể này, mỗi cái có hình dáng xác định riêng biệt của nó. Lời nói không thể diễn tả một cách rõ ràng sự dị biệt về cách hoạt động của tâm thức trong hai vùng của cõi trí. Vì lời nói là biểu tượng của hình ảnh, nó thuộc về sự hoạt động của hạ trí trong não bộ, nên nó hoàn toàn tùy thuộc vào sự làm việc của não bộ. Trong khi ở vùng “vô sắc tướng” thuộc về sự suy luận thuần lý (Pure Reason), nó không bao giờ tác động trong giới hạn chật hẹp của ngôn ngữ.

Cõi trí là cõi phản ảnh Trí Vũ Trụ trong thiên nhiên. Nó là một cõi trong thái dương hệ bé nhỏ của chúng ta, tương xứng với cõi đại trí huệ của càn khôn (Kosmos).^[49] Trong những vùng cao của cõi trí, có mọi tư tưởng khuôn mẫu, hiện nay đang đi lần đến sự tiến hóa cụ thể. Trong những vùng thấp của cõi trí, các tư tưởng ấy được tạo thành những hình thể liên tiếp, để khi đúng lúc, được mô phỏng trở lại ở cõi trung giới và cõi trần. Chất liệu của cõi thượng giới có khả năng kết hợp lại nhau theo nhịp rung động của tư tưởng, và có thể tạo ra mọi tập hợp mà cái trí có thể nghĩ ra. Cũng như sắt có thể làm ra lưỡi cày hay lưỡi gươm để giết hại, chất liệu thể trí có thể được uốn nắn thành những hình tư tưởng để giúp đỡ hay để phá hoại. Những rung động đầy sinh lực của “chủ thể tư tưởng” uốn nắn những chất liệu chung quanh theo ý muốn tạo tác của nó. Trong vùng này, tư tưởng và hành động, ý muốn và việc làm là một; và cùng một thứ. Nơi đây, “vật chất-tinh thần” trở thành kẻ phục dịch dễ sai khiến của sự sống, và nó tự đáp ứng với mỗi xung động tạo tác.

Do sự mau lẹ và thanh nhẹ, những làn rung động đó uốn nắn chất liệu cõi trí thành những hình tư tưởng với những màu sắc tuyệt đẹp, biến đổi không ngừng. Những gợn sóng lóng lánh nhiều màu sắc, như những màu sắc của cầu vồng trong ốc xa cừ, nhưng tinh vi và chói sáng không thể diễn tả được, chúng lướt trên và xuyên qua mọi hình thể. Do đó, mỗi hình thể đều có sự hòa hợp những màu sắc linh động, gợn sóng, chói sáng và thanh bai, có nhiều màu sắc không được biết đến ở cõi trần. Lời nói không thể diễn tả sự mỹ lệ tuyệt vời và sự sáng chói của tập hợp những chất liệu mảnh mai này, chúng đầy sinh lực sống và linh động. Bất cứ ai có khả năng thấy

được, đều xác nhận sự kiện này. Những người Ấn Giáo, Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo nói về vẻ đẹp huy hoàng của nó một cách say mê, và họ thú nhận rằng họ hoàn toàn bất lực trong sự miêu tả nó. Đường như những lời nói, dù khéo léo đến đâu cũng chỉ làm giảm giá trị của nó và làm nó trở nên thô kệch hơn.

Hình tư tưởng đóng một vai trò quan trọng giữa những sinh linh sống, đang hoạt động trên cõi thượng giới. Chúng giống như những hình tư tưởng mà chúng ta đã gặp ở cõi trung giới, nhưng sáng chói, có màu sắc rực rỡ, có sức mạnh, bền dai và tràn đầy sinh lực hơn. Ở người có đức tính trí tuệ cao, những hình tư tưởng đó hiện lên sắc sảo hơn, có chu vi xác định rõ rệt và có khuynh hướng tạo nên những dạng hình học hoàn hảo, với màu sắc và sự trong sáng đặc biệt. Nhưng trong giai đoạn hiện hữu của nhân loại, những hình tư tưởng méo mó và lu mờ lại chiếm số nhiều, chúng là sản phẩm của những thể trí không được huấn luyện của đa số người đời. Tuy nhiên, ở đây, người ta cũng gặp những tư tưởng mỹ thuật rất tốt đẹp. Và không lạ gì nếu nhà họa sĩ, sau khi thoáng thấy lý tưởng mình trong giấc chiêm bao, bức tức vì không thể diễn tả lại được sự mỹ lệ chói sáng bằng những màu sắc lu mờ tại cõi trần.

Những hình tư tưởng được tạo ra bằng tinh hoa chất của cõi ấy. Làn rung động của tư tưởng làm cho tinh hoa chất kết hợp thành hình thể tương xứng, và hình thể này được sống động nhờ có tư tưởng. Như thế, nơi đây chúng ta gặp lại những tinh hoa chất giả tạo, được tạo ra cùng cách thức như ở cõi trung giới. Tất cả những gì mà chúng ta đã đề cập một cách tổng quát về tầm quan trọng của những loài tinh linh giả tạo nơi chương II, đều có thể lặp lại khi nói về chúng trên cõi thượng giới. Nhưng nên lưu ý đến trách nhiệm nặng nề hơn của người tạo ra chúng, vì lẽ các loài tinh hoa tại cõi cao này mạnh mẽ hơn và có cuộc sống dài hơn. Loài tinh hoa chất của cõi thượng giới được Chân Thần tạo ra trong giai đoạn đi xuống, ngay trước khi vào cõi trung giới. Đó là loài tinh hoa thứ nhì ở 4 cảnh thấp của cõi thượng giới (tức cõi hạ thiên). Tại ba cảnh cao của cõi thượng giới (tức cõi thượng thiên), thuộc về cõi “vô sắc tướng” có “loài tinh hoa thứ nhất” trú ngụ. Nơi đây, tư tưởng tạo ra trong loài tinh hoa chất những dòng màu sắc sáng chói lấp lánh như những tia lửa sống động, thay vì có hình dạng cố định. Có thể nói là, loài tinh hoa đang học những bài đầu tiên về sự tác động hỗn hợp, chớ chưa đảm nhận vai trò trong phạm vi giới hạn xác định của hình thể.

Trong cả hai phần chính của cõi thượng giới, có vô số những Bậc Thông Tuệ. Các thể thấp nhất của các Ngài làm bằng chất liệu sáng chói, và tinh hoa chất của cõi

này. Các Ngài là những Đấng chói lòa, rực rỡ, điều khiển sự diễn tiến trật tự trong thiên nhiên. Các Ngài chỉ huy những đoàn tinh linh thấp, như chúng ta đã đề cập đến. Các Ngài phân chia chúng thành 7 loài tinh linh, theo những đẳng cấp, và cai quản chúng.^[50] Như người ta thường tưởng tượng, các Ngài là những Đấng hiểu biết quảng đại, có quyền năng to lớn, và có hình dáng lộng lẫy. Các Ngài chói sáng muôn sắc giống như cầu vồng với những màu sắc phi thường, luôn biến đổi. Các Ngài có hình dáng oai nghi vương giả, biểu lộ một nghị lực an tĩnh, một sức mạnh không gì có thể chống lại. Một nhà tiên tri nổi tiếng của Thiên Chúa Giáo, miêu tả về một vị đại thiên thần như sau: “Trên đầu Ngài có một cầu vồng, mặt Ngài giống như mặt trời, chân Ngài là hai cây cột lửa, giọng nói của Ngài như tiếng nước lớn chảy ào ào, như tiếng vang dội từ những điệu nhạc của vũ trụ.”^[51] Các Ngài điều khiển trật tự thiên nhiên, và chỉ huy các đoàn to lớn của những loài tinh linh trung giới. Do đó mà đội binh của các Ngài tiếp tục không ngừng các công trình của thiên nhiên một cách điều hòa, chính xác.

Ở cõi hạ thiên, người ta gặp nhiều vị đệ tử huyền môn (chelas), đang hoạt động trong thể trí của họ,^[52] khi họ tạm thời rời bỏ lớp áo xác thân. Khi xác thân ngủ mê, thì “chủ thể tư tưởng” hay “con người thật”, có thể thoát ra khỏi nó, không còn bị trở ngại bởi sức nặng của xác thân, để làm việc trên vùng cao này. Từ đây, vị ấy có thể giúp đỡ, an ủi người khác bằng cách tác động trực tiếp lên trí não của họ, cũng như gợi ý những tư tưởng lành, bằng cách đặt trước họ những tư tưởng cao đẹp. Sự trợ giúp này có hiệu quả hơn và mau lẹ hơn khi vị ấy ở trong cái vỏ xác thân. Vị cứu trợ có thể thấy rõ những nhu cầu của họ hơn, và do đó có thể giúp họ một cách hữu hiệu hơn. Giúp đỡ những người huynh đệ đang chiến đấu, cố gắng vươn lên, là một đặc ân và cũng là hạnh phúc lớn nhất của vị đệ tử. Những người được trợ giúp không biết gì về công việc của vị ấy đang nâng đỡ gánh nặng cho họ; và cũng không biết gì về tiếng nói dịu dàng, thì thầm an ủi họ trong cơn đau khổ. Vị cứu trợ âm thầm làm việc, không được ai biết đến, cứu giúp kẻ nghịch với tấm lòng vui vẻ tự tại giống như giúp bạn thân. Vị ấy chia cho người trần thế luồng từ điển ân huệ do các Đấng Thiêng Liêng từ những bầu vũ trụ cao hơn ban xuống. Đôi khi, người ta cũng gặp tại cõi thượng giới này những hình dáng vinh quang của các đấng Chân Sư, dù bình thường các Ngài ngự ở những cảnh cao nhất của cõi thượng giới, tức cõi vô sắc tướng. Những vị cao cả đôi khi xuất hiện nơi cõi thấp này, khi các Ngài cần thực hiện một vài công việc từ bi.

Đối với các Đấng Thông Tuệ hoạt động hữu ý tại cõi này, dù các Ngài có là con người hay không, dù các Ngài đang ở trong hay ngoài xác thân, thì sự liên lạc giữa các Ngài trên thực tế rất mau lẹ, với tốc độ của tư tưởng, không gian không còn là trở ngại ngăn cách; khi một linh hồn muốn liên lạc với một linh hồn khác, thì chỉ cần hướng tư tưởng tới người ấy. Sự liên lạc chẳng những mau lẹ, mà còn hoàn bị, nếu những linh hồn có cùng trình độ tiến hóa. Nơi đây, không sử dụng ngôn ngữ, cho nên không bị những giới hạn của ngôn ngữ làm trở ngại trong việc thông hiểu lẫn nhau. Trọn cả tư tưởng được phóng ra từ người này đến người kia, hay nói đúng hơn là mỗi người đều thấy được tư tưởng của kẻ khác một cách trung thực. Chương ngại thật sự giữa những linh hồn, là sự tiến hóa. Linh hồn ít tiến hóa, chỉ hiểu biết sự việc đến mức độ mà nó có thể đáp ứng được đối với linh hồn tiến hóa cao. Thật ra, chỉ có linh hồn tiến hóa cao mới biết được có sự hạn chế này thôi, vì những sự kiện mà linh hồn ít tiến hóa nhận được đã đầy đủ sức chứa đựng của nó. Linh hồn càng tiến hóa, thì càng nhận thức rõ môi trường chung quanh, và càng đến gần thực tại hơn. Nhưng chúng ta nên nhớ, cõi thượng giới cũng có những tấm màn ảo ảnh, dù ít hơn và mỏng manh hơn tấm màn ảo ảnh của cõi trung giới và cõi trần. Mỗi linh hồn đều có bầu không khí thể trí của riêng nó, và mọi ý tưởng đến linh hồn đều phải đi xuyên qua bầu không khí đó, nên những ý tưởng đều bị biến dạng và nhuộm màu. Bầu không khí càng trong trẻo, tinh khiết thì càng ít bị phạm ngã nhuộm màu hơn, và linh hồn càng ít bị ảnh hưởng của ảo ảnh hơn.

Ba cảnh cao của cõi thượng giới là nơi trú ngụ của chính “chủ thể tư tưởng”, tùy theo cấp bậc tiến hóa mà Ngài ở một trong ba cảnh ấy. Đa số người tiến hóa với nhiều cấp bậc khác nhau, sống nơi cảnh thấp nhất trong ba cảnh ấy. Một số tương đối ít những người trí thức cao ở vào cảnh thứ nhì. Khi nói chủ thể tư tưởng “lên” (ascending) cảnh đó, sự diễn tả này không đúng đối với cõi cao mà chỉ thích hợp với cõi trần, vì khi trong người chứa nhiều chất liệu thanh nhẹ của vùng cao hơn, thì tự nhiên có sự thay đổi nâng cao hơn. Dĩ nhiên không có sự “đi lên”, không có sự đổi chỗ. Chỉ là “chủ thể tư tưởng” tiếp nhận được và có thể đáp ứng lại những làn rung động của chất liệu thanh nhẹ hơn; cũng như có thể tự phát xuất những lực làm rung động một số ít phần tử chất liệu ấy.

Học giả cần quen thuộc với sự kiện là: khi tiến lên trên nấc thang tiến hóa, không có nghĩa là con người dời từ nơi này đến nơi khác, mà chỉ là càng ngày càng có khả năng tiếp nhận được nhiều ấn tượng hơn. Mọi bầu thế giới đều ở chung quanh ta; cõi

trung giới, thượng giới, bồ đề, niết bàn và những thế giới cao hơn nữa, cho đến sự sống của Đấng Thượng Đế tối cao đều ở quanh ta. Chúng ta không cần phải di chuyển để tìm đến những cảnh ấy, vì tất cả đều ở tại đây. Sự bất thụ cảm ngăn trở ta nhiều hơn là khoảng đường hàng triệu dặm. Ta chỉ tri thức điều gì có ảnh hưởng đến ta, điều gì kích thích những rung động đáp ứng nơi ta. Khi ta trở nên thụ cảm hơn, khi ta thu hút vào những chất liệu thanh nhẹ hơn cho sự cấu tạo các thể của ta, thì ta sẽ tiếp xúc được với những thế giới thanh nhẹ hơn. Vậy, khi nói đến sự đi lên từ mức độ này đến mức độ kia, có nghĩa là ta đang dệt y phục bằng những chất liệu thanh nhẹ hơn, nhờ đó ta có thể tiếp xúc với những thế giới thanh cao hơn. Điều này còn có nghĩa sâu xa hơn, đó là những quyền năng thiêng liêng trong chân ngã ẩn dưới những lớp y phục này đang được thức tỉnh, đi từ trạng thái tiềm tàng đến trạng thái tích cực, và phát ra ngoài những làn rung động thanh nhẹ của sự sống.

Bây giờ chủ thể tư tưởng đã đến giai đoạn hoàn toàn tri thức những gì chung quanh mình, và có khả năng nhớ được những gì xảy ra trong quá khứ. Ngài biết được những thể mà Ngài đang mang, và xuyên qua những thể đó, Ngài có thể tiếp xúc với những cõi thấp, cũng như có thể ảnh hưởng và hướng dẫn những thể thấp trong một số lớn sự việc. Ngài thấy những nỗi khó khăn, những trở ngại sắp xảy đến, đó là kết quả của lối sống buông thả trong những kiếp trước. Ngài truyền năng lực vào những thể thấp, để những thể này chuẩn bị tốt hơn cho công việc của chúng. Đôi khi, sự hướng dẫn của Ngài được tâm thức thấp (the lower consciousness) cảm biết như là một sức mạnh bắt buộc, thúc đẩy phải hành động theo đường lối của nó mà không biết lý do, vì tầm nhìn lò mờ của thể vía và thể trí. Nhiều người đã làm nên việc vĩ đại, họ còn để lại bằng chứng rằng ý thức của họ đã được nâng cao bởi một sức mạnh bên trong, nó chi phối hành động của họ theo “con người thật.” “Chủ thể tư tưởng” hay con người bên trong, hoạt động một cách hữu ý xuyên qua các thể, mà những thể này đã làm tròn vai trò một cách thích hợp như là những dẫn thể của linh hồn. Khi tiến hóa khá hơn, tất cả chúng ta đều sẽ đạt được những quyền năng cao cả đó.

Cảnh thứ ba của cõi thượng thiên^[53] là nơi ngụ của “chân ngã” các Chân Sư, và các đệ tử đã được điểm đạo của các Ngài. Những thể của các Ngài được cấu tạo phần lớn bằng chất liệu nơi cảnh ấy. Từ thế giới của những năng lực trí huệ tinh diệu nhất này, các vị Chân Sư thực hiện công việc lợi ích cho nhân loại, bằng cách cho tuôn tràn xuống các cõi dưới những lý tưởng cao siêu, tư tưởng khích lệ, cảm hứng sùng kính

và tất cả những nguồn lực tinh thần và trí tuệ để giúp đỡ con người. Nguồn lực này phát ra như những tia đi khắp mọi hướng, và những linh hồn nào cao quý và trong sạch, đều có thể tiếp nhận trọn vẹn ảnh hưởng trợ giúp này. Một khám phá mới vụt loé lên trong trí của nhà thông thái đang nhận sự thâm nhập những bí ẩn của thiên nhiên; một âm điệu mới rót vào tai của nhà đại nhạc sĩ; một giải đáp cho vấn đề được nghiên ngẫm từ lâu, làm soi sáng tâm trí của nhà triết học cao thượng; một nghị lực mới của tình thương và hy vọng đến sưởi ấm lòng nhà từ thiện nhiệt tình. Trong lúc đó, con người tưởng mình bị bỏ rơi, không ai giúp đỡ, mặc dù họ thường phát biểu: “tư tưởng đó nảy sinh trong trí tôi,” “ý niệm này đến với tôi,” “khám phá ấy loé ra trong trí tôi.” Điều đó chứng tỏ một cách vô thức rằng, có những chân lý mà chân ngã của họ đã biết, trong khi mắt phàm của họ không thấy được.

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu “chủ thể tư tưởng” và những lớp áo của nó, khi nó xuống cõi trần. Thể của tâm thức khi xuống 4 cảnh thấp của cõi trí, bị điều kiện hóa và được cấu tạo do sự kết hợp của chất liệu ở những cảnh thấp này, ở đây nó được gọi là thể trí. Khi con người sắp sửa đầu thai, thì “chủ thể tư tưởng” (tức cá tính hay linh hồn con người) phát ra những làn rung động chứa năng lực. Những làn rung động này thu hút chung quanh các chất liệu lấy từ bốn cảnh thấp của cõi trí, tạo thành lớp áo cho nó. Theo luật tự nhiên, chất liệu được thu hút đó có cùng bản chất với làn rung động đã được phát ra. Yếu tố thanh nhẹ đáp ứng với làn rung động mau lẹ, và hình thể được tạo thành do sự tác động của những làn rung động này. Tương tự như thế, yếu tố thô kệch hơn đáp ứng với làn rung động chậm chạp. Như một sợi dây kim khí sẽ phát ra một nốt nhạc đồng cảm với một số rung động phát ra từ một sợi dây kim khí khác có trọng lượng và độ căng tương tự với nó; nhưng nó sẽ giữ yên lặng giữa một hợp xướng với những nốt phát ra từ những sợi dây kim khí dị biệt. Như thế, những chất liệu dị biệt được phối hợp nhau để đáp ứng với những loại rung động khác nhau. Tùy theo những rung động được phát ra từ chủ thể tư tưởng, sẽ tạo ra loại bản chất của thể trí. Thể trí ấy được gọi là “thể hạ trí” (the lower Manas), vì nó là “chủ thể tư tưởng” ẩn trong lớp y phục làm bằng chất liệu ở những cảnh thấp của cõi trí, theo điều kiện thích hợp cho những hoạt động tương lai. Những năng lượng quá thanh nhẹ của “chủ thể tư tưởng” không thể lay chuyển hay đáp ứng với chất liệu ở cảnh thấp này, và không thể biểu lộ xuyên qua nó. Vì vậy, sự biểu lộ của chủ thể tư tưởng bị thể hạ trí gò bó, giới hạn. Đó là nhà tù thứ nhất giam hãm nó trong kiếp sống trần gian. Bao giờ năng lực của chủ thể tư tưởng vẫn còn tác động trong đó, thì hiếm

khi nó có thể thông đồng được với cõi giới cao hơn của chính nó. Vì nó chú ý vào năng lực hướng ngoại, và đời sống của nó hướng vào thể hạ trí, thể này thường được gọi là: y phục, lớp vỏ, hay dẫn thể, hoặc bất cứ sự diễn tả nào cho thấy chủ thể tư tưởng không phải là thể trí, mà chính nó tạo ra thể trí để có thể biểu lộ càng nhiều càng tốt trong vùng thấp của cõi thượng giới.

Chúng ta nên nhớ, năng lực của “chủ thể tư tưởng” tiếp tục sự phát triển ra bên ngoài, sẽ thu hút chung quanh chất liệu thô kệch hơn của cõi trung giới để tạo thành thể vía của nó. Trong suốt thời gian tái sinh, năng lực biểu lộ qua những chất liệu thấp của thể trí, sẵn sàng thay đổi thành những rung động chậm chạp hơn, để đáp ứng với chất liệu thể vía. Như thế, thể vía và thể trí luôn luôn rung động đồng nhịp với nhau, và chúng nó đan kết nhau rất khít khao. Những chất liệu cấu tạo nên thể trí càng thô kệch chừng nào, thì nó càng kết hợp chặt chẽ với thể vía nhiều chừng ấy, vì vậy đôi khi chúng nó được xem như là một thể duy nhất.^[54] Khi nghiên cứu đến sự luân hồi thì chúng ta sẽ thấy, sự kiện này có một tầm quan trọng chính yếu.

Tùy theo giai đoạn tiến hóa, mà con người có loại thể trí thích hợp khi đi đầu thai lại. Cũng giống như đối với thể vía, chúng ta khảo sát thể trí của ba hạng người khác nhau: (a) Hạng người chưa tiến hóa, (b) Hạng người tiến hóa trung bình, và (c) Hạng người tiến hóa cao về tinh thần.

a) Ở người chưa tiến hóa thì thể trí không rõ ràng, vì nó được cấu tạo bởi một số lượng nhỏ chất liệu của cõi trí, không được sắp xếp thứ tự. Chất liệu ấy, phần lớn được rút ra từ những cảnh thấp nhất của cõi trí. Nó gần như hoàn toàn chịu ảnh hưởng từ những thể thấp; sự thay đổi mạnh của thể vía khi tiếp xúc với những đối tượng vật chất xuyên qua giác quan, tạo ra bên trong hạ trí những làn rung động yếu ớt. Ngoại trừ khi nó bị kích thích bởi những rung động của thể vía, nó gần như bất động; và dù bị kích thích, nó cũng đáp ứng lại một cách chậm chạp. Không có một hoạt động rõ rệt nào tự nó phát ra, cần phải có những va chạm từ bên ngoài khơi dậy sự đáp ứng của nó. Sự va chạm càng mạnh chừng nào, thì càng giúp cho con người tiến triển chừng ấy, vì mỗi rung động đáp ứng thúc đẩy sự phát triển của hạ trí trong thời kỳ phôi thai. Những cuộc vui chơi ồn ào, con giận dữ, lòng bông bột, sự đau đớn, nỗi sợ hãi, tất cả những đam mê này đều tạo ra những cơn trốt mãnh liệt trong thể vía, đánh thức làn rung động yếu ớt trong thể trí. Những làn rung động này dần dần kêu gọi hoạt động tâm thức thể trí, thêm vào với những ấn tượng thu thập từ bên ngoài.

Ta thấy, thể hạ trí xen lẫn khít khao với thể vía, chúng cùng tác động như là một thể duy nhất. Những khả năng của hạ trí vừa mới phát triển ấy, làm mạnh thêm tính chất và sức mạnh những đam mê của thể vía khi chúng tác động thuần thú tính. Những ấn tượng tạo ra, tác động nơi thể trí, còn lưu lại lâu dài hơn là ấn tượng trên thể vía, và chúng được lặp lại một cách hữu thức bởi thể trí. Nơi đây, khởi sự có ký ức và quan năng tưởng tượng, quan năng này dần dần phát triển theo khuôn khổ hình ảnh bên ngoài, tác động lên chất liệu thể trí và tạo thành những vật thể giống như chúng. Những hình ảnh đó sinh ra do sự va chạm của giác quan, và thu hút chung quanh chất liệu thô kệch nhất của thể trí. Những năng lực mới phát triển của tâm thức mở phòng và tích chứa những hình ảnh này, để bắt đầu kích thích hành động phát xuất từ bên trong. Do từ ý muốn kinh nghiệm trở lại, xuyên qua những cơ quan bên ngoài, những làn rung động đã đưa đến thích thú, và tránh những làn rung động đưa đến đau khổ.

Bấy giờ, thể hạ trí bắt đầu kích thích thể vía, làm sống lại những dự vọng, mà trong kiếp thú chúng còn ngủ yên nếu không bị đánh thức bởi những kích thích vật chất. Do đó, ta thấy người kém tiến hóa không ngừng tìm kiếm sự thỏa mãn giác quan, mà thú vật không thể có, như sự thèm khát, tàn nhẫn, mưu mô mà loài thấp hơn không biết được. Những năng lực tư tưởng vừa mới phôi thai, đeo theo phục vụ cho cảm giác, làm cho người ấy trở thành con thú dã man và nguy hiểm hơn bất cứ một thú vật nào khác. Những năng lực mạnh và thanh nhuyễn hơn -- bản chất của "vật chất-tinh thần" thể trí -- cung cấp năng lượng và đem lại sự xảo quyết cho bản tính đam mê, mà ta không thấy ở giới cầm thú. Nhưng những điều thái quá này sẽ đưa đến sự tự sửa chữa, do hậu quả đau khổ mà chúng gây ra. Kinh nghiệm đau buồn tác động đến tâm thức và tạo ra hình ảnh mới, trong đó có sự tác động của trí tưởng tượng. Những điều này thúc đẩy tâm thức chống lại rung động từ bên ngoài xuyên qua thể vía, và khởi sự tác động ý chí để kèm chế đà đam mê, không để cho nó tự do. Những làn rung động đối kháng này một khi tác động, sẽ thu hút vào thể trí những tập hợp chất liệu thanh nhẹ hơn của cõi trí, và đồng thời loại ra khỏi thể trí những tập hợp thô kệch có khuynh hướng đáp ứng những đam mê của thể vía.

Thể trí phát triển là nhờ ở sự đối kháng giữa những làn rung động sinh ra bởi các hình ảnh đam mê và những làn rung động trái nghịch, do sự hồi tưởng lại những kinh nghiệm khổ đau trong quá khứ. Thể trí bắt đầu được sắp xếp rõ rệt, và càng ngày càng chủ động hơn đối với những sinh hoạt bên ngoài. Trong khi đời sống thể gian

dùng để góp nhặt kinh nghiệm, thì đời sống trung gian dùng để đồng hóa chúng, như ta sẽ thấy chi tiết ở chương sau. Vì thế, mỗi lần trở lại trần gian, “chủ thể tư tưởng” đều có những khả năng tích trữ nhiều hơn, để tạo ra thể trí của mình. Do đó, người chưa tiến hóa là người có trí khôn làm nô lệ cho đam mê. Khi tiến hóa khá hơn một chút, trí khôn của họ như một bãi chiến trường, nơi đây, đam mê và năng lực của trí khôn chiến đấu nhau, với sức mạnh tương đương, nên có lúc thắng lúc bại. Nhưng con người sẽ tiến hóa hơn và dần dần sẽ chủ trị được bản tính thấp hèn của mình.

b) Ở người tiến hóa trung bình, thể trí nảy nở lớn hơn, và sắp xếp ngăn nắp hơn. Nó được cấu tạo bởi một tỷ lệ quân bình giữa những chất liệu rút ra từ cảnh thứ hai, thứ ba và thứ tư của cõi trí. Đến đây, thích hợp cho việc nghiên cứu định luật tổng quát về sự cấu tạo và sự biến đổi của thể trí. Ta đã biết, cũng chính nguyên lý ấy tác động nơi những vùng thấp hơn, như cõi trung giới và cõi trần. Sự thực hành làm tăng trưởng, sự bất động làm thoái hóa và cuối cùng đưa đến hủy hoại. Mỗi sự rung động đều làm biến đổi những cơ cấu của thể trí, loại ra ngoài chất liệu không đồng nhịp, và thay vào bằng chất liệu thích hợp rút ra từ kho tàng bất tận của môi trường chung quanh. Những loạt rung động càng được lặp đi lặp lại, thì phần thể trí chịu ảnh hưởng càng được nảy nở. Nơi đây, ta cũng ghi nhận là sự tác động một cách quá mức của những năng lực tư tưởng sẽ làm tổn hại thể trí. Sự sử dụng những năng lực đó một cách sai quấy, sẽ làm cho thể trí phát triển không điều hòa, mất thăng bằng. Thành phần nào của thể trí được lực tác động nhiều thì phát triển nhiều; còn những thành phần khác, cũng quan trọng không kém, lại không được phát triển. Thể trí lý tưởng là thể trí phát triển toàn diện, điều hòa và cân đối. Muốn được vậy, chúng ta cần phải tự quán xét trong an tịnh, và định hướng rõ ràng từ phương tiện cho đến kết quả.

Thông hiểu được qui luật này, chúng ta có thể giải thích được vài điều kinh nghiệm thông thường và có hy vọng tiến hóa nhanh hơn. Khi mới bắt đầu học một điều mới mẻ, hoặc cuộc sống khởi sự thay đổi theo chiều hướng đạo đức thanh cao, thì phải đối diện với nhiều sự khó khăn; đôi khi cố gắng cũng không vượt qua được những chướng ngại trên đường đưa đến thành công. Lúc bắt đầu làm một việc gì thuộc về trí thức, thì toàn thể cơ chế tự động của thể trí chống đối lại việc làm đó, vì những chất liệu của thể trí đã quen rung động theo một chiều hướng đặc biệt nào, nên không thích ứng với những rung động mới. Trong giai đoạn đầu, có sự tiêu phí năng lực mà không tạo ra được rung động tương xứng ở thể trí. Nhưng sự phí sức này là điều cần thiết mở đầu, vì nó có khuynh hướng làm lung lay để loại bỏ những chất liệu

cũ không thích hợp trong thể trí, và thu hút vào những loại chất liệu đồng nhịp. Trong suốt tiến trình này, con người không nhận thấy có tiến bộ nào cả; mà chỉ thấy hao tổn công sức, và sự chống đối tiêu cực mà họ gặp phải. Nhưng nếu bền chí trong một thời gian, những chất liệu mới được thu hút vào khỏi sự tác động, con người sẽ thành công hơn trong những cố gắng của họ. Sau hết, khi tất cả chất liệu cũ đã được loại ra, và chất liệu mới hoạt động, thì con người đạt được thành công không cần phải cố gắng quá sức, và lý tưởng của họ được thực hiện. Giai đoạn đầu tiên là thời gian trọng yếu nhất, nhưng nếu con người tin tưởng vào định luật, tin chắc nó tác động đúng đắn cũng như tất cả các định luật khác trong thiên nhiên; thêm vào sự bền chí, cố gắng, thì chắc chắn phải thành công. Hiểu biết được sự kiện này có thể làm cho con người được khích lệ; nếu không, họ sẽ có khuynh hướng ngã lòng, nản chí.

Như thế, ta hiểu tại sao người tiến hóa bậc trung có thể tiếp tục cố gắng, họ hoan hỉ mà nhận thấy rằng: khi càng kiên trì chống lại những đòi hỏi của bản tính thấp hèn, thì chúng càng mất ảnh hưởng đối với họ, vì họ đã loại ra khỏi thể trí các chất liệu có thể đáp ứng với làn rung động thấp kém. Rồi thể trí dần dần chỉ còn chứa đựng những tập chất thanh nhẹ của bốn cảnh thấp cõi trí, lúc ấy nó trở nên chói sáng và có hình dáng tuyệt đẹp; đó là thể trí của người tiến hóa về tinh thần.

c) Ở người tiến hóa về tinh thần, tất cả những tập chất thô kệch của thể trí đều bị loại ra, do đó mà đối tượng của cảm giác không còn tìm được chất liệu có thể đáp ứng một cách tương xứng với chúng, cũng giống như trường hợp của thể vía. Thể trí của người tiến hóa về tinh thần chỉ chứa đựng những hợp chất thanh nhẹ của bốn cảnh cõi hạ trí, và chất liệu của cảnh thứ ba và thứ tư chiếm đa số đối với chất liệu của cảnh thứ nhì và thứ nhất. Do đó mà nó dễ đáp ứng với mọi hành vi trí thức cao thượng, mọi cảm giác tế nhị của mỹ thuật và mọi sự rung cảm thanh khiết của tình cảm cao nhã. Trong một thể trí như thế, “chủ thể tư tưởng” có thể biểu lộ một cách hoàn toàn hơn nơi vùng thấp của cõi thượng giới, cũng như nơi cõi trung giới và cõi trần. Chất liệu của thể trí đó có khả năng đáp ứng với tần rung động rộng lớn; những rung động từ cõi cao xuống uốn nắn nó thành một quan năng cao quý hơn và thanh nhẹ hơn. Thể trí như thế sẵn sàng tạo lại những rung động từ “chủ thể tư tưởng” đưa xuống, và có khả năng biểu lộ ở những cảnh thấp của cõi trí. Dần dần nó sẽ trở thành một dụng cụ hoàn hảo cho những hoạt động nơi vùng thấp của cõi trí.

Hiểu rõ về bản chất của thể trí, có thể sửa đổi rất nhiều nền giáo dục hiện đại, và thể trí sẽ trở nên hữu dụng cho “chủ thể tư tưởng” hơn. Những đặc tính tổng quát của thể trí có được là do những kiếp trước ở cõi trần của “chủ thể tư tưởng”, ta sẽ hiểu rõ hơn khi nghiên cứu về luân hồi và nhân quả. Thể trí được tạo ra tại cõi thượng giới và chất liệu làm ra nó tùy thuộc ở đức tính của “chủ thể tư tưởng” đã tích trữ do kinh nghiệm quá khứ. Tất cả những gì mà giáo dục có thể làm được là kích thích từ bên ngoài, để vừa đánh thức những khả năng hữu ích đã có sẵn của chủ thể tư tưởng, vừa làm suy yếu và xóa bỏ những tật xấu. Mục đích của nền giáo dục chân chính là kêu gọi sự nảy nở những khả năng bẩm sinh, chớ không phải là dồn những dữ kiện vào trí óc. Ký ức không cần được trau dồi như là một quan năng riêng biệt, vì nó tùy thuộc vào sự chú ý, nghĩa là sự tập trung kiên định của cái trí về một vấn đề đang nghiên cứu, và sự hấp dẫn tự nhiên của cái trí đối với vấn đề. Nếu là vấn đề hấp dẫn đối với thể trí, tức là nó có khả năng về vấn đề đó, do sự chú tâm, trí nhớ không mất đi. Cho nên, giáo dục là cần phải trau dồi thói quen định trí cho vững vàng, cũng như sự chú ý bền dai; và cũng phải hướng đến những khả năng thiên phú của học sinh.

Bây giờ, chúng ta hãy sang qua cảnh “vô sắc tướng” của cõi thượng giới, là quê hương thật sự của con người, trong suốt chu kỳ luân hồi. Chính đây là nơi con người được sinh ra, một linh hồn bé nhỏ, một chân ngã sơ sinh, một cá thể còn phôi thai, khi con người khởi sự tiến hóa theo hàng nhân loại thuần túy.^[55]

Chủ thể tư tưởng tức chân ngã, có hình bầu dục, do đó mà bà H. P. Blavatsky gọi thể thượng trí này là “Noãn Hào Quang” (Auric Egg), nó vẫn tồn tại xuyên qua tất cả những kiếp luân hồi. Nó được cấu tạo bằng chất liệu của ba cảnh cao của cõi thượng giới, nên nó rất tinh vi, tuyệt diệu. Khi vừa mới thành hình, nó như một tấm màn the hết sức thanh nhẹ. Dần dần theo đà phát triển, nó trở thành một vật sáng chói, đầy vẻ vinh quang và mỹ lệ tuyệt vời; một thể chói sáng, đúng như tên gọi.^[56]

Vậy “chủ thể tư tưởng” này là ai? Như đã nói, Ngài là “cái Ngã thiêng liêng” (divine Self), bị hạn chế và bị cá tính hóa trong một hình thể thanh nhẹ; cấu tạo bằng chất liệu rút ra từ vùng “vô sắc tướng” của cõi trí. Chất liệu này bao chung quanh tia sáng từ cái Ngã thiêng liêng, một tia sáng sống động của ánh sáng duy nhất và của sự sống vũ trụ. Chất liệu này cô lập tia sáng với Nguồn Cội của nó, do sự liên hệ của nó đối với thế giới bên ngoài. Tia sáng ấy được bao bọc trong một cái vỏ mỏng manh của chính nó, và trở thành “một cá nhân”. Sự sống trong “cá nhân” ấy là sự sống của đức

Thượng Đế. Nhưng mọi năng lực của Sự Sống đó đều ở trong trạng thái tiềm ẩn và bị che lấp. Nơi đây, mọi sự vật đều có khả năng tiềm tàng của sự nảy mầm, cũng như cây nằm trong mầm bé nhỏ của hạt vạ. Hạt này được gieo trong mảnh đất của kiếp sống con người, để cho sức tiềm tàng của nó được hoán khởi dưới ánh nắng tươi vui và mưa buồn đổ lệ, để được nuôi dưỡng bởi nước, từ mảnh đất của sự sống, mà ta gọi là kinh nghiệm, cho đến khi nào mầm kia nảy nở thành một cái cây hùng vĩ; đó là hình ảnh của Đấng đã tạo ra nó.

Sự tiến hóa của con người là sự tiến hóa của “chủ thể tư tưởng”. Con người khoác lấy các thể tại cõi hạ thiên, trung giới và hồng trần, để dùng chúng xuyên qua kiếp sống tại cõi trần, trung giới và hạ thiên, rồi lần lượt vứt bỏ chúng qua nhiều giai đoạn của chu kỳ sống, khi mà con người đi từ cõi này đến cõi kia. Nhưng ở mỗi cõi, con người tích trữ những kết quả mình đã gặt được nhờ sự sử dụng các thể. Thoạt tiên, con người ít có tri thức, giống như xác thân của một em bé. Con người hình như chìm đắm trong giấc ngủ từ kiếp này sang kiếp khác, cho đến khi những kinh nghiệm từ bên ngoài lay động, đánh thức một vài năng lực tiềm tàng để chúng hoạt động. Rồi dần dần con người dự phần càng ngày càng nhiều trong việc hướng dẫn cuộc sống của mình. Đến khi trưởng thành, con người nắm lấy trong tay đời sống của mình; và ngày càng kiểm soát nhiều hơn vận mạng tương lai của mình.

Thể trường tồn với tâm thức thiêng liêng tạo ra “chủ thể tư tưởng”; phát triển hết sức chậm chạp. Nó được gọi với cái tên kỹ thuật là “nhân thể” (the causal body), vì nó gom góp kết quả của tất cả những kinh nghiệm, và những kinh nghiệm này tác động như là những nguyên nhân làm khuôn mẫu cho kiếp tương lai. Chỉ có nhân thể là một thể trường tồn trong các thể của con người qua những kiếp luân hồi. Thể trí, thể vía và thể xác đều được đổi mới mỗi lần con người đầu thai. Mỗi thể, tới phiên nó phải tan rã, đều trao cho thể cao kế đó mùa gặt hái của nó. Và tất cả mùa gặt hái đều được tích lũy trong thể trường tồn. Khi chủ thể tư tưởng đầu thai trở lại, nó phóng năng lực dự trữ từ các mùa gặt hái đến mỗi cõi kế tiếp. Rồi chủ thể tư tưởng thu hút chung quanh mình chất liệu để tạo ra những thể mới, thích hợp với những kinh nghiệm quá khứ. Sự phát triển của chính nhân thể, rất chậm chạp như đã nói, vì thể này chỉ rung động đáp ứng lại những xung lực có thể được biểu lộ nơi chất liệu rất tinh vi cấu tạo ra nó, chỉ những làn rung động đó mới dệt thành nhân thể. Như thế, đăm mê đóng một vai trò quan trọng trong giai đoạn đầu tiến hóa của nhân loại, không thể tác động trực tiếp đến sự phát triển của nhân thể. Chủ thể tư tưởng chỉ

đồng hóa được những kinh nghiệm nào mà sự rung động của nhân thể có thể lặp lại được. Những kinh nghiệm đó phải thuộc về vùng lý trí, và có đặc tính trí tuệ hay đạo đức cao thượng. Bằng không, chất liệu thanh nhẹ của nhân thể không thể nào đáp ứng bằng sự rung động tương xứng với nó được. Với một chút suy nghĩ, ai cũng thấy rằng đời sống mỗi ngày của mình có rất ít chất liệu hữu dụng cho sự phát triển cái thể cao quý đó, vì vậy sự tiến hóa rất chậm chạp. Khi chủ thể tư tưởng có được nhiều năng lực hơn để đưa ra trong mỗi kiếp kế tiếp, thì sự tiến hóa sẽ được thúc đẩy mau lẹ hơn.

Cứ mãi làm ác là đi ngược với “nhân thể”, điều này không những làm chậm sự phát triển của nó mà còn gây nhiều tai hại. Hình như sự cố ý duy trì điều ác khiến cho con người không còn khả năng đáp ứng với những làn rung động tốt. Do đó mà sự tiến triển bị trì trệ trong một thời gian rất dài, sau khi đã từ bỏ việc ác. Nhân thể chỉ có thể bị làm tổn hại trực tiếp do điều ác thuộc về trí thức cao và tinh vi, hay là một “tội ác tâm linh” (spiritual evil) được đề cập trong những thánh kinh trên thế giới. Cũng may, trường hợp đó rất hiếm, hiếm như là một “điều thiện tâm linh” (spiritual good). Hai trường hợp đó chỉ xảy ra ở những người tiến hóa cao, dù họ thuộc chánh đạo hay tà đạo.^[57]

Chỗ cư trú của “chủ thể tư tưởng” hay “con người trường tồn” là cảnh thứ năm cõi thượng giới, tức cảnh thấp nhất của vùng vô sắc tướng cõi thượng giới. Đa số nhân loại đều ở tại đó; họ vừa mới thức tỉnh, và còn trong thời kỳ ấu trĩ của đời sống. Ý thức của chủ thể tư tưởng phát triển một cách chậm chạp, theo năng lực tác động ở các cõi dưới để góp nhặt kinh nghiệm, những kinh nghiệm quý báu sau mùa gặt hái của một kiếp người. Con người vĩnh cửu, hay “chân ngã cá tính” này là con người thực sự, đang thủ diễn vai trò trong mỗi thể mà nó khoác lên mình. Chính sự hiện diện của chân ngã cá tính đó làm ta có cảm tưởng rằng cơ thể và tâm trí là “ta”. Cái “ta” tự nó là tâm thức, do ảo ảnh, nó đồng hóa với thể thấp mà nó đã cung cấp năng lực sống. Đối với người ham thích cảm giác, cái “ta” là xác thân và bản chất dục vọng, họ dùng hai thể đó để hưởng vui thú, và nghĩ rằng hai thể đó là chính họ, vì họ sống trong chúng. Đối với người thông thái, cái “ta” là trí khôn, vì họ tìm thấy niềm vui trong khi làm việc bằng trí não, và cuộc sống của họ tập trung vào trí khôn đó. Một số ít người có thể vượt lên những cao độ trừu tượng của triết lý tinh thần, và cảm thấy được “con người vĩnh cửu” mới thật là “Ta”, với ký ức đi từ những kiếp quá khứ, và hy vọng trải dài đến những kiếp tương lai. Các nhà sinh lý học nói rằng, nếu ngón tay ta bị đứt,

ta cảm thấy đau, nhưng cái đau thực sự chẳng phải nơi máu chảy, mà là ở não bộ, rồi trí tưởng tượng đưa sự đau đớn đó đến chỗ bị đứt, vậy cảm giác đau ở ngón tay bị đứt là một ảo ảnh. Vì vậy, có người vẫn cảm thấy đau ở cánh tay đã bị cắt mất từ lâu, hay nói đúng hơn, là nơi khoảng không gian mà cánh tay đã chiếm lúc chưa bị cắt. Tương tự như vậy, cái “ta” duy nhất là “con người bên trong” cảm thấy đau khổ hay vui sướng ở tại các lớp vỏ (các thể thấp) bao bọc nó tại điểm giao tiếp với ngoại giới; và cảm thấy lớp vỏ là mình. Họ không biết cảm giác đó chỉ là một ảo tưởng, mà họ là kẻ tác động, là chủ thể kinh nghiệm ẩn trong mỗi lớp vỏ.

Với sự hiểu biết này, bây giờ chúng ta hãy xem xét mối liên quan giữa thượng trí và hạ trí và sự tác động của chúng lên não bộ. Cái trí, Manas, hay “chủ thể tư tưởng” là một, và là cái “Ngã” trong nhân thể, nó là nguồn năng lượng vô biên và cũng là nguồn của vô số loại rung động được phóng ra bên ngoài. Những làn rung động nào thanh cao nhất và tinh vi nhất đều biểu lộ trong chất liệu của nhân thể, nó là thể duy nhất, khá tinh vi, khả dĩ đáp ứng được với loại rung động đó mà thôi. Chúng ta gọi những làn rung động thanh cao nhất và tinh vi nhất này là “thuần lý” (Pure Reason). Tư tưởng của nó thì trừu tượng, phương pháp để đạt sự hiểu biết là “trực giác”. Chính bản tính của nó là sự hiểu biết, nó nhận thức chân lý một cách trực tiếp và phù hợp với chính nó.

Những làn rung động ít tinh vi hơn phát ra ngoài, thu hút chất liệu ở vùng thấp của cõi trí, để tạo thành thể hạ trí (lower manas, lower mind). Những năng lực thô kệch hơn biểu lộ trong chất liệu đậm đặc làm ra hạ trí, những gì mà ta gọi là trí khôn, nó bao gồm: lý trí, sự xét đoán, trí tưởng tượng, sự so sánh, cùng những khả năng trí thức khác. Tư tưởng của nó là cụ thể, và phương pháp của nó là luận lý (logic); nó tranh luận, suy lý, phán đoán. Những làn rung động này, tác động qua chất liệu trung giới, lên não bộ của thể phách, từ đó tác động lên não bộ thô kệch của xác thân. Nơi đây, chúng tạo ra làn rung động nặng nề, chậm chạp, là sự lặp lại những rung động của chính chúng nó. Những làn rung động này nặng nề, chậm chạp vì năng lực mất đi nhiều linh động, khi nó phải làm chuyển động loại vật chất nặng nề hơn. Sự đáp ứng yếu ớt này xảy ra mỗi khi làn rung động phát sinh từ nơi thanh nhẹ đến nơi nặng trọc hơn; điều này không lạ gì đối với những người đã học môn vật lý. Quý vị đánh chuông trong không khí, tiếng chuông vang lên rõ rệt. Khi ta đánh chuông trong khinh khí (hydrogen) và để khinh khí nổi lên những làn sóng rung động, quý vị sẽ thấy tiếng chuông nhỏ đi nhiều. Cũng thế, những tần số rung động mau lẹ và tinh vi

của tư tưởng trở nên yếu và chậm chạp khi được não bộ tiếp nhận. Đó là tất cả những gì mà đại đa số nhân loại biết về “tâm thức” của họ.

Cái trí tác dụng xuyên qua “tâm thức” hồng trần là một điều rất quan trọng, vì lẽ tâm thức đó là trung gian duy nhất mà chủ thể tư tưởng có thể gạt hái được những kinh nghiệm để tiến hóa. Khi tâm thức hồng trần chạy theo và bị chế ngự bởi đam mê phóng dăng, thì không có gì cung cấp cho linh hồn, nên nó không thể tiến bộ được. Khi tâm thức ấy hoàn toàn chuyên chú vào những sinh hoạt trí thức liên hệ đến thế giới bên ngoài, thì nó chỉ kêu gọi được những năng lực thấp của chủ thể tư tưởng. Chỉ khi nào chủ thể tư tưởng có thể ảnh hưởng và làm cho tâm thức hồng trần cảm biết được mục đích thực của đời sống, thì nó mới bắt đầu lo tròn trách nhiệm có giá trị nhất của nó, là gạt hái những gì có thể kích động và nuôi dưỡng các năng lực cao nhất của con người. Trên đường phát triển, chủ thể tư tưởng càng ngày càng ý thức những quyền năng tự nhiên của chính nó, và cũng ý thức những tác dụng của năng lực ở các cõi dưới, nơi những thể thấp bao bọc nó. Kế đó, nó bắt đầu cố gắng ảnh hưởng đến những thể này, và dùng ký ức của quá khứ để hướng dẫn ý chí. Những cảm tưởng, mà ta gọi là “luồng tâm” (conscience) là những điều liên quan đến đạo đức, và “ánh sáng của trực giác” là những điều soi sáng trí khôn. Khi hai thứ cảm tưởng này xảy ra khá liên tục trong cuộc sống thường ngày, thì đó là “thiên tài” (genius).

Sự tiến hóa cao của chủ thể tư tưởng biểu thị bằng việc gia tăng chủ trị các thể thấp, bằng sự tăng cường sức nhạy cảm của các thể thấp đối với ảnh hưởng của nó, và đóng góp càng ngày càng nhiều cho sự tiến hóa của linh hồn. Những người quyết tâm hợp tác trong sự tiến hóa này, thì phải cố gắng liên tục luyện tập hạ trí và bản chất đạo đức của mình theo phương pháp đúng đắn. Thói quen suy nghĩ an tịnh, kiên trì và theo thứ tự nối tiếp nhau hướng về những vấn đề không thuộc thể tục trong khi học hỏi hoặc tham thiền, làm mở mang thể trí, để nó trở thành một dụng cụ tốt. Cố gắng trau giồi tư tưởng trừu tượng cũng hữu ích, nó sẽ nâng cao hạ trí đến thượng trí, và thu hút vào thể trí những chất liệu thanh nhẹ nhất của cõi hạ thiên. Nhờ những phương pháp tương tự như vậy, tất cả mọi người đều có thể cộng tác một cách đặc lực trong sự tiến hóa của chính họ, mỗi bước tiến lên làm cho những bước kế tiếp được mau lẹ hơn.

Không một cố gắng nào, dù nhỏ nhất, bị mất đi. Mỗi cố gắng đều đưa đến kết quả, và mỗi kết quả này đều được thu thập và đưa vào trong, tích trữ ở “kho tàng châu báu” của nhân thể để dùng về sau. Mặc dù chậm chạp, và ngập ngừng, sự tiến hóa cứ tiếp tục đi tới mãi, và sự sống thiêng liêng luôn luôn nảy nở trong mỗi linh hồn, dần dần chinh phục mọi sự vật.

CHƯƠNG V

CÔI TRỜI CHÂN PHÚC

(Devachan)

Trong danh từ Thông Thiên Học, Devakhan là một tên để chỉ cõi trời, nếu dịch theo văn tự, thì nó có nghĩa là chói sáng, hay nơi của các vị Thiên Thần.^[58] Nó là một phần được bảo vệ trong cõi thượng giới, nơi đó tất cả những đau khổ và hung ác đều được loại trừ bởi các Đấng sáng suốt tinh thần cao cả lãnh đạo sự tiến hóa của nhân loại. Chính nó là nơi trú ngụ của nhân loại đã bỏ thể xác và vía, sau khi đã trải qua một thời gian ở cảm dục giới (kamaloka). Đời sống ở cõi Devakhan gồm hai giai đoạn: giai đoạn thứ nhất diễn tiến trong 4 cảnh thấp của cõi thượng giới. Nơi đây, “chủ thể tư tưởng” vẫn còn giữ thể trí và vẫn còn bị điều kiện hóa bởi thể trí. Thể này vẫn còn được dùng trong sự đồng hóa những chất liệu thu thập qua suốt cuộc sống trần gian mà nó vừa ra khỏi. Giai đoạn thứ nhì diễn tiến trên cõi vô sắc tướng, tức ba cảnh trên của cõi thượng giới. Nơi đây, chủ thể tư tưởng rời bỏ thể hạ trí, sống không vướng bận trong một phạm vi không giới hạn, với đầy đủ ý thức và tri thức đã đạt được.

Thời gian ngụ tại cõi chân phúc này lâu hay mau tùy thuộc vào số lượng chất liệu dành cho đời sống trên cõi đó, do linh hồn đem theo từ cuộc sống trần gian. Kết

quả của mùa gặt dành để tiêu dùng và đồng hóa nơi cõi Devakhan là những tư tưởng cùng mọi xúc động thanh cao tạo ra trong lúc sống ở thế gian. Nó bao gồm tất cả những cố gắng trí thức, đạo lý và nguyện vọng cao đẹp, cùng mọi kỷ ức về công việc làm hữu ích, và những chương trình nhằm vào việc phụng sự nhân loại. Tóm lại, tất cả những gì có thể biến đổi thành khả năng trí thức và đạo đức đều trợ giúp sự tiến hóa của linh hồn. Dù những cố gắng đó có yếu kém và tạm thời đi nữa, cũng không một cố gắng nào bị mất. Nhưng, những đam mê ích kỷ thuộc về thú tính không thể vào cõi thiên đàng được, vì nơi đây không có chất liệu dành cho chúng để biểu lộ. Và lại, tất cả những điều xấu ác của tiền kiếp, (dù chúng nhiều hơn điều thiện) cũng không ngăn con người gặt hái được kết quả tốt dù ít oi, mà họ đã gieo, mùa gặt ít oi đưa đến đời sống rất ngắn ngủi trên cõi chân phúc này. Dù người trụy lạc nhất, nếu có một chút ít hoài bão về điều thiện, một chút ít xúc động về yêu thương, thì họ cũng có thể được một thời gian ngắn sống trên cõi Devachan; nơi đây, mầm của điều thiện nảy được chồi non, và tia lửa của điều thiện có thể biến thành ngọn lửa bé nhỏ.

Trong quá khứ, nếu con người biết dành nhiều thời giờ hướng về tinh thần, và tổ chức đời sống của mình nhằm mục đích vui hưởng hạnh phúc nơi cõi trời chân phúc, thì thời gian lưu trú nơi cõi này rất lâu, đôi khi kéo dài cả nhiều ngàn năm. Ở vào thời đại hiện tại, tâm trí con người chú trọng quá nhiều vào những chuyện thế gian, và quá ít về đời sống tinh thần, cho nên thời gian lưu trú trên cõi chân phúc trở nên ngắn hơn. Tương tự như thế, thời gian lưu trú trên các cảnh cao hay thấp của cõi thượng giới^[59] tương xứng với số tư tưởng hoạt động trong thượng trí và trong hạ trí. Những tư tưởng thuộc về bản ngã, về kiếp sống vừa qua với tham vọng, lợi lộc, tình thương, hy vọng và sợ sệt; mọi tư tưởng ấy nảy nở trên cõi thiên đàng sắc tướng. Trong khi những tư tưởng thuộc về thượng trí, của trí khôn trừu tượng, không cá tính, sẽ sinh hoạt và đồng hóa trong vùng thiên đàng vô sắc tướng. Đa số người đời vào vùng cao cả ấy chỉ một thời gian ngắn rồi trở ra liền, một số người khác ở phần lớn thời gian, và chỉ có một thiểu số người sống trọn thời gian thuộc về cuộc sống chân phúc của họ.

Trước khi đi vào chi tiết, chúng ta hãy tìm hiểu vài ý niệm căn bản chi phối đời sống ở cõi Devachan; vì đời sống này rất khác với đời sống ở cõi trần, cho nên bất cứ sự miêu tả nào về nó cũng có thể bị hiểu sai lạc, do chính nó rất khác thường. Người đời còn đang giữ xác phàm, nhận thức rất ít về sự sống của thể trí họ; cho nên trước

sự miêu tả kiếp sống ấy, riêng biệt với thể xác, họ mất đi mọi ý niệm về thực tế và có cảm giác như đang vào thế giới của mộng tưởng.

Ý niệm thứ nhất cần phải hiểu là: đời sống ở cõi trí rất mãnh liệt, linh động và rất gần với sự thật hơn là đời sống của những giác quan. Tất cả những gì mà chúng ta thấy, sờ, nghe, nếm, và ngửi ở cõi trần đều cách xa sự thực gấp hai lần hơn những điều mà chúng ta tiếp xúc ở cõi thiên đàng. Chúng ta không thấy mọi sự vật như thực, mà chỉ thấy bên ngoài mọi sự vật qua hai tấm màn ảo ảnh phủ lên tất cả những gì chúng ta thấy.

Cảm giác về thực tại của chúng ta ở cõi trần hoàn toàn sai lầm, ta không biết đồ vật và con người một cách như chúng là. Những gì ta biết được về chúng là những ấn tượng mà chúng gây nên trên giác quan của ta; và xuyên qua kết luận thường sai lạc, ta suy đoán theo sự kết tập của những ấn tượng này. Bạn hãy quan sát ý niệm của nhiều loại người: một người cha, một người bạn thân thiết, người con gái yêu thương, người đối thủ trong việc làm ăn, kẻ thù nguy hiểm nhất và của một người tình cờ mới quen biết; bạn sẽ thấy ý niệm của họ về một người nào đó rất khác biệt nhau. Mỗi người chỉ đưa ra cảm tưởng của chính họ, và nó khác xa với sự thật về người mà họ xét đoán. Con người thật sự của cá nhân ấy chỉ được thấy qua đôi mắt có thể xuyên thủng được mọi bức màn bao bọc người ấy. Ta biết mỗi người bạn của ta xuyên qua những ấn tượng mà họ để lại nơi ta, và cảm giác này bị hạn chế rất nhiều bởi khả năng nhận thức của ta. Một đứa trẻ kia có thể có một người cha là chính trị gia nổi tiếng, với những hoài bão cao cả, với mục đích bá chủ; nhưng vị lãnh đạo vận mạng của một nước này, đối với nó, chỉ là một người bạn chơi đùa vui vẻ, một người kể chuyện đời xưa hấp dẫn nhất. Chúng ta sống trong ảo mộng, nhưng có cảm nghĩ là thực tại; điều này làm cho ta hài lòng. Trên cõi thiên đàng, ta vẫn còn bị ảo ảnh bao phủ, nhưng gần thực tại hơn hai bậc như vừa nói, và nơi đây cảm giác về thực tại làm cho ta hài lòng.

Ảo ảnh trần gian vẫn còn tại cõi trời thấp, nhưng đã được giảm bớt, và sự tiếp xúc lẫn nhau ở cõi này thực tại và trực tiếp hơn. Vậy không bao giờ nên quên rằng: những cõi trời là thành phần của một hệ thống tiến hóa vĩ đại; và bao giờ con người chưa tìm được chân ngã thật sự của mình, thì sự không thực tại của chính mình đưa mình đến những ảo ảnh. Tuy nhiên sự kiện làm cho ta có cảm giác về thực tại trong lúc sống ở trần gian, và không thực tại khi nghiên cứu cõi thiên đàng, là khi chúng ta nhìn kiếp sống trần gian từ bên trong, với tất cả những áp lực của ảo ảnh; trong lúc

đó, chúng ta suy tưởng về cảnh thiên đàng từ bên ngoài, tạm thời thoát khỏi màn ảo ảnh của nó.

Trên cõi thiên đàng, tiến trình bị đảo ngược; những cư dân ở đây có cảm giác sự sống của họ là thật, và khi nhìn về cuộc sống trần gian họ thấy đích thực là những ảo ảnh và lầm lẫn; tóm lại, họ gần gũi với thực tại hơn là những kẻ dưới trần.

Nơi đây, chủ thể tư tưởng chỉ mặc một lớp áo là thể trí, và có thể sử dụng một cách tự do những quyền năng của nó. Chủ thể tư tưởng biểu lộ bản chất sáng tạo của những quyền năng này, theo một đường lối và mức độ mà người trần khó hiểu nổi. Nơi cõi trần, họa sĩ, điêu khắc gia, hay nhạc sĩ mơ mộng về những vẻ đẹp tuyệt vời; họ sáng tạo những ảnh tượng ấy bằng năng lực tư tưởng. Nhưng khi họ tìm cách diễn tả mộng tưởng của họ bằng những nguyên liệu thô kệch của cõi trần thì tác phẩm của họ bị khiếm khuyết rất nhiều, so với những gì họ sáng tạo trong trí. Đá cẩm thạch rất cứng, khó mà tạc thành hình hoàn hảo được; những chất màu quá mờ đục, khó tô vẽ lại những màu sắc sáng ngời. Ở cõi thượng giới, tất cả những gì mà nhà nghệ sĩ nghĩ đến sẽ lập tức biểu lộ hình dáng, vì chất liệu mảnh mai và tinh vi của cõi thượng giới chính là chất liệu của thể trí, là môi trường mà nơi đó thể trí sinh hoạt, không vướng bận bởi những đam mê; và mỗi rung động của tư tưởng sẽ tạo ra hình tượng đúng với nó. Do đó, mỗi người, trong một cảm giác rất thực, tạo cho mình một cảnh trời riêng biệt; và mỗi người tùy theo năng lực và sự phong phú của thể trí có thể làm tăng gia vô hạn sự mỹ lệ chung quanh mình.

Khi năng lực của linh hồn càng phát triển, thì cõi trời của nó càng trở nên tế nhị và tuyệt diệu hơn. Ở cõi thượng giới, chính linh hồn tự tạo ra mọi giới hạn; khi nó mở mang thâm sâu hơn, thì cõi trời của nó cũng thâm sâu và rộng rãi hơn. Đối với linh hồn còn yếu đuối, ích kỷ, nhỏ mọn và chưa phát triển đầy đủ, thì đời sống trên cõi trời bị giảm bớt do tính tình nhỏ mọn của họ. Tuy nhiên, đời sống này luôn luôn tốt nhất mà linh hồn có thể biểu lộ, dù cái tốt nhất đó vẫn còn ít ỏi. Khi con người tiến hóa hơn, đời sống thiên đàng của họ trở nên đầy đủ hơn, phong phú hơn và thật hơn. Những linh hồn càng tiến hóa cao, càng liên lạc với nhau chặt chẽ hơn, và thâm sâu hơn. Nếu đời sống dưới thế gian về phương diện tri thức và đạo đức quá ít, yếu ớt, vô vị và nông cạn, thì kết quả ở thiên đàng là một đời sống tương đối ngắn, yếu ớt, vô vị và nông cạn, vì chỉ những yếu tố trí thức và đạo đức mới tồn tại nơi đó mà thôi. Chúng ta không thể “có” hơn “cái có của chúng ta” và mùa gặt tùy theo mùa gieo. Đừng lầm

lẫn, không ai có thể đánh lừa được thần thánh! Vì điều gì con người đã gieo thì con người sẽ gặt, không hơn, không kém. Sự lười biếng và tham lam làm cho chúng ta mong muốn gặt những gì mà chúng ta không gieo! Nhưng trong vũ trụ được cai quản bởi định luật, sự công bình và nhân ái trả công cho mỗi người đúng với việc làm của họ.

Những ấn tượng hay những hình ảnh tinh thần mà chúng ta nghĩ về bạn bè, sẽ ảnh hưởng đối với chúng ta trên cõi thiên đàng. Chung quanh mỗi linh hồn, tụ tập rất đông những người mà họ thương mến ở cõi trần, vì mỗi hình ảnh của người thương yêu trong tận đáy lòng, trở thành một người bạn đồng hành sống động của linh hồn ở cõi trời, và họ không thay đổi. Họ đối với ta cũng như lúc họ còn sống ở cõi trần không hơn, không kém. Dáng vẻ bên ngoài của người bạn, đã ảnh hưởng lên những giác quan của chúng ta. Với năng lực sáng tạo của thể trí, chúng ta tạo lại hình dáng ấy bằng chất liệu cõi thượng giới. Đó là hình ảnh tinh thần thực sự có tại đây, mặc dù chúng ta biết là không có. Một hình ảnh khách quan trong chất liệu linh động của thể trí, trú ngụ trong bầu không khí trí thức của chính chúng ta. Hơn nữa, tất cả những gì lu mờ, không rõ ràng ở cõi trần sẽ trở nên sống động và linh hoạt không thể tả.

Đối với sự liên lạc thực sự giữa hai linh hồn, chúng ta thấy nó chặt chẽ hơn, gần gũi hơn, thân mật hơn tất cả những gì mà chúng ta biết nơi cõi trần, vì trên cõi thượng giới, không có sự ngăn cách giữa các linh hồn. Tùy theo mức độ thực tại về sự sống của linh hồn, sẽ phản ảnh với mức độ thực tại trong vấn đề liên lạc với linh hồn khác. Hình ảnh tư tưởng của những người bạn là do chúng ta tạo ra; hình dáng đó là hình dáng mà chúng ta biết và thương yêu; linh hồn đó biểu lộ qua hình thể đến linh hồn chúng ta tới mức độ có thể rung động đồng cảm với nhau. Nhưng không có sự liên lạc với những người mà chúng ta biết tại cõi trần, chỉ liên hệ với nhau xuyên qua thể xác hoặc thể vía, mà không có sự đồng điệu về cuộc sống bên trong. Do đó, trên cõi trời chân phúc, không có kẻ thù nghịch nào có thể xen vào được, vì chỉ có sự đồng cảm giữa tâm và trí, mới thu hút con người lại với nhau. Sự phân cách tâm và trí có nghĩa là phân cách ở cõi thượng giới, vì nơi đây không có điều gì thấp kém hơn tâm và trí có thể biểu lộ được. Đối với những người vượt xa hơn chúng ta trên đường tiến hóa, ta liên lạc với họ nhiều thế nào cũng được, miễn là ta đáp ứng được họ. Phạm vi hiện hữu của họ trải ra xa tầm với của chúng ta; nhưng chúng ta có thể tiếp xúc được là do nơi chúng ta. Hơn nữa, những bậc cao cả này có thể và thực sự đang giúp sự sống của chúng ta nơi cõi trí, trong những điều kiện mà chúng ta sắp nghiên cứu sau

đây. Họ giúp ta trưởng thành để tiến lên tới họ, hầu có thể tiếp nhận càng ngày càng nhiều hơn. Như thế, trên cõi trí không có sự chia cách bởi thời gian và không gian, mà chỉ có sự chia cách do sự không đồng cảm, do sự thiếu hòa hợp giữa tâm và trí.

Trên cõi trời chân phúc, chúng ta sống với tất cả những người mà chúng ta thương yêu, với những người mà chúng ta kính ngưỡng, và chúng ta liên lạc với họ được nhiều hay ít tùy theo giới hạn của khả năng chúng ta; hay của họ, trong trường hợp chúng ta tiến xa hơn họ. Chúng ta gặp lại họ dưới hình dáng mà ta thương yêu lúc ở cõi trần, với ký ức hoàn toàn của những liên hệ lúc còn sống ở thế gian, vì cõi trời là sự nở hoa của những nụ hoa chưa nở ở thế gian, và tình thương yếu ớt bị ngăn chặn trong kiếp này sẽ nảy nở với sức mạnh và sự mỹ lệ của nó. Nơi đây có sự liên lạc trực tiếp; cho nên không có sự hiểu lầm do lời nói hay tư tưởng. Mỗi người thấy tư tưởng của bạn mình phát ra, đến mức độ mà họ có thể đáp ứng được.

Cõi trời chân phúc là thế giới phúc lạc và vui tươi không tả xiết! Nhưng nó còn nhiều hơn thế nữa, không phải chỉ là nơi nghỉ ngơi của kẻ hành hương mệt mỏi. Nơi cõi thượng giới có sự quán xét lại, đồng hóa và dần dần biến đổi những kinh nghiệm có giá trị tinh thần và đạo đức của chủ thể tư tưởng trong kiếp sống vừa qua, thành những khả năng tinh thần và đạo đức xác định của linh hồn. Những quyền năng này sẽ theo con người lúc tái sinh ở kiếp kế tiếp. Con người không đem vào được thể trí mình cái ký ức của dĩ vãng, vì thể trí kiếp trước khi đến ngày giờ sẽ tan rã. Ký ức quá khứ chỉ tồn tại với chủ thể tư tưởng, là người đã trải qua và đang chịu đựng nó. Nhưng những sự kiện của kinh nghiệm quá khứ này được biến đổi thành khả năng trí thức. Vì vậy, nếu một người đã nghiên cứu sâu xa một vấn đề nào, thì ảnh hưởng của sự nghiên cứu ấy sẽ tạo ra một khả năng đặc biệt, khiến cho họ thâm hiểu vấn đề đó một cách dễ dàng khi họ vừa gặp lại nó ở kiếp lai sinh. Con người sẽ được sinh ra với bẩm tính đặc biệt về môn học đó, và chắc chắn sẽ thành công dễ dàng. Tất cả những điều mà con người đã suy gẫm lúc ở cõi trần, sẽ được dùng tại cõi thiên đàng; mỗi một hoài bão được biến đổi thành năng lực; tất cả những cố gắng không thành công sẽ trở thành khả năng và sức mạnh. Những phấn đấu và thất bại là vật liệu dùng để rèn đúc các khí cụ chiến thắng; những nỗi phiền muộn và lầm lạc chói sáng như loại kim khí quý giá dùng để rèn luyện ý chí một cách khôn ngoan và đúng hướng. Những kế hoạch phúc thiện đã thất bại vì thiếu sự khéo léo và năng lực, sẽ được tư tưởng tinh luyện, thực hiện lại từ chi tiết tại cõi thượng giới. Năng lực cần thiết, cũng như sự khéo léo được phát triển dưới hình thức khả năng trí tuệ, sẽ được dùng trong

kiếp sau ở cõi trần. Nơi đây học giả thông minh và nhiệt tâm sẽ được tái sinh làm thiên tài, và tín đồ mộ đạo sẽ được đầu thai làm thánh nhân. Vậy, đời sống trên cõi trời chân phúc không phải chỉ là một giấc mộng suông hay một nơi cực lạc rảnh rang, không mục đích. Thượng giới là nơi phát triển trí và tâm, không bị ngăn trở bởi vật chất thô kệch cùng sự lo âu nhỏ nhặt. Đó là nơi rèn luyện những khí giới để chiến đấu cực nhọc ở cõi trần, và nơi đó, sự tiến hóa tương lai của chúng ta được bảo đảm.

Khi chủ thể tư tưởng ở trong thế trí, đã thu thập mọi kết quả của kiếp sống dưới trần, thì nó vứt bỏ thế ấy, để sống không vướng bận ở nơi trú ngụ của nó. Tất cả quan năng trí thức, đã biểu lộ trên những cảnh thấp của cõi thượng giới, được thu góp vào trong nhân thể, cùng với những mầm của sự sống đam mê đã được thu vào thế trí, khi thế này vứt bỏ cái vỏ thế vĩa để cho nó tiêu tan tại vùng cảm dục giới. Tất cả khả năng trí thức và đam mê này đều trở nên tiềm ẩn một thời gian trong nhân thể. Đó là những năng lực ẩn khuất vì thiếu chất liệu để biểu lộ.^[60] Thế trí là lớp áo cuối cùng và tạm thời của con người sẽ tan rã, và những chất liệu đã tạo ra nó trở về với chất liệu chung của cõi thượng giới, nơi mà chúng đã được rút ra khi chủ thể tư tưởng đi đầu thai ở kiếp vừa qua. Như thế, chỉ có nhân thể (hay thượng trí) còn lại. Nó là kho báu, là nơi chứa đựng tất cả những gì đã được đồng hóa ở kiếp trước. Chủ thể tư tưởng đã xong chu kỳ hành hương dài, và đang ngồi nghỉ một lúc nơi quê hương.

Trạng thái tri thức của nó hoàn toàn tùy thuộc vào mức độ tiến hóa mà nó đã đạt được. Trong những giai đoạn đầu của sự sống, mỗi khi chủ thể tư tưởng mất các thế thấp, nó chỉ ngủ yên và tự bao bọc trong vô thức. Chủ thể tư tưởng có nhịp sống thanh nhẹ, nó đồng hóa bất cứ kết quả nhỏ nhặt nào của đời sống thế gian mà nó có thể hấp thu vào bản chất của nó, nhưng không tri thức được những gì chung quanh. Đến giai đoạn tiến hóa khá hơn, sự sống của nó trở nên ngày càng quan trọng hơn, và chiếm một phần lớn đời sống của nó trên cõi thượng giới. Nó trở nên tự tri thức (self-conscious) và ý thức những gì chung quanh của cái không phải là mình (the not-self). Toàn cảnh của cuộc sống trước mắt hiện ra trong ký ức của nó, và kéo lui lại đến những giai đoạn quá khứ. Nó thấy những nguyên nhân gây nên kết quả cho cuộc sống vừa qua, và chiêm nghiệm những nguyên nhân mới mà nó vừa tạo ra trong kiếp sau cùng. Nó đồng hóa, và đưa vào cấu trúc của nhân thể, tất cả những gì cao thượng và tuyệt diệu nhất ở kiếp vừa qua. Nhờ sự linh hoạt bên trong, nó phát triển và phối hợp những chất liệu trong nhân thể. Nó trực tiếp liên lạc với những linh hồn cao cả

đang còn sống ở cõi trần, hoặc đã rời bỏ cõi trần. Nó vui mừng trong sự liên lạc với họ, học những minh triết già dặn và những kinh nghiệm lâu dài của họ. Ở mỗi kiếp kế tiếp, giai đoạn sống trên cõi trời chân phúc trở nên phong phú và uyên thâm hơn. Với sự khai triển khả năng thu nhận, sự hiểu biết ồ ạt đổ vào nó một cách dồi dào hơn. Càng ngày nó càng hiểu biết những tác động của định luật cùng những điều kiện để phát triển và tiến hóa. Mỗi lần tái sinh trở lại cõi trần, nó có một sự hiểu biết thâm sâu hơn, một năng lực hữu hiệu hơn, một quan điểm về mục đích của đời sống minh bạch hơn, và một sự phân biệt rõ ràng con đường để bước tới.

Mỗi chủ thể tư tưởng, dù ít tiến hóa, trước khi trở về sống dưới các cõi thấp, trong một lúc thấy được rõ ràng quá khứ của mình và những nguyên nhân tác động từ đó, để tạo thành tương lai. Nó cũng thấy cái sơ đồ tổng quát của kiếp luân hồi kế tiếp trải ra trước mắt. Rồi đám mây của chất liệu thấp kéo lên chung quanh, che khuất sự thấy đó, và chu kỳ của sự đầu thai lại bắt đầu với sự tỉnh thức của những năng lực hạ trí; với những làn rung động thu hút các chất liệu từ những cảnh thấp của cõi trí để tạo ra thể hạ trí mới, mở màn cho giai đoạn đầu của một chu kỳ mới. Vấn đề này sẽ được giải thích chi tiết nơi chương nói về sự luân hồi.

Linh hồn sau cơn ngủ say^[61] rời bỏ mảnh chót của thể vía và sẵn sàng ra khỏi cảm dục giới (Kamaloka) đến cõi thượng giới, tức ra khỏi luyện giới (purgatory) đến cõi trời. Tâm thức tỉnh thức với một cảm giác vui mừng không thể tả, với một niềm phúc lạc vô biên và một sự bình an vượt khỏi tầm hiểu biết. Một âm điệu dịu dàng nhất thủ thi chung quanh nó, màu sắc thanh bai nhất chào đón nhãn quang vừa chớm nở của nó. Chính cái không khí chung quanh cũng tràn đầy âm nhạc và màu sắc, và toàn thể cái hiện hữu được tràn ngập bởi ánh sáng và sự hài hòa. Rồi xuyên qua lớp sương mù vàng chói, hiện lên những khuôn mặt thương yêu dịu dàng mà họ đã gặp khi còn ở cõi trần; họ được thanh khiết hóa trong vẻ đẹp với những xúc động cao thượng nhất, đáng yêu nhất, không có một chút dính dáng đến sự ưu phiền và đam mê của những cõi thấp. Ai có thể tả được niềm phúc lạc khi được thức tỉnh này? Ai có thể tả được sự vinh quang của ánh bình minh đầu tiên trong kiếp sống trên cõi thiên đàng?

Bây giờ, chúng ta sẽ học một cách chi tiết những trạng thái của bảy cảnh trong cõi thượng giới. Chúng ta nhớ rằng bốn cảnh thấp của cõi thượng giới là thế giới sắc tướng; nơi đây mọi tư tưởng hiện lên ngay bằng một hình ảnh. Thế giới sắc tướng này

thuộc về cõi của phàm ngã; cho nên mỗi linh hồn được bao bọc bởi nhiều nguyên tố của kiếp đã qua; những nguyên tố này đã xâm nhập vào thể trí, và chúng có thể biểu lộ bằng chất liệu thuần khiết của thể trí.

Vùng thứ nhất, thấp nhất là cõi trời của những linh hồn ít tiến hóa nhất. Sự xúc động cao nhất ở cõi trần của họ là một tình thương chật hẹp, chân thật và đôi khi không ích kỷ đối với gia đình cùng bạn bè. Họ cũng có thể có vài sự ngưỡng mộ thân ái đối với một người nào trong sạch và cao đẹp hơn họ mà họ gặp ở trần gian; hoặc giả, họ có thể có vài ước vọng sống một đời sống cao đẹp hơn, hay có vài hoài bão thoáng qua hướng về sự tăng trưởng trí thức và đạo đức. Trong họ, không có nhiều vật liệu dùng để xây dựng những quan năng, và đời sống của họ tiến triển rất chậm chạp. Tình quyến luyến gia đình của họ sẽ được nuôi dưỡng và nói rộng hơn chút ít. Sau một thời gian, họ được tái sinh với một bản năng cảm xúc hơi khác hơn, và có nhiều khuynh hướng hơn trong việc nhận ra và đáp ứng với lý tưởng cao đẹp. Trong khi đó, họ vui hưởng tất cả hạnh phúc mà họ có thể nhận được. Cái tách của họ nhỏ hẹp, nhưng chứa đầy ân huệ; và họ vui hưởng tất cả những gì mà họ có thể nhận được tại cõi trời. Sự trong sạch, điều hòa của đời sống trên cõi chân phúc này tác động đến những quan năng chưa phát triển, để kích động chúng thức tỉnh và linh hoạt, và từ bên trong có sự rung chuyển, khởi sự cho mọi nẩy nở của những chồi non.

Cảnh kế tiếp ở cõi trời chân phúc gồm có những tín đồ của mọi tôn giáo, lúc còn sống ở cõi trần có tấm lòng ưu ái và tôn sùng hướng về "Trời", dù "Trời" có danh hiệu nào hay hình dáng nào. Hình dáng ấy có thể nhỏ hẹp, nhưng tấm lòng họ vươn lên cao vì hoài bão. Nơi đây họ tìm được "tín vật" của lòng tôn sùng và thương yêu của họ. Ý niệm về Đấng Thiêng Liêng trong trí họ khi còn ở cõi trần, được biểu hiện nơi đây trong vẻ vinh quang chói sáng của chất liệu cõi thượng giới; Ngài tốt đẹp hơn, thiêng liêng hơn, dù sự mơ mộng của họ có cuồng nhiệt nhất cũng không hình dung nổi! Đấng Thiêng Liêng tự hạn chế mình để vừa tâm trí thức của kẻ tôn thờ. Bất cứ hình thể nào mà kẻ tôn thờ yêu thích Ngài, thì trong hình thể đó Ngài hiện thân và ban rải sự dịu dàng, để đáp ứng lại tình thương của kẻ sùng tín. Nơi cõi này, linh hồn đắm chìm trong trạng thái ngây ngất tôn giáo; họ tôn thờ Đấng Duy Nhất dưới hình dáng mà lòng thành kính của họ nghĩ ra ở cõi trần. Lúc tiếp xúc với Đấng mà họ tôn kính, họ như tan biến trong sự say sưa của lòng tôn sùng. Trên cõi thiên đàng, không một tín đồ nào bị bơ vơ, bởi vì Đấng Thiêng Liêng luôn luôn tự biểu hiện với hình dáng quen thuộc của mỗi người. Trong sự liên hệ chói sáng này, linh hồn phát triển

trên phương diện trong sạch và trên phương diện tôn sùng. Đến khi họ sinh trở lại cõi trần, những đức tính này sẽ được tăng gia nhiều hơn. Không phải trọn cả đời sống trên cõi trời chân phúc của họ đều đắm chìm trong sự tôn sùng ngây ngất ấy, vì họ có nhiều cơ hội để hoàn chỉnh tất cả những đức tính khác mà họ có trong tâm trí.

Bước qua cảnh thứ ba của cõi trời chân phúc, ta gặp những người cao thượng và chân thành. Họ là những người hiến dâng làm tôi tớ cho nhân loại dưới trần; họ thực hành tình thương đối với Thượng Đế bằng cách làm việc cho con người. Họ gạt hái sự ban thưởng cho việc làm tốt lành của họ bằng cách mở mang nhiều quyền năng hữu dụng và tăng trưởng minh triết để phụng sự. Những chương trình từ thiện rộng lớn diễn tiến trong tư tưởng của người hành thiện; giống như một kiến trúc sư khi ở cõi trần nghiền ngẫm và vẽ kiểu mẫu cho cái nhà mà anh ta sẽ xây cất. Họ cũng giống như Thượng Đế sáng tạo, hoạch định chương trình cho vũ trụ sẽ biểu lộ trong vật chất thô kệch khi thời giờ đến. Những linh hồn như vậy là những nhà từ thiện lớn của trần gian ở những thế kỷ tương lai. Họ sẽ tái sinh với tình thương vị tha bẩm sinh, và quyền năng để thành đạt.

Trong những cảnh của cõi thượng giới, có lẽ chỉ cảnh thứ tư là có tính chất thay đổi nhiều nhất, vì nơi đây, ở cõi sắc tướng chót này, những quyền năng của các linh hồn tiến hóa cao tột có thể biểu lộ nhiều nhất. Chính nơi đây, người ta gặp những ông “vua” mỹ thuật và văn chương, họ thực hành quyền năng của họ trong việc diễn đạt hình dáng, màu sắc, cũng như sự hài hòa, và họ tự kiến tạo cho mình những khả năng cao để mang theo khi tái sinh. Những thiên tài âm nhạc vĩ đại, mà thế gian đã biết, tuôn chảy những dòng âm thanh điều hòa, cao cả và mỹ lệ không thể tả, như một Beethoven chẳng hạn! Họ giúp cho cõi trời nhịp nhàng hơn bằng những âm điệu tuyệt vời, được đem xuống từ các bầu vũ trụ cao hơn, để làm rung cảm xuyên qua những cõi trời. Nơi đây, chúng ta cũng gặp các giáo sư hội họa và điêu khắc đang học về những màu sắc mới, những đường cong lạ, chưa ai tưởng tới được. Còn có nhiều linh hồn khác, khi ở trần gian có hoài bão to lớn nhưng đã thất bại; có những linh hồn đang biến đổi lòng ước muốn của họ ra quyền năng, sự mơ mộng của họ ra khả năng; chúng sẽ là của họ trong một kiếp khác. Nơi đây cũng có những người tìm hiểu thiên nhiên, họ đang học những bí mật ẩn tàng của vạn vật. Trước mắt họ phơi bày hệ thống của thế giới, với tất cả cơ chế bí ẩn của nó, và vô số những tác động vô cùng tế nhị và phức tạp không thể tưởng tượng nổi. Những vị này sẽ trở lại cõi trần, sẽ là những nhà phát minh vĩ đại, với trực giác đúng đắn về đường lối huyền bí của thiên nhiên.

Trên cảnh trời thứ tư này, người ta còn gặp những sinh viên hiểu biết thâm sâu, những người học trò nhiệt tâm và sùng kính đang tìm những bậc Thầy của giống dân; họ là những người thiết tha tìm Sư Phụ. Họ kiên nhẫn thực hành giáo lý của một trong các vị đại Sư Phụ tinh thần của nhân loại. Nơi đây, lòng mong ước của họ được thực hiện, và họ được những Đấng mà họ tưởng đâu vô phương gặp gỡ đến dạy dỗ họ. Những linh hồn chân thành tiếp nhận minh triết thiêng liêng được ngồi dưới chân Sư Phụ, họ tăng trưởng và tiến hóa mau lẹ. Những người ấy sẽ tái sinh tại cõi trần như là những vị thầy, và là người mang ánh sáng; họ sẽ đến thế gian với một nhiệm vụ cao cả là giáo hóa nhân loại.

Có nhiều học giả dưới trần không biết được các hoạt động tinh vi này; họ tự chuẩn bị một chỗ nơi cảnh trời thứ tư, với lòng tôn kính thật sự, họ noi theo kinh sách của những bậc thầy, hay những thiên tài, hoặc lời chỉ dạy của vài linh hồn cao thượng. Họ đang tạo ra sợi dây liên lạc giữa họ và vị thầy mà họ thương mến và tôn kính. Trên cõi thượng giới, sự liên kết linh hồn này sẽ được thực hiện; nó đem những linh hồn đã có sự liên hệ lại với nhau. Mặt trời chiếu tia sáng vào trong nhiều phòng; và mỗi phòng chứa đựng nhiều tia sáng mà nó có thể chứa. Cũng giống như thế, trên cõi trời, những linh hồn cao cả chiếu sáng vào hàng trăm hình tư tưởng của chính các vị ấy, (những hình tư tưởng này do các đệ tử của họ tạo ra), làm cho những hình ảnh này chứa đầy sự sống với tinh ba của chính họ. Vì thế, mỗi sinh viên đều có thầy dạy mình, mà không làm trở ngại vị thầy giúp kẻ khác.

Thời gian con người ở trên những cõi trời “sắc tướng” này, tùy thuộc vào sự tiêu dùng những chất liệu góp nhặt được trong đời sống dưới thế gian. Nơi đây, tất cả những điều tốt đẹp mà con người đã gieo trồng trong kiếp sống vừa qua, đều được kết quả đầy đủ, đều được thực hiện từng chi tiết nhỏ nhặt. Rồi như ta đã thấy, khi tất cả đã dùng hết, khi giọt cuối cùng trong ly hạnh phúc đã uống cạn, khi mảnh bánh vụn cuối cùng của buổi tiệc ở thiên đàng đã ăn xong, khi tất cả kinh nghiệm đã được đổi thành quan năng, tất cả những gì có giá trị vĩnh cửu đều được thu hút vào bên trong nhân thể. Khi ấy chủ thể tư tưởng sẽ vứt bỏ thể trí đang tan rã, mà trước đó nhờ nó mới biểu lộ được ở những cảnh thấp của cõi trời. Sau khi đã vứt bỏ thể trí, chủ thể tư tưởng ở trong chính thể giới của nó, để đồng hóa với tất cả những chất liệu mà nó đã thu gặt được, thích hợp cho nó trên cõi cao này.

Một số đông linh hồn chỉ có thể vói đến mức thấp nhất của cõi “vô sắc tướng” trong chốc lát mà thôi. Họ ở nơi đó trong một thời gian ngắn ngủi, vì tất cả thể thấp của họ đều đã tan rã. Nhưng họ còn trong thời kỳ quá phôi thai, chưa có những quyền năng tích cực nào khả dĩ có thể hoạt động một cách độc lập trong cõi đó. Những linh hồn này trở thành vô tri thức, khi thể trí của họ vừa bị tan rã. Rồi trong một lúc, tâm thức của họ thức tỉnh trở lại; tia sáng ký ức soi sáng quá khứ, và họ thấy được những nguyên nhân rõ ràng của nó. Một tia sáng tiên tri soi sáng tương lai họ, và họ thấy những hậu quả sẽ được thực hiện ở kiếp tái sinh sắp đến. Đó là kinh nghiệm duy nhất thuộc về thế giới vô sắc tướng của đa số nhân loại. **Vì bất cứ nơi đâu, số lượng gặt hái tùy theo số lượng gieo. Và khi người ta không gieo gì cả cho cõi tuyệt diệu này, thì làm sao có thể mong chờ được mùa gặt?**

Tuy nhiên, có nhiều linh hồn khác trong lúc sống ở cõi trần đã gieo nhiều hạt giống tốt, bằng những tư tưởng thâm sâu và cuộc sống cao thượng; chúng đem đến mùa gặt nơi cảnh thứ năm của cõi thượng giới, là cảnh thấp nhất trong ba cõi vô sắc tướng. Hiện nay, họ đã được phần thưởng to tát, vì họ đã vượt lên khỏi sự ràng buộc của nhục thể và đam mê. Họ bắt đầu kinh nghiệm đời sống thực sự của con người, sự hiện tồn cao cả của chính linh hồn, đã cởi bỏ trang phục thuộc về các cõi dưới. Họ học chân lý bằng cách thấy trực tiếp, và họ thấy những nguyên nhân căn bản, mà tất cả mọi vật hữu hình là kết quả của những nguyên nhân đó. Họ học những tính duy nhất căn bản (the underlying unities), mà sự hiện diện bị che khuất ở các cõi dưới do những chi tiết không thích đáng và do sự dị biệt bên ngoài. Nhờ vậy họ đạt được sự hiểu biết uyên thâm về định luật; và tập nhận thức những tác động bất biến ẩn dưới những hiện tượng dường như rời rạc. Những xác quyết chắc chắn và vững bền được kiến tạo vào thể trường tồn bất hoại. Những xác quyết này sẽ tự biểu lộ trong kiếp sống dưới thế gian như là những điều xác thực thuộc về trực giác thâm sâu của linh hồn, chúng vượt khỏi mọi suy luận. Cũng nơi đây, con người nghiên cứu lại quá khứ của chính mình, và cẩn thận gỡ rối cái bó nguyên nhân phức tạp mà họ đã tạo ra. Họ đánh dấu những tác dụng tương ứng của chúng, những kết quả do chúng gây nên và thấy được phần nào hậu quả trong những kiếp sau.

Trên cảnh thứ sáu cõi thượng giới, chúng ta thấy những linh hồn tiến hóa hơn. Những người này, trong lúc ở cõi trần, ít bị lôi kéo bởi những điều tạm bợ. Họ đã hiến dâng tất cả năng lực cho đời sống trí thức và đạo đức cao cả. Đối với họ, quá khứ không bị che lấp; ký ức của họ vẫn giữ nguyên và liên tục. Họ hoạch định truyền vào

kiếp sắp tới những năng lực để trung hòa đa số sức mạnh đối kháng, và củng cố sức mạnh hướng thiện. Cái ký ức rõ rệt này làm cho họ có quyết định đúng đắn và mạnh mẽ về những hành động phải làm và về những gì phải tránh. Họ có thể gây ấn tượng về những ý muốn này lên các thế thấp của họ trong kiếp sắp tới, khiến cho vài loại tật xấu trái nghịch còn tiềm ẩn không thể biểu lộ được. Nó cũng gây dựng vài đức tính cần thiết để khi đáp ứng được những nhu cầu của “tiếng nói bên trong”, thì tiếng nói ấy sẽ không bị phủ nhận. Những linh hồn này sẽ sinh ra trên cõi đời với những đức tính cao quý nhất, khiến cho đời sống không thể thấp hèn được; những đức tính cao quý ấy biểu lộ ngầm ở trẻ con, từ lúc còn thơ ấu, chúng sẽ là những bậc dẫn đường cho nhân loại. Người đã đạt đến cảnh trời thứ sáu, sẽ thấy phơi bày trước mắt những báu vật phi thường của Trí Huệ Thiên Liêng trong tác động sáng tạo của nó. Họ có thể nghiên cứu tất cả các loại mô hình kiểu mẫu, đang tiến hóa dần dần trong những thế giới thấp. Họ có thể tâm mình trong “cái bể minh triết thiên liêng” không thể đo lường (the fathomless ocean of the Divine Wisdom), và giải đáp được những vấn đề liên hệ đến sự thực hiện mô hình kiểu mẫu, mà một phần điều tốt lành này bị những người thế tục, có nhãn quan giới hạn, xem như là xấu xa. Với tầm nhìn mở rộng hơn, những hiện tượng ấy lấy lại giá trị tương đối đúng đắn của chúng; và ít ra, con người cũng thấy nơi đây sự biện minh cho những đường lối thiên liêng, hoạch định cho sự tiến hóa ở các cõi thấp. Những vấn đề, mà ở cõi trần họ đã suy tư, nhưng câu trả lời luôn luôn vượt khỏi trí khao khát hiểu biết của họ; nơi đây được giải đáp bằng trực giác. Trực giác này xuyên thủng mọi bức màn che phủ lên các hiện tượng, để trực tiếp thấy sự liên kết nối tiếp nhau của sợi dây xích liên tục. Cũng tại nơi đây, linh hồn trực tiếp thấy và được liên lạc hoàn toàn với những linh hồn cao cả đã tiến hóa trong hàng ngũ nhân loại. Họ đã giải thoát khỏi những chướng ngại thuộc về quá khứ trần gian, và vui hưởng cái “hiện tại vĩnh cửu” của một đời sống trường tồn và không gián đoạn. Những vị được người dưới trần gọi là “những kẻ tử vong vĩ đại” (the mighty dead), ở trên trời là những người sống vinh quang. Linh hồn vui thích với sự hiện diện của những vị ấy, họ trở nên ngày càng giống những vị ấy, khi gần kề sự rung động mạnh mẽ, điều hòa của các ngài.

Cảnh trời thứ bảy, cao hơn, thanh thoát và sáng chói hơn, là quê hương trí tuệ của Chân Sư và của những vị được điểm đạo. Không có linh hồn nào vào đó được, nếu ở dưới thế gian chưa bước qua cửa hẹp của sự “điểm đạo”, là cánh cửa đưa thẳng đến “đời sống trường tồn”.^[62] Nơi ấy là nguồn động lực trí thức và đạo lý mạnh mẽ

nhất, tuôn rải xuống trần gian, rót xuống những dòng suối dinh dưỡng của năng lực cao cả nhất. Đòi sống trí thức của thể gian bắt nguồn ở đó; từ đó thiên tài tiếp được những cảm hứng tinh khiết nhất. Những linh hồn đã lên được nơi đó, dù còn liên hệ hay không với các thể thấp, tâm thức tuyệt diệu của họ không bao giờ gián đoạn và sự liên lạc với người chung quanh họ cũng vẫn mãi mãi tiếp tục. Khi họ “nhập thể”, họ chuyển trí thức này cho các thể thấp của họ nhiều hay ít tùy theo sức chứa đựng của những thể ấy. Dần dần ý chí của họ được ý chí của Đấng Duy Nhất hướng dẫn nhiều hơn, và nó sẽ là một với ý chí của Thượng Đế, là ý chí luôn luôn tìm sự tốt lành cho thể gian. Nơi đây, đối với những ai chưa được giải thoát cuối cùng (nghĩa là chưa thành Sư Phụ), thì dấu vết cuối cùng của sự chia rẽ^[63] còn đang được loại trừ. Khi những vết chia rẽ này biến mất, thì ý chí con người càng ngày càng điều hòa với ý chí đùu đất của vũ trụ.

Đây là sự phác họa của bảy cảnh trời, con người sẽ trải qua khi đúng lúc, tiếp theo sau sự biến đổi mà ta gọi là “chết”. Vì sự chết chỉ là một sự thay đổi để cho linh hồn được giải thoát một phần nào, để linh hồn vứt bỏ một trong những sợi xích nặng nề nhất của nó. Chết chỉ là sống một đời rộng rãi hơn, một sự trở về quê hương thực sự của mình, sau khi bị lưu đày xuống trần thế trong khoảng thời gian ngắn ngủi. Chết là ra khỏi ngục tù thể gian, để qua bầu không khí tự do trên trời. Sự chết là một ảo ảnh lớn nhất của người đời. Không có gì gọi là chết cả, chỉ có sự thay đổi trạng thái của sự sống. Sự sống liên tục, không gián đoạn, không thể bị cắt đứt, nó không sinh, xa xưa và trường cửu. Nó không mất đi theo sự chết của những thể bao bọc nó. Những ai tin tưởng rằng linh hồn mất đi, khi xác thân tan ra tro bụi, cũng giống như tin trời sập, khi người ta chỉ làm bể cái chậu sành!^[64]

Cõi trần, trung giới và thượng giới là ba thế giới mà cuộc hành hương của linh hồn phải đi xuyên qua đó, trở đi trở lại nhiều lần. Chính trong ba cõi này, bánh xe của kiếp nhân sinh vận chuyển; và những linh hồn ràng buộc với bánh xe đó, lần lượt được chở đi đến từng cõi, xuyên qua trọn cả cuộc tiến hóa của chúng. Hiện nay, chúng ta theo dõi trọn vẹn một trong nhiều kiếp sống của linh hồn. Những kiếp sống này, được kết hợp lại, tạo thành toàn thể sự sống của nó. Chúng ta cũng có thể phân biệt rõ ràng sự dị biệt giữa phàm ngã và chân ngã.

Khi thời gian trú ngụ trên cõi thiên đàng “vô sắc tướng” đã hoàn tất, thì linh hồn khởi sự một kiếp sống mới, bằng cách tủa rải năng lượng tác động ở cõi sắc tướng của thượng giới, những năng lượng này là kết quả của những kiếp trước. Khi được phát ra, những năng lượng này thu góp quanh nó những vật liệu từ bốn cảnh thấp của cõi trí, thích nghi cho sự biểu lộ của chúng. Từ đó, thể trí mới của kiếp tái sinh sắp tới được tạo ra. Sự rung động của những năng lượng thể trí này đánh thức những năng lượng thuộc về bản chất dục vọng, làm cho chúng bắt đầu rung động. Khi chúng thức tỉnh và chuyển động, chúng thu hút những chất liệu thích hợp cho sự biểu lộ ở cõi trung giới. Từ đó, thể vía mới cho kiếp tái sinh sắp đến được tạo ra. Như thế, chủ thể tư tưởng tự mặc vào các chiếc áo thể trí và thể vía của mình. Chúng biểu lộ đúng theo những khả năng đã có ở kiếp trước. Chủ thể tư tưởng bị một sức mạnh (sẽ được giải thích ở sau) thu hút đến một gia đình nào sẽ cho nó một xác thân thích ứng, và kết nối với xác thân ấy xuyên qua thể vía của nó. Trong thời gian trước khi sinh, thể trí có khuynh hướng liên hệ với các thể thấp. Sự liên lạc ấy càng ngày càng trở nên chặt chẽ hơn, trong mấy năm đầu của thời thơ ấu, cho tới lúc đứa bé được 7 tuổi, thì các thể đó mới liên kết (tùy bậc tiến hóa) một cách mật thiết với chủ thể tư tưởng. Bây giờ, chủ thể tư tưởng, nếu khá tiến hóa, sẽ khởi sự kiểm soát từ từ những thể thấp của nó, và điều gì mà ta gọi là tâm thức, tức là tiếng nói giáo huấn của nó. Trong bất cứ trường hợp nào, nó thu thập kinh nghiệm qua sự trung gian của những thể này; và trong suốt kiếp sống dưới trần, nó cất giữ những kinh nghiệm góp nhặt được trong thể liên quan đến cõi mà nó đã học được kinh nghiệm. Khi kiếp sống ở cõi trần đã chấm dứt, thì xác thân bị bỏ lại, và khả năng liên lạc với thế gian của nó cũng mất theo xác thân; khi ấy năng lực của chủ thể tư tưởng bị hạn chế ở cõi trung giới và thượng giới. Đến lượt thể vía bị tan rã, thì sinh hoạt của chủ thể tư tưởng bị hạn chế trên cõi thượng giới. Các quan năng thể vía được góp nhặt và đem vào bên trong nó như là những năng lực tiềm tàng. Khi công việc đồng hóa của nó đã xong, thể trí tan rã; đến lượt năng lượng của nó tiềm tàng trong chủ thể tư tưởng, và trọn đời sống của nó thu rút vào cõi thiên đàng “vô sắc tướng”, là quê hương thật sự của nó. Nơi đây, tất cả những kinh nghiệm của kiếp sống tại ba cõi thấp được biến đổi thành quan năng và quyền năng cho tương lai sử dụng. Chủ thể tư tưởng khởi bước trên đường hành hương của một kiếp sống mới, với những năng lực và kiến thức phong phú hơn.

Phàm nhân gồm có những thể tạm thời; xuyên qua đó, chủ thể tư tưởng tác động trong những cõi hồng trần, trung giới và những cảnh thấp của cõi thượng giới,

cùng tất cả những hoạt động liên hệ. Những hoạt động này liên kết với nhau nhờ ký ức, mà ký ức này có được là do những ấn tượng trên ba thế thấp. Do sự tự đồng hóa của chủ thể tư tưởng với các thế, mà cái “tôi” cá nhân được tạo ra. Trong những giai đoạn thấp của cuộc tiến hóa, cái “tôi” ngự trị trong thế xác và thế tình cảm, là những nơi biểu lộ các hoạt động nhiều nhất. Về sau, cái “tôi” chuyển sang thế trí, và thế này có ưu thế hơn. Phạm nhân với những tình cảm, dục vọng và đam mê tạm bợ, tạo thành một thực thể gần như độc lập, mặc dù tất cả năng lượng được rút ra từ chủ thể tư tưởng bên trong. Vì đặc tính của nó thuộc về các cõi thấp, nên nhiều khi nó trực tiếp đối nghịch với những lợi ích vĩnh cửu của “người trú ngụ trong thế xác” (tức là linh hồn). Những xung đột xảy ra, đôi khi chiến thắng nghiêng về bên sự vui thú tạm bợ, đôi khi nghiêng về phía lợi lộc vĩnh cửu. Đời sống của phạm nhân khỏi sự khi chủ thể tư tưởng tạo ra thế trí mới của mình, và kéo dài đến lúc thế trí đó tan rã trên cõi thiên đàng sắc tướng.

Chân Nhân, chính là chủ thể tư tưởng, là một cái cây bất diệt, nảy ra những lá, tức những phạm nhân, chúng sống xuyên qua mùa xuân, mùa hạ và mùa thu của kiếp người. Tất cả những gì mà lá cây thu nhặt và đồng hóa đều làm cho mù cây chảy trong mạch quản được phong phú. Khi mùa thu đến, chất mù dinh dưỡng này rút vào thân cây, những chiếc lá khô rơi rụng và tan rã. Chỉ có chủ thể tư tưởng sống vĩnh cửu, đối với nó “thời giờ không bao giờ điểm” (nghĩa là không bao giờ chết). Nó là người thanh niên vĩnh cửu, như kinh Bhagavad Gita diễn tả, khoác vào rồi bỏ đi những thế, như người ta cởi quần áo cũ ra để thay vào cái mới. Mỗi một phạm nhân là một vai trò mới của “diễn viên” vĩnh cửu, diễn viên ra sân khấu cuộc đời, trở đi trở lại nhiều lần. Trong vở kịch đời, mỗi vai trò mà diễn viên đóng là “con” của các vai trò trước, và là “cha” của các vai trò kế tiếp; do đó, vở kịch đời là một lịch sử liên tục của chính diễn viên, thủ diễn những vai trò nối tiếp nhau.

Trong những giai đoạn đầu của cuộc tiến hóa, sự sống của chủ thể tư tưởng bị hạn chế trong ba cõi mà chúng ta vừa học. Đến một ngày kia, sự tiến hóa sẽ diễn tiến trên các cõi cao hơn, và sự luân hồi sẽ chỉ là những chuyện trong quá khứ. Nhưng khi nào bánh xe sinh tử vẫn còn quay, và con người vẫn còn những ham muốn thuộc về ba cõi thấp, thì đời sống họ vẫn phải bị đưa đến ba cõi này.

Đối với những vùng cao cả hơn mà chúng ta sắp đề cập đến, dù rất ít điều có thể nói, và ít hữu dụng, cũng như không dễ dàng hiểu được đối với chúng ta. Tuy

nhiên, nói một ít về vấn đề này cũng cần thiết cho bản lược khảo đại cương về Minh Triết Cổ truyền.

(Xin xem tiếp quyển 2.)

[1] Các Thánh Thư Đông Phương, quyển XL.

[2] Mundakopanishad, II, ii, 7.

[3] Shvetashvataropanishad, iii, 14.

[4] “Thanh khí trong tâm” là từ ngữ thần bí được dùng để chỉ Đấng Duy Nhất, người ta cho rằng Ngài ngự trong đó.

[5] Như trên, III, ii, 4.

[6] Kathop., vi, 14.

[7] Từ điển bắc Phạn - Hoa ngữ của Eitel, dưới mục từ này.

[8] Udanavarga, xxxiii, 41.

[9] Exod xv, ii.

[10] Armaiti là Minh Triết đầu tiên và Nữ thần Minh Triết. Sau này, trên cương vị là Đấng Tạo Hóa, bà trở nên đồng nhất hóa với đất, và được tôn thờ là Nữ Thần của Đất.

[11] Khải Huyền, iv, 5.

[12] I. Cor. vi, 19.

[13] John, ix, 1-13.

[14] Matt, xiii, 10-17.

[15] Tuyển tập các tác phẩm của Plotinus, bản dịch của Thomas Taylor, ấn bản 1895, trang 11.

[16] Một Đấng thông tuệ tâm linh tốt lành, chẳng hạn như vị thần daimon của Socrates.

²⁷ Kathopanishad, vi, 17.

[18] Do đó, mà có vài thánh kinh phương Đông gọi Ngài là: “Chủ tể của Maya”. Maya hay là ảo ảnh tức là nguyên lý của hình thể. Hình thể được xem như là ảo ảnh, do bản chất tạm thời của nó, và cũng do sự luôn luôn biến đổi của nó nữa. Trái lại, sự sống biểu lộ bên trong tấm màn the hình thể đó mới là thực tại.

[19] Học giả có thể nhận thức rõ ràng hơn, nếu coi những nguyên tử của cõi thứ năm là Atma, những nguyên tử của cõi thứ tư là Atma được bao bọc bằng chất bồ đề; những nguyên tử của cõi thứ ba là Atma được bao bọc bằng chất bồ đề và thượng trí; những nguyên tử cõi thứ nhì là Atma được bao bọc bằng chất bồ đề, thượng trí và trung giới; những nguyên tử cõi thấp nhất là Atma được bao bọc bằng chất bồ đề, thượng trí, trung giới và hồng trần (buddhi, manas, kama and sthutla). Trong mỗi trường hợp chỉ có cái vỏ bọc bên ngoài là linh hoạt mà thôi, còn nguyên lý bên trong

hiện diện, nhưng tiềm tàng, và sẵn sàng thức tỉnh hoạt động trở lại trên con đường đi lên trong chu kỳ tiến hóa.

[20] Hạt nguyên tử căn bản hồng trần là đơn vị nhỏ nhất cấu tạo nên cõi trần, không phải hạt nguyên tử mà các nhà hóa học hiện nay đặt tên.

[21] Như Atma-Buddhi, tác động bất phân ly, gọi là Monad tức là Chân Thần. Tất cả hình thể đều có Atma-Buddhi, được xem như là sự sống tác động.

[22] Trong những vị Thần Minh Kiến Thiết có vài vị rất cao cả, nhưng danh từ Kiến Thiết ở đây cũng áp dụng cho những loài tinh linh kiến thiết. Vấn đề này được giải thích ở chương XII.

[23] Nguồn cung cấp sự sống được gọi là Prana. Nó trở thành hơi thở của sự sống đối với mỗi loài. Prana là một danh từ dùng để ám chỉ sự sống của vũ trụ. Khi một thực thể hấp thụ được nó, sẽ có được sự sống riêng rẽ.

[24] Physical dream – life: Chiêm bao gây ra do sự thay đổi sinh lý của cơ thể, như ăn không tiêu, hoặc nằm ngủ trong những vị thế làm cản, tắt nghẽn vài vùng trong cơ thể (Lời dịch giả).

[25] Devachan là trạng thái phúc lạc, sáng chói, là danh từ Thông Thiên Học chỉ cõi trời hay thiên đàng. Kâmaloka là nơi của dục vọng, dùng để ám chỉ những tình trạng của đời sống trung gian trên cõi trung giới.

[26] Xin xem quyển Cõi Trung Giới “*The Astral Plane*” của tác giả C. W. Leadbeater.

[27] Được gọi là Thiên Thần, hay Thiên Đế bởi người Ấn Độ. Những danh từ Phạn ngữ gọi 5 Vị Thiên Đế của những nguyên tố biểu lộ là: Indra (Chúa tể của chất Akasha hay là dĩ thái của không gian); Agni (Chúa tể của lửa); Pavana (Chúa tể của không khí); Varuna (Chúa tể của nước); Kshiti (Chúa tể của đất).

[28] Kamarupa có hai phần: Kama là sự ham muốn, và rupa là hình thể. Kamarupa là danh từ chuyên môn để chỉ thể vía.

[29] Xin xem chương III về đoạn Kamaloka.

[30] Có vài vị trong Thiên Đoàn đã khởi xướng việc thành lập Hội Thông Thiên Học.

[31] Những nhà huyền môn vô tư, hoàn toàn hiến mình để hoàn thành thiên ý, và những người hoạt động để đạt được lý tưởng này được gọi là “Các Vị Bạch Huynh Đệ” (Chánh Đạo). Những người ích kỷ và hoạt động trái với mục đích thiêng liêng trong vũ trụ được gọi là “Các Hắc Huynh Đệ” (Tà Đạo). Sự vô ngã rộng mở với tình bác ái và tính hy sinh đều là những đặc tính của hạng thứ nhất. Sự ích kỷ co rút lại, lòng thù oán và vẻ ngạo mạn, kiêu kỳ là những dấu hiệu của hạng thứ nhì. Giữa hai hạng này có những loại người với động lực hỗn hợp, họ chưa hiểu rõ sự tiến hóa là phải tiến đến cái Ngã Duy Nhất, chớ không phải đến những cái ngã riêng rẽ. Tôi thường gọi những người thuộc loại này là những huynh đệ « xám », họ có thể ngã qua hạng bên này hay hạng bên kia, hoặc theo hẳn 1 trong 2 nhóm lớn có mục đích rõ rệt.

[32] Ở đây, đệ tử là người đã được Chân Sư thu nhận.

[33] Xin xem Chương XI về “Sự Hướng Thượng Của Nhân Loại” (Man’s Ascent).

[34] Học giả sẽ nhận thấy nơi đây đặc tính chủ yếu của trạng thái tĩnh (tamasic guna), là tính tối tăm hay bất động trong thiên nhiên.

[35] Là bảy luân xa (chakras) hay bánh xe. Những trung tâm này, được gọi như thế vì trạng thái quay cuồng của chúng, giống như những bánh xe bằng lửa sống động đang quay.

[36] Ở đây học giả sẽ ghi nhận ưu thế của trạng thái « động » (rajasic guna), tính chất hoạt động của thiên nhiên.

[37] Nơi đây, trạng thái điều hòa (sattvic guna), bản chất phúc lạc và tinh khiết trội hơn tất cả. Siddhis là những quyền năng siêu phàm.

[38] Xin xem Chương IV, “Cõi Trí” (The Mental Plane).

[39] Người Ấn Độ gọi trạng thái đó là “Pretaloka” là nơi ở của các vị “Pretas”, là những người đã bỏ xác tại cõi trần, nhưng chưa dứt bỏ lớp thú tánh của họ. Họ bị giam hãm trong lớp thú tánh đó, cho đến khi nó tan rã thì mới có thể đi xa hơn được.

[40] Linh hồn là bản chất trí tuệ con người, là mối liên lạc giữa tinh thần thiêng liêng trong con người và bản ngã thấp kém. Nó là “Ego”, là “cái ta”, là “cá nhân” đang phát triển do sự tiến hóa. Thông Thiên Học gọi nó là Manas, chủ thể tư tưởng. Năng lực trí khôn này hoạt động giới hạn trong bộ óc xác thân, cũng như trong thể vía và thể trí.

[41] Những vùng Kamaloka này thường được kể theo một thứ tự khác, thứ nhất là vùng cao nhất, và thứ bảy là vùng thấp nhất. Điều này không mấy quan trọng. Nơi đây, tôi đếm từ dưới lên trên để hòa hợp theo những cõi và những nguyên lý trong quyển sách này.

[42] Kết quả của những sự thay đổi, là sự tạo thành cái mà người Ấn Giáo gọi là Yatana (hay là thể của sự đau khổ). Trong trường hợp một cá nhân rất xấu ác, thể vía của người đó chứa nhiều chất liệu trọng trọc nhất, cái thể của người ấy được gọi là Dhruvam (hay cái thể cứng rắn).

[43] Không cần thiết phải là một tội lỗi làm trong kiếp này. Định luật nhân quả sẽ được giải thích ở Chương IX (Karma).

[44] Những hoạt động viên này là đệ tử của những vị Chân Sư, có nhiệm vụ giúp đỡ những linh hồn cần được cứu trợ.

[45] Xin xem Chương VII về “Luân Hồi”.

[46] Theo thứ tự từ dưới đếm lên. (Lời dịch giả)

[47] Xuất xứ từ danh từ Manas là danh từ kỹ thuật manasic plane (cõi trí), chuyển ra Anh ngữ là « mental ». Chúng ta có thể gọi nó là cõi trí khôn thật sự, để phân biệt sự hoạt động của nó với sự hoạt động của trí khôn xuyên qua bộ óc xác thân.

[48] Theo Phạm ngữ thì vô sắc tướng là arupa, còn sắc tướng là rupa. Rupa là hình thể, hình dạng, là lớp vỏ bọc.

[49] Mahat, là Ngôi Thứ Ba hay là Trí Sáng Tạo Thiêng Liêng (Divine Creative Intelligence) là Brahma của người Ấn Độ Giáo, là Manjusri của người Phật tử Bắc Tông, là Đức Chúa Thánh Thần của người Thiên Chúa Giáo.

[50] Đây là những vị Chư Thiên vô sắc tướng và sắc tướng của Ấn Độ Giáo và Phật Giáo. Các Ngài là chúa tể trên trời và dưới đất của Hỏa Giáo, và là đại thiên thần và thiên thần của Thiên Chúa Giáo và Hồi Giáo.

[51] Revelation, x, 1.

[52] Thể trí thường được gọi là Mayavi Rupa hay thể ảo ảnh, khi nó được sắp xếp hoạt động một cách độc lập tại cõi thượng giới.

[53] Cõi trí chia làm 2 phần: phần cao là cõi thượng thiên, gồm có 3 cảnh; và phần thấp là cõi hạ thiên, gồm có 4 cảnh. (Lời dịch giả)

[54] Vì lẽ đó mà Thông Thiên Học nói về Kama-Manas để ám chỉ trí khôn hoạt động với và trong bản tính của dục vọng. Trí khôn ảnh hưởng đến thú tính và bị ảnh hưởng của thú tính. Học phái Vedanta sắp cả 2 thể chung làm một, và nói rằng chân ngã hoạt động trong “manomayakosha” tức là cái vỏ làm bằng chất hạ trí, tình cảm và đam mê. Nhà phân tâm học Âu Châu chia trí khôn làm ba phần, cho tình cảm là một trong ba phần đó, và họ bao gồm cảm xúc và cảm giác trong tình cảm.

[55] Xem chương VII và chương VIII nói về sự luân hồi.

[56] Chính nó là “Augoeides” của phái Neo-Platonists, là “thể Tinh Thần” của Thánh Paul.

[57] Đường chánh đạo là đường đưa nhân loại đến thiêng liêng, đến tột đỉnh để phụng sự người đời. Đường tà đạo cũng đưa đến tột đỉnh nhân loại, nhưng để ngăn cản sự tiến hóa, với mục đích ích kỷ cá nhân. Chúng đôi khi được gọi là Bạch đạo và Hắc đạo.

[58] Devasthan là danh từ Phạn ngữ, đồng nghĩa với Devachan, là chỗ ở của Thiên Thần. Chính nó là Svarga của người Ấn Độ Giáo, là Sukhâvati (cõi cực lạc) của người Phật tử, là Thiên Đàng của người Thiên Chúa Giáo và Hỏa Giáo; nó cũng là cõi trời của người ít ham chuộng vật chất trong số các người theo Hồi Giáo. Trong chương này, những danh từ: Davachan, cõi trời chân phúc, cõi Thiên Đàng, cõi trời, cõi thượng giới, cõi trí, đều chỉ cùng một cõi. (LDG)

[59] Gọi theo danh từ kỹ thuật là thiên đàng vô sắc tướng và thiên đàng sắc tướng, hiện tồn ở vùng vô sắc tướng và sắc tướng của cõi thượng giới.

[60] Khi học giả suy gẫm sẽ thấy nơi đây một gợi ý phong phú, về vấn đề “liên tục của tâm thức” sau khi trải qua chu kỳ của vũ trụ. Hãy đặt Ishvara (là Thượng Đế) vào địa vị của chủ thể Tư Tưởng, và những quan năng (là kết quả của một đời), đại diện cho cuộc sống nhân loại (là kết quả của vũ trụ), khi ấy, học giả có thể thoáng thấy một điều gì cần thiết cho tâm thức, trong khoảng thời gian giữa hai vũ trụ.

[61] Xin xem chương III về Kamaloka, trang 83.

[62] Xin xem chương «sự hướng thượng của nhân loại». Người được điểm đạo là người bước ra khỏi con đường tiến hóa bình thường; và đang đi đến sự hoàn thiện bằng con đường ngắn hơn và dốc đứng hơn.

[63] Ahamkara là nguyên lý sinh ra cái “tôi”. Cái “tôi” cần thiết cho sự tiến hóa của tâm thức. Nhưng cái “tôi” đó phải được loại trừ, khi việc làm của nó đã hoàn tất.

[64] Lời so sánh này rút trong quyển Bhagavad Purana.